

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH NHI KHOA ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: / QĐ-YDHP ngày tháng năm 20...
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH NHI KHOA ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG

Khối ngành: Y học
Ngành: Nhi khoa
Mã ngành đào tạo: 8720106
Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
Hệ đào tạo: Sau đại học
Thời gian đào tạo: 2 năm

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-YDHP, ngày tháng năm 20....
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	1
II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	1
III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ NHI KHOA	3
IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM – CƠ HỘI HỌC TẬP NÂNG CAO	13
VI. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO – ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	13
VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	17
VIII. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC.....	21
X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	22
XII. PHỤ LỤC	23
TRIẾT HỌC	25
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	32
THỐNG KÊ Y SINH	42
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC	51
SINH LÝ HỌC NÂNG CAO	60
MÔN TRUYỀN NHIỄM	68
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN SƠ SINH – HỒI SỨC CẤP CỨU.....	76
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN	85
THẬN – HUYẾT HỌC – NỘI TIẾT – CHUYỀN HÓA – DI TRUYỀN.....	85
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIÊU HÓA – DINH DƯỠNG	94
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÔ HẤP – TIM MẠCH	102
THẦN KINH – TÂM BỆNH – NHI KHOA XÃ HỘI – ĐIỀU TRỊ HỌC	112
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHÂN ĐOÀN HÌNH ẢNH	121
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN BỆNH LAO TRẺ EM	125
TAI NẠN THƯƠNG TÍCH – PHỤC HỒI CHỨC NĂNG Ở TRẺ EM	132
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGOẠI NHI.....	140
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN	148
Chiến lược xử trí lồng ghép bệnh trẻ em (Integrated Management of Child Illness - IMCI).....	148
PHỤ LỤC	153

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên chương trình đào tạo	Thạc sĩ chuyên ngành Nhi khoa định hướng ứng dụng
Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
Khối ngành	Y học
Ngành đào tạo	Nhi khoa
Mã ngành	8720106
Hệ đào tạo	Sau đại học
Hình thức đào tạo	Tập trung
Thời gian đào tạo	24 tháng
Tên văn bằng tốt nghiệp	Bằng Thạc sĩ Y học, chuyên ngành Nhi khoa (The Degree of Master of Science in Medicine, Major: Pediatrics)
Đơn vị đào tạo/cấp bằng	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Đối tượng áp dụng	Học viên Thạc sĩ Nhi khoa
Thời gian áp dụng	Năm học 2024 – 2025

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Sứ mạng – Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi – Triết lý giáo dục của Trường

Theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐT-YDHP của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng ngày 02/02/2021 về việc ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động của trường Đại học Y Dược Hải Phòng:

- Sứ mạng:** “Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khoẻ và phát triển y dược biển đảo”.
- Tầm nhìn:** “Phát triển thành đại học tự chủ khối ngành sức khoẻ có chất lượng, uy tín, định hướng ứng dụng (tới năm 2025); đạt chuẩn khu vực (tới năm 2030) và hội nhập quốc tế”.
- Giá trị cốt lõi:** “Chuyên nghiệp – Hội nhập – Hiệu quả”
- Triết lý giáo dục:** “Lấy người học làm trung tâm - Lấy người bệnh làm trung tâm - Vì sức khỏe cộng đồng”

2. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Objectives – POs)

2.1. Mục tiêu tổng quát

Chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Nhi khoa cung cấp đa dạng các trải nghiệm giáo dục chuyên ngành Nhi khoa trong một môi trường trí tuệ thuận lợi cho việc học tập thực hành Nhi khoa một cách mẫu mực. Thạc sĩ Nhi khoa sẽ đạt được, duy trì và phát triển xuất sắc khả năng của mình trong việc chăm sóc bệnh nhân và thực hiện các nghiên cứu khoa học.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Học viên cao học Nhi khoa được kỳ vọng có năng lực:

PO1- Chăm sóc người bệnh: Chăm sóc bệnh nhi một cách từ bi, phù hợp và hiệu quả để điều trị các vấn đề sức khoẻ và nâng cao sức khoẻ trẻ em; Có khả năng cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khoẻ lấy bệnh nhân và gia đình họ làm trung tâm phù hợp với lứa tuổi và sự phát triển, có lòng nhân ái, phòng và điều trị hiệu quả các trẻ bệnh.

PO2- Kiến thức Nhi khoa: Có đủ kiến thức về y sinh học, lâm sàng, dịch tễ học và khoa học hành vi- xã hội và áp dụng kiến thức này vào việc chăm sóc bệnh nhân; đảm nhận được trách nhiệm giảng dạy và giám sát các bác sĩ Cao học khoá dưới và sinh viên y khoa.

PO3- Kỹ năng giao tiếp và cộng tác: Kỹ năng giao tiếp nhằm trao đổi thông tin hiệu quả với bệnh nhân, gia đình của họ và các cộng sự chuyên môn.

PO4- Học tập và cải thiện dựa trên thực hành: Sử dụng hiệu quả các phương pháp và bằng chứng khoa học để điều tra, đánh giá và cải tiến các phương pháp chăm sóc bệnh nhân.

PO5- Tính chuyên nghiệp: Cam kết thực hiện các trách nhiệm nghề nghiệp của ngành y, tuân thủ các nguyên tắc đạo đức và nhạy cảm với sự đa dạng văn hoá, tín ngưỡng.

PO6- Thực hành dựa trên hệ thống: Thực hành chăm sóc sức khỏe có chất lượng và áp dụng cho bệnh nhân trong hệ thống chăm sóc sức khỏe.

PO7- Giảng dạy và nghiên cứu khoa: Phát triển các kỹ năng và thái độ cần thiết để hoạt động như một giáo viên lâu dài cho bản thân, đồng nghiệp, bệnh nhân / gia đình và cộng đồng; phải chứng minh năng lực tiến hành hoàn chỉnh một nghiên cứu khoa học.

2.3. Sự phù hợp giữa mục tiêu CTĐT (PO) với Sứ mạng-Tầm nhìn- Giá trị cốt lõi - Triết lý giáo dục của Trường đại học Y Dược Hải Phòng

PO	Sứ mạng	Tầm nhìn	Giá trị cốt lõi	Triết lý giáo dục
PO1	x		x	x
PO2	x	x	x	x

PO3	x		x	x
PO4	x	x	x	x
PO5	x	x	x	x
PO6	x	x	x	x
PO7	x	x	x	x

III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ NHI KHOA

1. Chuẩn đầu ra của CTĐT (Program Learning Outcomes: PLOs)

Sau khi kết thúc thành công chương trình đào tạo trong 02 năm, Thạc sĩ ngành Nghiên cứu khoa có khả năng:

PLO1- Khai thác tiền sử, bệnh sử: Lọc, ưu tiên và tổng hợp các dữ kiện tiền sử, bệnh sử để đưa ra chẩn đoán phân biệt ngay lập tức đối với các vấn đề bệnh tật phức tạp hoặc không điển hình.

PLO2- Khám thực thể: Thực hiện khám sức khỏe toàn thân hoặc khám cơ quan, như được chỉ định, và diễn giải được các điểm khác biệt và bất thường. Thực hiện khám thực thể sử dụng thành thục phương pháp tiếp cận phù hợp với mức độ phát triển.

PLO3- Phân loại và xác định bệnh nhân cần chăm sóc ưu tiên: Sắp xếp và ưu tiên chăm sóc đồng thời nhiều bệnh nhân một cách hiệu quả.

PLO4-Biện luận lâm sàng: Sắp xếp các dữ kiện lâm sàng để so sánh và đối chiếu các chẩn đoán đang được cân nhắc, giúp đưa ra chẩn đoán phân biệt ưu tiên.

PLO5- Quản lý điều trị bệnh nhân: Phát triển được kế hoạch liên khoa điều trị cho những bệnh thông thường và điển hình.

PLO6-Kiến thức lâm sàng: Áp dụng được những kiến thức y học cho những tình huống lâm sàng thông dụng và điển hình để đưa ra hướng xử trí.

PLO7- Đánh giá chẩn đoán: Đề xuất đánh giá trọng tâm dựa trên chẩn đoán phân biệt ưu tiên. Diễn giải được sự quan trọng về mặt lâm sàng của các kết quả nghiên cứu liên quan đến chẩn đoán.

PLO8- Giao tiếp lấy bệnh nhân và gia đình làm trung tâm: Thiết lập mối quan hệ trị liệu và thầm quyền về văn hóa trong hầu hết các buổi gặp gỡ. Giao tiếp với sự nhạy cảm và lòng trắc ẩn, khơi gợi giá trị của bệnh nhân / gia đình và tìm hiểu những băn khoăn và xung đột.

PLO9- Giao tiếp giữa các chuyên gia và nhóm: Phối hợp các khuyến nghị của chuyên gia tư vấn để tối ưu hóa việc chăm sóc bệnh nhân. Tạo điều kiện thuận lợi cho giao tiếp giữa các nhóm chuyên gia.

PLO10- Giao tiếp trong hệ thống chăm sóc sức khỏe: Cập nhật tài liệu cụ thể, ưu tiên, lý luận chẩn đoán và điều trị trong hồ sơ bệnh án. Điều chỉnh cách thức gửi thông tin liên lạc (ví dụ: trực tiếp và gián tiếp) dựa trên mức độ khẩn cấp và hoàn cảnh.

PLO11- Thực hành dựa trên bằng chứng và thông tin: Xác định đúng vị trí và áp dụng các bằng chứng được tích hợp với các quyền ưu tiên của bệnh nhân , vào việc chăm

sóc bệnh nhân.

PLO12- Thực hành phản ánh và cam kết phát triển cá nhân: Tìm kiếm , kết hợp phản hồi và dữ liệu hiệu suất nhất quán. Điều chỉnh kế hoạch học tập dựa trên mục tiêu nghề nghiệp lâu dài, sự tự phản hồi, và dữ liệu hiệu suất để đo lường hiệu quả của nó.

PLO13-Hành vi chuyên nghiệp: Giữ vững tác phong chuyên nghiệp trong tình huống vô cùng phức tạp hoặc căng thẳng. Tham gia vào việc chăm sóc bệnh nhân và hoàn toàn tự chịu trách nhiệm.

PLO14- Nguyên tắc đạo đức: Phân tích các tình huống phức tạp bằng cách sử dụng các nguyên tắc đạo đức để giải quyết xung đột, tranh cãi; tìm kiếm sự trợ giúp khi cần để quản lý và giải quyết các tình huống đạo đức phức tạp.

PLO15- Trách nhiệm giải trình / Sự tận tâm: Thực hiện các nhiệm vụ và trách nhiệm một cách triệt để và kịp thời trong các tình huống phức tạp hoặc căng thẳng.

PLO16-An toàn cho người bệnh: Tham gia vào việc phân tích sự kiện ảnh hưởng đến an toàn người bệnh (thực tế hoặc mô phỏng). Tham gia vào việc thông báo cho bệnh nhân và người nhà về các sự kiện ảnh hưởng đến an toàn người bệnh (thực tế hoặc mô phỏng).

PLO17- Vai trò của bác sĩ trong hệ thống chăm sóc sức khỏe: Thảo luận về sự cần thiết phải thay đổi các phương pháp tiếp cận lâm sàng dựa trên bằng chứng, kết quả và hiệu quả chi phí để cải thiện chăm sóc bệnh nhân và gia đình.

PLO18- Nghiên cứu khoa học và phân tích thông kê y sinh: Thực hiện được đề tài khoa học thuộc lĩnh vực Nhi khoa một cách độc lập.

2. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với mục tiêu đào tạo

PLO	Nội dung	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
PLO1	PLO1- Khai thác tiền sử, bệnh sử: Lọc, ưu tiên và tổng hợp các dữ kiện tiền sử, bệnh sử để đưa ra chẩn đoán phân biệt ngay lập tức đối với các vấn đề bệnh tật phức tạp hoặc không điển hình.	X				X		
PLO2	PO2- Kiến thức Nhi khoa: Có đủ kiến thức về y sinh học, lâm sàng, dịch tễ học và khoa học hành vi- xã hội và áp dụng kiến thức này vào việc chăm sóc bệnh nhân; đảm nhận được trách nhiệm giảng dạy và giám sát các bác sĩ Cao học Nhi khoa dưới và sinh viên y khoa.	X				X		
PLO3	PO3- Kỹ năng giao tiếp và cộng tác: Kỹ năng giao tiếp nhằm trao đổi thông tin hiệu quả với bệnh nhân, gia đình của họ và các cộng sự chuyên môn.	X				X		

PLO4	PLO4-Biện luận lâm sàng: Tích hợp các dữ kiện lâm sàng vào (các) chẩn đoán thống nhất; đánh giá lại ngay để tránh lỗi chẩn đoán.	X	X			X	
PLO5	PLO5- Quản lý điều trị bệnh nhân: Phát triển và thực hiện được các kế hoạch quản lý điều trị cho các chẩn đoán phức tạp và không điển hình, với khả năng sửa đổi kế hoạch điều trị khi cần thiết.	X		X	X		
PLO6	PLO6-Kiến thức lâm sàng: Tích hợp một lượng lớn kiến thức y tế bao gồm các tình trạng bệnh phức tạp và không điển hình để hướng dẫn chăm sóc bệnh nhân.		X				
PLO7	PLO7- Đánh giá chẩn đoán: Ưu tiên và tối ưu hóa việc đánh giá dựa trên rủi ro, lợi ích, chỉ định và các lựa chọn thay thế để làm rõ (các) chẩn đoán. Diễn giải được sự quan trọng về mặt lâm sàng của các kết quả nghiên cứu liên quan đến chẩn đoán và cân nhắc đến những hạn chế của nghiên cứu		X			X	
PLO8	PLO8- Giao tiếp lấy bệnh nhân và gia đình làm trung tâm: Thiết lập được sự đồng thuận của gia đình cho kế hoạch điều trị, bao gồm cả các vấn đề không rõ ràng hoặc xung đột. Chia sẻ được các quyết định lâm sàng với bệnh nhân và người nhà để lập kế hoạch chăm sóc cho từng bệnh nhân cụ thể.			X	X		X
PLO9	PLO9- Giao tiếp giữa các chuyên gia và nhóm: Phối hợp các khuyến nghị của chuyên gia tư vấn để tối ưu hóa việc chăm sóc bệnh nhân. Tạo điều kiện thuận lợi cho giao tiếp giữa các nhóm chuyên gia.			X		X	

PLO10	PLO10- Giao tiếp trong hệ thống chăm sóc sức khoẻ: Thể hiện sự mẫn mực trong giao tiếp bằng văn bản và lời nói trong lý luận chẩn đoán, điều trị và tiên lượng bệnh.		X		X		X
PLO11	PLO11- Thực hành dựa trên bằng chứng và thông tin: Xác định đúng vị trí và áp dụng các bằng chứng được tích hợp với các quyền ưu tiên của bệnh nhân , vào việc chăm sóc bệnh nhân.			X			
PLO12	PLO12- Thực hành phản ánh và cam kết phát triển cá nhân: Tìm kiếm , kết hợp phản hồi và dữ liệu hiệu suất nhất quán. Điều chỉnh kế hoạch học tập dựa trên mục tiêu nghề nghiệp lâu dài, sự tự phản hồi, và dữ liệu hiệu suất để đo lường hiệu quả của nó.			X			X
PLO13	PLO13-Hành vi chuyên nghiệp: Nhận biết các tình huống có thể làm mất đi tính chuyên nghiệp và can thiệp để ngăn chặn những sai sót của bản thân và những người khác. Thể hiện ý thức trách nhiệm chăm sóc bệnh nhân và trách nhiệm nghề nghiệp.				X		
PLO14	PLO14- Nguyên tắc đạo đức: Quản lý và tìm cách giải quyết các tình huống khó xử về đạo đức bằng cách sử dụng các nguồn lực thích hợp (ví dụ: tham vấn đạo đức, đánh giá tài liệu, quản lý rủi ro / tham vấn pháp lý).				X		
PLO15	PLO15- Trách nhiệm giải trình / Sự tận tâm: Thực hiện các nhiệm vụ và trách nhiệm một cách triệt để và kịp thời trong các tình huống phức tạp hoặc căng thẳng.				X		

PLO16	PLO16-An toàn cho người bệnh: Tiến hành phân tích các sự kiện an toàn của bệnh nhân và đưa ra các chiến lược ngăn ngừa lỗi (mô phỏng hoặc thực tế). Thông báo về những biến cố cho bệnh nhân và gia đình (mô phỏng hoặc thực tế một cách hiệu quả.					X	X
PLO17	PLO17- Vai trò của bác sĩ trong hệ thống chăm sóc sức khỏe: Thảo luận về sự cần thiết phải thay đổi các phương pháp tiếp cận lâm sàng dựa trên bằng chứng, kết quả và hiệu quả chi phí để cải thiện chăm sóc bệnh nhân và gia đình.					X	X
PLO18	PLO18- Nghiên cứu khoa học và phân tích thông kê y sinh: Thực hiện được đề tài khoa học thuộc lĩnh vực Nhi khoa một cách độc lập.			X			X

3. Sự phù hợp với khung trình độ quốc gia và chuẩn năng lực ngành

Khung trình độ quốc gia* (Phụ lục Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016)

Chuẩn năng lực ngành (Phụ lục: Thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ Số: 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27 tháng 5 năm 2015)

Điều 5. Bác sĩ chính (hạng II) - Mã số: V.08.01.02

1. Nhiệm vụ:

a) Khám bệnh, chữa bệnh:

Chủ trì hoặc tham gia hội chẩn chuyên môn thuộc lĩnh vực được giao;

Tổ chức, thực hiện khám bệnh, chữa bệnh;

Tổ chức, xử trí cấp cứu, cấp cứu thuộc chuyên khoa, trường hợp khó do tuyến dưới chuyển đến;

Phát hiện và báo cáo sai sót chuyên môn kỹ thuật trong phạm vi chuyên môn được giao; Giám sát, kiểm tra, đánh giá, cải tiến chất lượng khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi chuyên môn được giao.

b) Thông tin, truyền thông, giáo dục sức khỏe:

Xác định nhu cầu và đề ra nội dung hướng dẫn, giáo dục sức khỏe;

Tổ chức lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch tư vấn, truyền thông, giáo dục sức khỏe dựa vào mục tiêu và nhu cầu thực tế;

Đề xuất các biện pháp quản lý sức khỏe trong phạm vi được giao.

c) Tổ chức, thực hiện tư vấn cho người bệnh hoặc gia đình người bệnh lựa chọn dịch vụ y tế phù hợp;

d) Vận hành và sử dụng được thiết bị y tế phục vụ chẩn đoán, can thiệp điều trị, cấp cứu

trong phạm vi được giao;

đ) Tổ chức giám định y khoa, giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần thuộc chuyên khoa hoặc lĩnh vực liên quan theo quy định của pháp luật;

e) Trực tiếp hoặc phối hợp tham gia công tác chỉ đạo tuyển về chuyên môn kỹ thuật, triển khai phòng, chống dịch và các bệnh xã hội khi được giao;

g) Đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Tổ chức biên soạn tài liệu chuyên môn; xây dựng quy chế, quy trình kỹ thuật chuyên môn thuộc lĩnh vực được giao;

Trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng và chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật đối với viên chức chuyên môn và học viên, sinh viên khi được giao;

Chủ trì hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ y học trở lên (trừ chuyên ngành y học dự phòng);

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 (B1) trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDDT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với vị trí việc làm có yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng bác sĩ chính (hạng II).

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Hiểu biết quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; nắm được định hướng phát triển chuyên môn kỹ thuật chuyên ngành;

b) Có kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi và dự phòng các bệnh thường gặp và cấp cứu chuyên khoa;

c) Áp dụng y học cổ truyền trong công tác phòng và chữa bệnh;

d) Tổ chức, thực hiện tư vấn, giáo dục sức khỏe, chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân;

đ) Có năng lực tập hợp các nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ;

e) Chủ nhiệm hoặc thư ký hoặc người tham gia chính (50% thời gian trở lên) đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên hoặc sáng chế hoặc phát minh khoa học hoặc sáng kiến cải tiến kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên ngành đã được nghiệm thu đạt;

g) Viên chức thăng hạng từ chức danh bác sĩ (hạng III) lên chức danh bác sĩ chính (hạng

II) phải có thời gian giữ chức danh bác sĩ (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm đối với người có bằng tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ y học; 06 năm đối với người có bằng tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp II hoặc tiến sĩ y học hoặc bằng tốt nghiệp bác sĩ nội trú; trong đó có thời gian gần nhất giữ chức danh bác sĩ (hạng III) tối thiểu là 02 năm.

4. Phù hợp giữa chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia bậc 7
Khung trình độ quốc gia bậc 7 (theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016)

Kiến thức	Kỹ năng	Mức độ tự chủ và trách nhiệm
KT1: Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu rộng,	KN1: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải	TCTN1: Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan
tiên tiến, nắm vững những nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.	pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học KN2: Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với người khác. KN3: Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.	trọng. TCTN2: Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.
KT2: Kiến thức liên ngành có liên quan.	KN4: Kỹ năng nghiên cứu, phát triển và sử dụng công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.	TCTN3: Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.
KT3: Kiến thức chung về quản trị và quản lý	KN5: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	TCTN4: Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn

PLO	Kiến thức			Kỹ năng					Mức độ tự chủ trách nhiệm			
	KT 1	KT 2	KT 3	K N1	K N2	K N3	K N4	K N5	TCT N1	TCT N2	TCT N3	TCTN 4
PLO1	x	x		x							x	
PLO2	x			x				x		x	x	
PLO3	x		x	x		x			x	x	x	x
PLO4	x	x		x	x	x				x	x	
PLO5	x		x	x		x					x	x
PLO6	x	x		x							x	
PLO7	x	x		x	x				x		x	x
PLO8		x	x	x	x					x	x	
PLO9	x	x		x	x	x				x	x	
PLO10	x		x	x	x	x					x	x
PLO11	x	x	x	x	x		x	x	x		x	x
PLO12	x		x		x	x	x			x		x
PLO13	x		x	x		x				x		
PLO14	x	x	x		x	x			x		x	x
PLO15	x		x	x		x				x		x
PLO16	x		x	x		x	x		x	x	x	x
PLO17	x		x	x	x	x	x	x	x			x
PLO18	x	x	x	x	x	x	x		x		x	x

5. Các hoạt động chuyên môn chủ chốt

EPA	Diễn giải	Năm 1	Năm 2
1A	Khai thác bệnh sử, tiền sử	4	5
1B	Khám thực thể	4	5

2	Liệt kê các chẩn đoán sơ bộ (tiềm năng)	4	5
3	Chỉ định và phân tích kết quả CLS thông thường	4	5
4	Kê đơn thuốc	3	4
5	Ghi chép hồ sơ, bệnh án	4	5
6	Trình bày ca lâm sàng	3	4
7	Tìm kiếm chứng cứ y khoa trong chăm sóc người bệnh	3	4
8	Bàn giao và tiếp nhận người bệnh	3	4
9	Hợp tác trong nhóm chăm sóc người bệnh	3	4
10	Phát hiện và xử trí các biến triễn nặng của người bệnh	3	4
11	Thảo luận để có sự đồng thuận của người bệnh	3	4
12	Thực hiện các thủ thuật/kỹ thuật	3	4
13	Phòng ngừa sự cố y khoa	2	3
14	Kết hợp nghiên cứu khoa học và phân tích thông kê y sinh trong chăm sóc người bệnh	3	4
15	Ứng dụng nghiên cứu khoa học và phân tích thông kê y sinh trong thực hành y khoa	3	4

Ghi chú:

1: *Giám sát trực tiếp (Direct supervision):* học viên có thể tiến hành được cùng với sự giám sát trực tiếp của người hướng dẫn có mặt bên giường bệnh. Một phần của hoạt động ở trình độ này có thể được phối kết hợp với hoạt động của người hướng dẫn để hoàn thành được.

2: *Giám sát chủ động (Proactive supervision):* học viên có thể triển khai đầy đủ hoạt động chuyên môn khi có mặt người giám sát. Người giám sát có thể can thiệp khi thấy cần thiết và có trách nhiệm kiểm chứng lại toàn bộ những điều học viên tìm được.

3: *Giám sát đáp ứng (Responsive supervision):* học viên có thể tiến hành hoạt động chuyên môn một cách hoàn toàn độc lập trong khi người hướng dẫn chỉ có mặt tại nơi tiến hành trong một vài phút. Học viên có thể sử dụng liên hệ trợ giúp qua điện thoại

với người hướng dẫn. Người hướng dẫn chịu trách nhiệm kiểm chứng lại các điểm mấu chốt trong những điểm học viên tìm được.

4: *Giám sát gián đoạn (Postponed supervision):* học viên có thể tiến hành toàn bộ hoạt động chuyên môn chỉ với sự giám sát gián đoạn của người hướng dẫn. Học viên có thể tiến hành báo cáo sau khi đã hoàn thành hoạt động chuyên môn. Giai đoạn này thường định hướng tới việc thực hành không cần sự giám sát và đánh dấu một sự tin tưởng đủ vững chắc cho phép cấp chứng chỉ để học viên được tiếp nhận toàn bộ trách nhiệm trong các hoạt động chuyên môn được giao phó.

5: *Cung cấp sự giám sát (Provide supervision):* học viên cho thấy được khả năng giám sát và có thể đảm nhiệm vai trò này đối với các học viên khóa sau.

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM – CƠ HỘI HỌC TẬP NÂNG CAO

1. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Thạc sĩ Nhi khoa, học viên có khả năng đảm nhiệm công tác khám chữa bệnh, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý tại:

- Tại các cơ sở khám chữa bệnh: Thạc sĩ Nhi khoa (sau khi có Chứng chỉ hành nghề) có thể đảm nhiệm công việc của bác sĩ điều trị, tham gia công tác tổ chức, quản lý và điều hành chuyên môn tại các cơ sở y tế công lập và dân lập; trực tiếp tham gia khám chữa bệnh tại các phòng khám, các trung tâm y tế, các bệnh viện từ tuyến huyện đến tuyến trung ương.
- Các cơ sở đào tạo thuộc khối ngành Khoa học sức khỏe với chức danh giảng viên, nghiên cứu viên.
- Các Viện nghiên cứu, cơ quan quản lý hay tổ chức chuyên môn với chức danh nghiên cứu viên, chuyên viên y tế.
- Các tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế liên quan tới sức khoẻ, y tế.

2. Cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Thạc sĩ Nhi khoa, học viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu ở các bậc cao hơn ở trong và ngoài nước:

- Hệ thực hành: Bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Nhi khoa.
- Hệ nghiên cứu: Tiến sĩ Y học chuyên ngành Nhi khoa.

V. TUYỂN SINH

Sinh viên đã tốt nghiệp Bác sĩ đa khoa hệ chính quy và đáp ứng các tiêu chí tuyển sinh hàng năm của Nhà trường dựa trên quy chế tuyển sinh Thạc sĩ chuyên ngành Nhi khoa.

VI. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO – ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

1. Tiến trình đào tạo

CTĐT được xây dựng trên dựa trên nguyên tắc **tích hợp** và **lồng ghép** các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và lâm sàng, **liên tục** về kỹ năng và thái độ từ tiền lâm sàng và lâm sàng ...với tiến trình đào tạo như sau :

- Học kỳ 1: Học viên học các học phần thuộc khối kiến thức chung và kiến thức hỗ trợ. Trong học kỳ này, học viên chuẩn bị viết và được thông qua đề cương nghiên cứu của đề tài là luận văn tốt nghiệp khóa học.
- Học kỳ 2 và 3: Học viên học các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, kiến thức tự chọn, bao gồm các giờ học lý thuyết và thực hành lâm sàng tại các khoa phòng hệ Nội Nhi của các bệnh viện thực hành, đồng thời triển khai đề tài là luận văn tốt nghiệp.

- Học kỳ 4: Học viên tiếp tục học các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành nâng cao, bao gồm cả lý thuyết và thực hành lâm sàng tại các khoa phòng hệ Nội Nhi của các bệnh viện thực hành, đồng thời hoàn thiện đề tài là luận văn tốt nghiệp. Ở cuối học kỳ này, học viên ôn thi tốt nghiệp, thi tốt nghiệp (lý thuyết và lâm sàng) và bảo vệ luận văn tốt nghiệp.

- Học viên buộc phải xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong trường hợp bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có giấy tờ hợp lệ. Học viên cần học ít nhất một học kỳ và không thuộc các trường hợp bị buộc thôi học quy định của Nhà trường.

2. Điều kiện tốt nghiệp

Học viên Thạc sĩ Nhi khoa được xét tốt nghiệp khi hoàn thành 100% khối kiến thức, các điểm học phần đạt $\geq 4,0$ điểm, bảo vệ luận văn tốt nghiệp ở mức Đạt trở lên, và không chịu các hình thức kỷ luật của Nhà trường.

VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số khối lượng kiến thức của CTĐT: 60 TC

Khối kiến thức	Số tín chỉ				Tỷ lệ (%)
	LT	TH	LS	Tổng	
Phần kiến thức giáo dục đại cương	4	1	0	5	8.3
Phần kiến thức cơ sở	5	3	2	10	16.6
Phần kiến thức chuyên ngành	13	0	14	27	45.1
Phần kiến thức tự chọn	3	0	6	9	15
Luận văn	9	0	0	9	15
Tổng cộng	34	4	22	60	100

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ			Phương pháp lượng giá	
			Tổng	LT	TH	LS	
		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	5				
1	YHTH.501	Triết học	3	3	0		Tự luận

2	YHNC.512	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1	1	MCQ
KIẾN THỨC CƠ SỞ							
3	YHTK.558	Thống kê y sinh	3	1	2		MCQ
4	YHPP.513	Phương pháp dạy học	2	1	1		MCQ
5	YHSL.521	Sinh lý học nâng cao	2	2	0		MCQ
6	YHLN.551	Truyền nhiễm	3	1		2	MCQ
KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH							
7	YHSH.553	Sơ sinh – Hồi sức cấp cứu	6	3		3	MCQ
8	YHTN.554	Thận – Huyết học - Nội tiết - Chuyển hoá – Di truyền	6	3		3	MCQ
9	YHTD.555	Tiêu hóa – Dinh dưỡng	4	2		2	MCQ
10	YHHT.556	Hô hấp – Tim mạch	5	2		3	MCQ
11	YHTX.559	Thần kinh – Tâm bệnh - Nhi khoa xã hội - Điều trị học	6	3		3	MCQ
KIẾN THỨC TỰ CHỌN (chọn 3 trong số 5 môn học)							
12	YHCD.560	Chẩn đoán hình ảnh Nhi khoa	3	1		2	MCQ
13	YHLT.561	Bệnh lao trẻ em	3	1		2	MCQ
14	YHTP.560	Tai nạn thương tích – phục hồi chức năng ở trẻ em	3	1		2	MCQ
15	YHNK.507	Ngoại Nhi	3	1		2	MCQ
16	YHIM.562	IMCI	3	1		2	MCQ
LUẬN VĂN							
TỔNG							

3. Ma trận Học phần và Chuẩn đầu ra của CTĐT

Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)																			
	PL O 1	PL O 2	PL O 3	PL O 4	PL O 5	PLO 6	PL O 7	PL O 8	PL O 9	PL O 10	PL O 11	PL O 12	PL O 13	PL O 14	PL O 15	PL O 16	PL O 17	PLO 18		
Triết học																X				
Phương pháp nghiên cứu khoa học																				X
Thống kê y sinh											X								X	X
Phương pháp giảng dạy										X	X	X							X	
Sinh lý học nâng cao			X																	
Bệnh truyền nhiễm trẻ em	X	X	X	X	X		X	X												
Sơ sinh - Hồi sức cấp cứu	X	X	X	X	X		X	X						X	X	X		X	X	
Thận - Huyết học - Nội tiết - Chuyển hoá - Di truyền	X	X	X	X	X		X	X						X						
Tiêu hóa - Dinh dưỡng	X	X	X	X	X		X	X						X						
Hô hấp - Tim mạch	X	X	X	X	X		X	X						X						
Thần kinh - Tâm bệnh - Nhi khoa xã hội - Điều trị học	X	X	X	X	X		X	X						X						
Chẩn đoán hình ảnh Nhi khoa	X	X	X	X	X		X	X												
Bệnh lao trẻ em	X	X	X	X	X		X	X												
Tai nạn thương tích - phục hồi chức năng ở trẻ em	X	X	X	X	X		X	X									X	X		
Ngoại Nhi	X	X	X	X	X		X	X										X	X	
IMCI	X	X	X	X	X		X	X												

4. Mô tả các học phần

- Triết học: Môn học cung cấp tri thức khái lược về lịch sử Triết học, nội dung cơ bản của các học thuyết ảnh hưởng nhiều đến đời sống của dân tộc Việt Nam và các chuyên đề nhằm gop phần cung cống và phát triển ở người học một thế giới quan khoa học, phương pháp luận khoa học.
- Phương pháp NCKH: cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học; giúp học viên hình thành năng lực tiến hành một nghiên cứu khoa học: xây dựng đề cương, triển khai thu thập và phân tích số liệu nghiên cứu, viết và trình bày bài nghiên cứu khoa học.
- Thông kê y sinh: cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản để ứng dụng thống kê trong khoa học y sinh và chăm sóc sức khoẻ cộng đồng, ứng dụng các loại kiểm định thống kê khác nhau vào bộ số liệu thực; giúp học viên hình thành kỹ năng phân tích số liệu bằng phần mềm Stata cũng như cách phiên giải đúng đắn những kết quả của nghiên cứu và áp dụng phương thức lý luận có khả năng giúp đưa ra quyết định trong thực hành y học.
- Phương pháp giảng dạy: cung cấp cho học viên những lý luận nền tảng của dạy học y khoa dựa trên năng lực; giúp học viên hình thành kỹ năng dạy học, bao gồm xây dựng chuẩn đầu ra của chương trình/bài học, xây dựng chiến lược và công cụ lượng giá, xây dựng nội dung và kế hoạch bài học, tổ chức việc dạy học.
- Sinh lý học nâng cao: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản, cập nhật về sinh lý học nhi khoa, bổ sung nền tảng kiến thức giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và tiên lượng bệnh trong thực hành nhi khoa.
- Bệnh truyền nhiễm: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và nâng cao, cập nhật về bệnh truyền nhiễm; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và tiên lượng bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm thường gặp ở trẻ em.
- Sơ sinh – Hồi sức cấp cứu: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và nâng cao, cập nhật về hồi sức cấp cứu và sơ sinh, giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và tiên lượng bệnh nhân nặng, cần hồi sức cấp cứu.
- Thận – Huyết học - Nội tiết - Chuyển hóa – Di truyền: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và nâng cao, cập nhật về bệnh học thận, bệnh về máu, bệnh nội tiết – chuyển hóa và di truyền ở trẻ em, giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh huyết học - thận - tiết niệu - nội tiết.
- Tiêu hóa – Dinh dưỡng: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và nâng cao, cập nhật về bệnh tiêu hóa và dinh dưỡng; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh tiêu hóa và dinh dưỡng ở trẻ em.
- Hô hấp – Tim mạch: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và nâng cao, cập nhật về bệnh hô hấp và tim mạch; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc hô hấp và tim mạch ở trẻ em.

- Thần kinh – Tâm bệnh - Nhi khoa xã hội- Điều trị học: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và nâng cao, cập nhật về thần kinh, tâm bệnh và bệnh lý nhi khoa xã hội, giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và tiên lượng bệnh nhân mắc các bệnh lý nói trên.
- Chẩn đoán hình ảnh Nhi khoa: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu, cập nhật về chẩn đoán hình ảnh nhi khoa; giúp học viên xây dựng kỹ năng phân tích thành thạo các kết quả chẩn đoán hình ảnh phục vụ cho chẩn đoán, điều trị, tiên lượng bệnh ở trẻ em.
- Bệnh lao trẻ em: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản, cập nhật về bệnh lao ở trẻ em, giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và tiên lượng bệnh nhi mắc bệnh lao.
- Tai nạn thương tích – phục hồi chức năng ở trẻ em: cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản, cần thiết để ứng dụng trong chẩn đoán, điều trị các cấp cứu, bệnh lý cơ xương khớp, thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản trong phẫu thuật chấn thương do tai nạn thương tích và phục hồi chức năng ở trẻ em.
- Ngoại Nhi: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản, cập nhật về các dị tật bẩm sinh và khối u vùng bụng ở trẻ em, về một số cấp cứu ngoại khoa ở trẻ em.
- IMCI: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản, cập nhật về chiến lược lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh, giúp học viên phát triển các kỹ năng quản lý và cải thiện chất lượng chăm sóc sức khỏe tại y tế tuyến cơ sở nhằm làm giảm tỷ lệ mắc bệnh và tỷ lệ tử vong ở trẻ em.

VIII. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

1. Kiến thức

- Thuyết trình
- Dạy học dựa trên ca bệnh (Case based learning)

2. Kỹ năng

- Dạy học một kỹ năng
- Dạy học thông qua theo dõi, điều trị bệnh nhân
- Dạy học thông qua đi buồng điểm bệnh
- Dạy học thông qua trực
- Dạy học thông qua giao ban
- Dạy học thông qua hội chẩn
- Dạy học thông qua kiểm thảo tử vong ca bệnh

IX. PHƯƠNG PHÁP LUẬNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ

1. Kiến thức

- Thuyết trình cải tiến, dạy học lý thuyết bằng thảo luận
- Dạy học dựa trên ca bệnh (Case based learning)

2. Kỹ năng

- Dạy học một kỹ năng
- Dạy học thông qua theo dõi, điều trị bệnh nhân
- Dạy học thông qua đi buồng điểm bệnh
- Dạy học thông qua trực
- Dạy học thông qua giao ban
- Dạy học thông qua hội chẩn
- Dạy học thông qua kiểm thảo tử vong ca bệnh

3. Thái độ và tính chuyên nghiệp

- Dạy trên bệnh nhân thực
- Dạy theo nhiệm vụ, công việc thực
- Dạy qua tình huống mô phỏng

X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Dạy học lý thuyết

- Học viên được cung cấp bản đề cương chi tiết các học phần để nắm rõ chuẩn đầu ra; nội dung, phương pháp lượng giá; nội dung, phương pháp học tập.
- Học viên được yêu cầu tìm hiểu, nghiên cứu và viết các chuyên đề liên quan đến học phần.
- Học viên tham gia thảo luận nhóm trên giảng đường các ca lâm sàng liên quan đến nội dung kiến thức của học phần

2. Dạy học lâm sàng

- Học viên được chia nhóm thực hành lâm sàng tại các khoa lâm sàng thuộc hệ Nội Nhi của bệnh viện thực hành, tham gia công tác thăm khám, điều trị, trực... để từng bước hoàn thiện các kỹ năng lâm sàng.

3. Phương án tổ chức

Hoạt động dạy - học lý thuyết được tổ chức tại các giảng đường truyền thống và giảng đường thông minh, chuyên biệt. Thực hành lâm sàng các chuyên khoa chuyên sâu của ngành Y khoa tại bệnh viện tuyến tỉnh/thành phố tại Hải Phòng:

- + BV Trẻ em Hải Phòng (Các khoa thuộc khối Nội Nhi và khối Ngoại Nhi)
- + BV Quốc tế Green (Khoa Nhi)
- + BV Hữu nghị Việt Tiệp (Khoa Truyền nhiễm, Khoa Chẩn đoán hình ảnh)
- + Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng (Khoa Nhi)

XI. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Các CTĐT trong nước, tài liệu, chuẩn quốc tế mà Nhà trường tham khảo:

- Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ) (bắt buộc).
- Chương trình đào tạo chuẩn trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Nhi khoa – Trường Đại học Y Dược – Đại học Quốc gia Hà Nội: <http://ump.vnu.edu.vn/tuyen-sinh/sau-dai-hoc/dao-tao-sau-dai-hoc/752-chuong-trinh-dao-tao-trinh-do-thac-si-chuyen-nganh-nhi-khoa>
- Quyết định chuẩn đầu ra các ngành đào tạo bậc thạc sĩ trường Đại học Y Dược, Đại học Huế.
- Quyết định Ban hành khung chương trình và kế hoạch đào tạo sau đại học năm học 2021-2022 của trường Đại học Y Dược, Đại học Huế.
- Sứ mạng – Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi – Triết lí giáo dục của Trường (*Nghị quyết số*

02/NQ-HĐT-YDHP của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng ngày 02/02/2021 về việc ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động của trường Đại học Y Dược Hải Phòng).

- QĐ Số: 1982/QĐ-TTg Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam – Bậc 7
- Pediatric Residency Program – Dept. of PEDIATRICS in the COLLEGE of MEDICINE – UF: <https://residency.pediatrics.med.ufl.edu/residency/goals-and-objectives/>
- Chuẩn năng lực của Hội đồng Giáo dục Nhi khoa SĐH Hoa Kỳ đối với BSNT Nhi: <https://www.acgme.org/globalassets/pdfs/milestones/pediatricsmilestones.pdf>
- Thông tư số 10/2015/TTLT-BYT-BNV quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp BS chính (hạng 2)
- Esther A.P. van Bockel, Pieter A. Walstock, Walther N.K.A. et al., Entrustable professional activities (EPAs) for postgraduate competency based intensive care medicine training in the Netherlands: The next step towards excellence in intensive care medicine training, Journal of Critical Care, Volume 54, 2019, Pages 261-267, ISSN 0883-9441, (<https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0883944118307342>)

XII. PHỤ LỤC

1. Bảng mô tả khung trình độ quốc gia Việt Nam (Bậc 6)

(Kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016
của Thủ tướng Chính phủ)

Chuẩn đầu ra – Người tốt nghiệp khóa đào tạo phải có:	
Kiến thức	
KT1	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.
KT2	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.
KT3	Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.
KT4	Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.
KT5	Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.
Kỹ năng	
KN1	Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.
KN2	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

KN3	Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.
KN4	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.
KN5	Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyên tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.
KN6	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm

TC1	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
TC2	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
TC3	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
TC4	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

2. Bảng đối sánh CTĐT

Đối sánh với các chương trình đào tạo cao học Nhi trong nước

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT:

Mô tả	Trường DHYD Huế (2016)		Trường DHYD Hải Phòng		Trường DHYD Thành phố HCM (2022)		ĐH Y Dược, ĐH Thái Nguyên (2022)	
	Đơn vị học trình	Tỉ lệ (%)	Đơn vị học trình	Tỉ lệ (%)	Đơn vị học trình	Tỉ lệ (%)	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)
Kiến thức cơ bản	6	8,2	10	16,7	5	8,3	9	15
Kiến thức cơ sở ngành	20	27,4	10	16,7	8	13,3	10	17
Kiến thức chuyên ngành	35	47,9	12	20,0	25	41,7	25	42
Chuyên đề					12	20		
Tự chọn	17	23,3	18	30,0	15	25	17	28,3
Tốt nghiệp							8	13,3
Luận văn	12	16,4	10	16,7	12	20	8	13,3
Tổng	73	100	60	100	60	100	60	100

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

TS.BS. Đinh Dương Bình Anh

TRƯỞNG KHOA Y

24

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
* HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Văn Khải

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRIẾT HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Triết học
Mã học phần: YHTH.501
Đối tượng áp dụng: học viên Thạc sĩ Nhi khoa
Loại học phần: X Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn
Thuộc khối kiến thức:
X Giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Chuyên ngành
<input type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn
<input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: - Bộ môn LLCT - GV phụ trách: TS.GVC Trịnh Thị Thủy.
Email liên hệ: ttthuy@hpmu.edu.vn
Điện thoại liên hệ: 0916626226

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	A = 03	a = 3	b	c	
Số tiết	B = 45	x = a x 15	y = b x 30	z = c x 45	C = a x 30 + b x 15
Số buổi	09	09	0	0	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

- Học phần Triết học được bố trí giảng dạy – học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo sau đại học nhằm mục đích nâng cao tính khoa học và tính hiện đại của lý luận, gắn lý luận với những vấn đề của thời đại và của đất nước, đặc biệt, nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn, vào lĩnh vực khoa học chuyên môn của học viên cao học và nghiên cứu sinh. Học phần bồi dưỡng tư duy triết học; định hướng người học xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa

học; củng cố cơ sở lý luận triết học trong đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Kết thừa những kiến thức đã học được ở trình độ đại học và phát triển sâu thêm những nội dung cơ bản trong Lịch sử triết học và trong Triết học Mác – Lenin.	
CLO2	Giải thích được vai trò TGQ, phương pháp luận của triết học và mối quan hệ giữa Triết học Mác - Lenin và các chuyên ngành thuộc lĩnh vực tự nhiên, công nghệ hiện đại gắn liền với các thành tựu mới của khoa học và công nghệ, với những vấn đề do thời đại và đất nước ta đặt ra.	
CLO3	Phân tích được các nội dung của Triết học Mác – Lenin ảnh hưởng đến các lĩnh vực đời sống của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	
CLO4	Có khả năng vận dụng thế giới quan, phương pháp luận khoa học trong quá trình phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành nghiên cứu, đặc biệt là trong nghiên cứu đối tượng thuộc ngành khoa học tự nhiên và công nghệ.	

3. LUẬNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

a. Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: Điểm danh/làm bài tập cá nhân/ thảo luận nhóm...
- Thời gian: trong suốt quá trình học tại bộ môn/module....

b. Lượng giá giữa kỳ

- Hình thức: Tiểu luận
- Thời gian: sau 1/2 thời gian học lý thuyết.

c. Lượng giá cuối kỳ

$$\text{Điểm TKHP} = \text{CC}*10\% + \text{TLGK}*20\% + \text{KT}*70\%.$$

CC: lượng giá chuyên cần

TLGK: lượng giá giữa kì (Tiêu luận)

KT: lượng giá kết thúc:

- Hình thức: + Lý thuyết: Tự luận có cấu trúc.

Mục tiêu	Nhớ: (20%)	Hiểu: (30%)	Áp dụng: (20%)	Phân tích: (30%)	Đánh giá (...%)	Sáng tạo (...%)	Tổng (%)
CLO1 (20%)	1						20
CLO2 (40%)		1					40
CLO3 (20%)				1			20
CLO4 (20%)			1				20
Tổng							100

+ Thực hành: Không

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			CDRHP	PP dạy học
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học		
Chương 1: KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC I. Triết học là gì? II. Triết học phương Đông III. Triết học phương Tây	15	0	30	CLO1: CLO4:	- Phương pháp thuyết trình - Kết hợp những phương pháp: nêu vấn đề, thảo

hiện đại					luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, xêmina...
IV. Tư tưởng Triết học Việt Nam					
CHƯƠNG 2. TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN	15	0	30	CLO2: CLO3 CLO4:	- Phương pháp thuyết trình - Kết hợp những phương pháp: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, xêmina...
I. Sự ra đời triết học Mác – Lênin					
II. Chủ nghĩa duy vật biện chứng					
III. Chủ nghĩa duy vật lịch sử					
IV. Triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay					
CHƯƠNG 3. MỐI QUAN HỆ GIỮA TRIẾT HỌC VÀ CÁC KHOA HỌC	10	0	20	CLO2: CLO3 CLO4:	- Phương pháp thuyết trình - Kết hợp những phương pháp: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, xêmina,..
I. Mối quan hệ giữa khoa học với triết học					
II. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển của khoa học					
CHƯƠNG 4. VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ				CLO2: CLO3	- Phương pháp thuyết

TRONG SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI	5	0	10	CLO4:	trình - Kết hợp những phương pháp: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, xêmina,..
I. Ý thức khoa học					
II. Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội					

III. Khoa học công nghệ ở Việt Nam

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Nguyễn Văn Tài: Giáo trình Triết học Mác - Lênin (Dành cho đào tạo trình độ Ths, TS các ngành KHXH-NV không chuyên ngành Triết học) - Nhà xuất bản ĐHSP, 2020.

5.2. Tài liệu tham khảo

[1]. C.MÁC và PH. ĂNG-GHEN Toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Triết học Mác -Lênin (Dùng trong đào tạo trình độ thạc sỹ học viên cao học, nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học) - Nhà xuất bản LLCT, 2007.

[3]. Một số tạp chí chuyên ngành và một số trang web:

<http://philosophy.vass.gov.vn/tap-chi>

<http://www.tapchidangcongsan.org.vn>

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY:

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS.GVC Trịnh Thị Thủy	BM LLCT	ttthuy@hpmu.edu.vn
2	Th.s Lại Thị Mai	BM LLCT	ltmai@hpmu.edu.vn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, giảng đường, các thiết bị hỗ trợ giảng dạy khác.

- Phòng thực hành/thí nghiệm

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. *Trịnh Thị Thủy*

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS.BS. *Đinh Dương Bình Anh*

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1			
1	TS.GVC Trịnh Thị Thùy	BM LLCT	ttthuy@hpmu.edu.vn
2	ThS Lại Thị Mai	BM LLCT	ltmai@hpmu.edu.vn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học					
Mã học phần: YHNC.512					
Đối tượng áp dụng: Học viên Thạc sĩ Nhi khoa					
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn					
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương		<input type="checkbox"/> Chuyên ngành		
	<input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở ngành.		<input type="checkbox"/> Tự chọn		
	<input type="checkbox"/> Ngành				
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Trung tâm Giáo dục Y học-Nghiên cứu khoa học					
Email liên hệ: giaoducyhoc@hpmu.edu.vn Điện thoại					

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	2	1	1	0	
Số tiết	90	15	30	0	45
Số buổi					

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần học trước: Dịch tễ học, Xác suất thống kê, Tin học ứng dụng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung (Course objectitive: CO)

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản của nghiên cứu khoa học trong y sinh; trên cơ sở đó người học có thể thực hiện được các bước xây dựng và hoàn thiện một đề cương nghiên cứu, bao gồm: lựa chọn chủ đề nghiên cứu, xác định mục tiêu, đối tượng, biến số nghiên cứu; cách viết tổng quan tài liệu, trích dẫn và quản lý tài liệu tham khảo, lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp với vấn đề và mục tiêu nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu, viết và trình bày đề cương nghiên cứu.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Vận dụng được tiêu chí FINER, SMART và các khái niệm cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học để	

	Lựa chọn được chủ đề, viết mục tiêu và thiết kế nghiên cứu phù hợp.	
CLO2	Vận dụng được khái niệm về biến số/chỉ số nghiên cứu, mẫu nghiên cứu và phương pháp thu thập thông tin để tính được cỡ mẫu cần thiết cho nghiên cứu cụ thể và thiết kế bộ công cụ thu thập thông tin phù hợp	
CLO3	Lựa chọn được tài liệu tham khảo trích dẫn phù hợp	
CLO4	Vận dụng được các khái niệm về sai số có thể xảy ra trong nghiên cứu để đề xuất các biện pháp hạn chế sai số phù hợp	
CLO5	Vận dụng được nguyên tắc cơ bản trong phân tích số liệu để lựa chọn một phương pháp thống kê phù hợp cho một nghiên cứu cụ thể	
CLO6	Vận dụng được nguyên tắc sử dụng bảng và biểu đồ để thiết kế được các bảng trống và biểu đồ dự kiến cho kết quả nghiên cứu	
CLO7	Viết được đề cương nghiên cứu khoa học	
CLO8	Sử dụng được một số phần mềm hỗ trợ nghiên cứu (bao gồm phần mềm thống kê, phần mềm quản lý tài liệu tham khảo, hệ thống tra cứu tài liệu)	
CLO9	Tuân thủ các quy tắc đạo đức trong nghiên cứu	

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá thực hành (LGTH)

* Hình thức: Viết đề cương

Hạn nộp đề cương: 2 tuần sau khi kết thúc học lý thuyết

* Ma trận lượng giá

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm có sự giám sát	Làm độc lập, không giám sát	Dạy người khác làm
CLO1	-	-	X	-
CLO2	-	-	X	-
CLO3	-	-	X	-
CLO4	-	-	X	-
CLO 5	-	-	X	-
CLO 6	-	-	X	-
CLO 7	-	-	X	-
CLO 8	-	-	X	-
CLO 9	-	-	X	-

Tổng		100%	
------	--	------	--

- Tiêu chí đánh giá đề cương: Rubric

Bảng Rubric lượng giá đề cương

CDR	Điểm	Nội dung	Mức đánh giá (Điểm)		
			Kém (0-30%)	Trung Bình (31-70%)	Tốt (71%-100%)
Thể thức					
CLO7	2	Trang bìa; phụ bìa	Thiếu thông tin; layout không cân đối; sai chính tả; tên đề tài sai	Tất cả các thông tin được đưa ra và trình bày	Tất cả các thông tin được đã được đưa ra đầy đủ và trình bày cân đối
	1	Danh mục từ viết tắt	Không có	Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng	Có; đầy đủ và rõ ràng
	1	Mục lục	Không có	Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng	Có; đầy đủ và rõ ràng
	1	Danh mục hình/bảng	Không có	Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng	Có; đầy đủ và rõ ràng
	5	Font chữ; cỡ chữ; căn lề	Không theo yêu cầu	Không đồng nhất	Tuân thủ yêu cầu trình bày
Đặt vấn đề (1-1,5 trang)					
CLO1, CLO7, CLO8	2	Khái niệm về vấn đề nghiên cứu	Không đưa ra khái niệm về vấn đề nghiên cứu	Đã trình bày một số khái niệm quan trọng trong nghiên cứu nhưng chưa đầy đủ/rõ ràng	Tất cả các khái niệm cơ bản quan trọng liên quan đến vấn đề nghiên cứu được định nghĩa và trình bày rõ ràng
	8	Lý do chọn lựa vấn đề nghiên cứu	Không có phần giới thiệu về vấn đề nghiên cứu (các số liệu thể hiện tính cấp bách)	Thiếu các yêu cầu của giới thiệu vấn đề nghiên cứu: các số liệu thể hiện tính cấp bách; tính mới; tính ứng dụng...	Có đầy đủ nội dung yêu cầu giới thiệu vấn đề nghiên cứu; trình bày được tầm quan trọng; cơ sở lý luận và ý nghĩa của vấn

				đề nghiên cứu
3	Câu hỏi nghiên cứu	Không có câu hỏi nghiên cứu	Có; nhưng không rõ ràng cụ thể.	Câu hỏi nghiên cứu được trình bày rõ ràng.
7	Mục tiêu nghiên cứu	Không có mục tiêu nghiên cứu; hoặc mục tiêu nghiên cứu không bắt đầu bằng động tự nghiên cứu	Có mục tiêu nghiên cứu; mục tiêu được viết bằng động từ nhưng chưa rõ ràng; không trả lời được câu hỏi nghiên cứu; chưa thể hiện rõ tiêu chí SMART	Mục đích của nghiên cứu được trình bày rõ ràng; phù hợp câu hỏi nghiên cứu; sử dụng các động từ hợp lý theo tiêu chí SMART

Tổng quan tài liệu (5-10 trang)

CLO3, CLO7, CLO8	10	Các khái niệm về vấn đề được nghiên cứu	Không đề cập các khái niệm liên quan vấn đề được nghiên cứu	Các khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu được đề cập	Các khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu được đề cập chi tiết; rõ ràng và có sắp xếp hợp lý
	15	Tham khảo bằng chứng nghiên cứu trước đây có liên quan	Mỗi đoạn văn tóm tắt kết quả của một nghiên cứu mà không có đánh giá, tích hợp hoặc tổng hợp.	Tài liệu liên quan bao gồm các bằng chứng thực nghiệm và lý thuyết cần thiết để hỗ trợ giả thuyết được mô tả.	Các kết quả của nghiên cứu thực nghiệm và lý thuyết trước đó được tích hợp, đánh giá và tổng hợp để làm rõ luận điểm về giả thuyết nghiên cứu
	5	Trích dẫn tài liệu tham khảo	Không có trích dẫn	Trích dẫn chưa đầy đủ/chính xác nguồn thông tin tham khảo; trích dẫn nguồn thông tin không có giá trị	Trích dẫn đầy đủ chính xác và có giá trị nguồn thông tin tham khảo

Phương pháp nghiên cứu (5-10 trang)

CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7, CLO8, CLO9.	3	Đối tượng NC	Không xác định được đối tượng NC	Xác định được đối tượng NC; nhưng chưa trình bày được đầy đủ chính xác về các tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ đối tượng NC	Xác định được đối tượng NC; trình bày được đầy đủ chính xác về các tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ đối tượng NC
	2	Địa điểm NC	Không có/Không chính xác	Có địa điểm NC	Xác định cụ thể và giới thiệu về địa điểm NC
	2	Thời gian NC	Không có	Có nhưng không chính xác	Cõi; rõ ràng; chính xác
	3	Thiết kế nghiên cứu	Không có	Không phù hợp với mục tiêu nghiên cứu	Xác định thiết kế phù hợp với mục tiêu nghiên cứu
	10	Cỡ mẫu-chọn mẫu	Không có	Có; nhưng chưa phù hợp với NC	Có; phù hợp với mục tiêu NC
	10	Biến số-Chỉ số nghiên cứu	Không có	Có; không đầy đủ; rõ ràng; không giải thích được khái niệm của biến số; chưa phù hợp với mục tiêu	Có; đầy đủ; rõ ràng; giải thích được khái niệm của biến số, phù hợp với mục tiêu
	10	Phương pháp thu thập thông tin	Không có bộ công cụ; Không xây dựng các bước thu thập thông tin	Thiết kế được bộ công cụ thu thập thông tin; trình bày được các bước tiến hành thu thập thông tin; nhưng chưa đầy đủ/hợp lý	Thiết kế được bộ công cụ thu thập thông tin; trình bày được các bước tiến hành thu thập thông tin phù hợp với mục tiêu nghiên cứu
	3	Sai số NC	Không có/Xác định sai	Trình bày được các sai số có thể có của nghiên cứu	Trình bày được đủ/rõ ràng các sai số có thể có

				của nghiên cứu và cách khống chế sai số
5	Xử lý- Phân tích số liệu	Không trình bày cách quản lý số liệu; Không có/Sai test thống kê	Trình bày được các bước quản lý; làm sạch số liệu; xác định được test thống kê sử dụng cho nghiên cứu	Trình bày được đầy đủ/rõ ràng các bước nhập liệu; làm sạch số liệu; quản lý số liệu và xác định chính xác test thống kê phù hợp với nghiên cứu
5	Đạo đức nghiên cứu	Không trình bày	Liệt kê được các vấn đề đạo đức liên quan cần chú ý	Trình bày được đầy đủ các nội dung liên quan đến đạo đức nghiên cứu cần thiết

Dự kiến kết quả; bàn luận; khuyến nghị

CLO6, CLO7, CLO8	15	Kết quả nghiên cứu	Không trình bày được các bảng/biểu đồ dự kiến kết quả NC theo mục tiêu	Trình bày được các bảng/biểu đồ dự kiến kết quả nghiên cứu theo mục tiêu; nhưng sơ sài và chưa phù hợp	Thiết kế được các bảng/hình dự kiến kết quả nghiên cứu phù hợp với mục tiêu
CLO7	2	Bàn luận; khuyến nghị	Không có	Có; không thể hiện được bàn luận và dự kiến khuyến nghị theo mục tiêu và kết quả nghiên cứu	Trình bày dự kiến bàn luận và dự kiến khuyến nghị đầy đủ rõ ràng theo mục tiêu và kết quả NC

Lập kế hoạch nghiên cứu

CLO7	5	Kế hoạch nghiên cứu	Không xác định được kế hoạch tiến hành nghiên	Lập được kế hoạch thể hiện được nhân lực và nguồn lực cho các	Lập được kế hoạch thể hiện được rõ ràng nhân lực và
------	---	---------------------	---	---	---

		cứu	bước nghiên cứu	nguồn lực cho các bước nghiên cứu; Thiết kế được biểu đồ GANTT thể hiện kế hoạch NC
--	--	-----	-----------------	---

Tài liệu tham khảo

CLO7, CLO8, CLO9	5	Tài liệu tham khảo	Không có danh mục tài liệu tham khảo	Có danh mục tài liệu tham khảo nhưng chưa đầy đủ	Có danh mục đầy đủ tài liệu tham khảo và trích dẫn đúng yêu cầu
------------------------	---	--------------------	--------------------------------------	--	---

3.2. Lượng giá kết thúc (LGKT)

- Hình thức: MCQ
- Thời gian thi: 40 phút
- Tổng số câu: 30 câu

Ma trận lượng giá

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Tổng
CLO1	-	-	6 câu	20%
CLO2	-	-	6 câu	20%
CLO4	-	-	5 câu	16%
CLO 5	-	-	5 câu	17%
CLO 6	-	-	5 câu	17%
CLO 9	-	-	3 câu	10%
Tổng			30 câu	100%

3.3. Công thức tính điểm tổng kết học phần:

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LGTH}*0.5 + \text{LGKT}*0.5.$$

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Bài	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học		

1	<p>Chủ đề, mục tiêu nghiên cứu và các bước tiến hành nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - LLO1: Áp dụng các tiêu chí cơ bản của một vấn đề sức khỏe ưu tiên để lựa chọn được chủ đề nghiên cứu. - LLO1: Áp dụng tiêu chí FINER để lựa chọn được vấn đề nghiên cứu phù hợp. - LLO2: Áp dụng được tiêu chí SMART để viết được mục tiêu cho một nghiên cứu cụ thể 		1	4	4	CLO1, CLO7, CLO8, CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
2	<p>Tổng quan tài liệu trong nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - LLO1: Lựa chọn được vấn đề trích dẫn phù hợp cho nghiên cứu - LLO2: Sử dụng được cơ bản phần mềm quản lý và trích dẫn tài liệu tham khảo 		1	4	4	CLO1, CLO3, CLO7, CLO8, CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
3	<p>Thiết kế nghiên cứu trong nghiên cứu y sinh</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - LLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học để lựa chọn thiết kế nghiên cứu phù hợp 		2	4	6	CLO1, CLO7, CLO8, CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
4	<p>Mẫu và cỡ mẫu nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - LLO1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về cỡ mẫu để tính toán được cỡ mẫu cần thiết cho một NC cụ thể - LLO2: Xác định được phương pháp chọn mẫu thích hợp cho NC cụ thể 		1	2	3	CLO2, CLO7, CLO8, CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
5	<p>Thiết kế công cụ thu thập thông tin</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - LLO1: Phân loại được các biến số nghiên cứu theo bản chất của biến số - LLO2: Vận dụng được khái niệm về biến số/chỉ số nghiên cứu và phương pháp thu thập thông tin để thiết kế bộ công cụ thu thập thông tin phù hợp 		1	3	3	CLO2, CLO7, CLO8, CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm

	Sai số và nhiễu					
6	Mục tiêu: - LLO1: Xác định được sai số có thể xảy ra trong nghiên cứu - LLO2: Đề xuất các biện pháp hạn chế sai số phù hợp cho nghiên cứu - LLO3: Xác định được nhiễu và đề xuất được phương pháp không chế nhiễu trong NC	1	2	3	CLO4, CLO7, CLO8, CLO9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
7	Nguyên tắc cơ bản trong phân tích số liệu Mục tiêu: - LLO1: Vận dụng được nguyên tắc cơ bản trong phân tích số liệu để lựa chọn một test kiểm định thống kê phù hợp cho một nghiên cứu cụ thể.	2	4	6	CLO5, CLO7, CLO8, CLO9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
8	Đạo đức trong nghiên cứu Mục tiêu: - LLO1: Phân tích được những vấn đề đạo đức cơ bản trong các nghiên cứu y sinh học - LLO2: Ý thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ các nguyên tắc đạo đức khi tiến hành các nghiên cứu y sinh học	2	0	4	CLO10	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
9	Trình bày kết quả nghiên cứu Mục tiêu: - LLO1: Thiết kế được các bảng trống và biểu đồ dự kiến cho kết quả NC.	1	2	3	CLO6, CLO7, CLO8, CLO9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
10	Lập kế hoạch nghiên cứu Mục tiêu: - LLO1: Lập được kế hoạch nghiên cứu cho một nghiên cứu cụ thể	1	4	4	CLO7, CLO8, CLO9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
11	Cách viết đề cương nghiên cứu Mục tiêu: - LLO1: Xác định được các nội dung cần thiết trong một đề cương nghiên	1	4	4	CLO7, CLO8, CLO9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm

	cứu - LLO2: Viết được đề cương nghiên cứu cụ thể					- Báo cáo bài tập nhóm
--	--	--	--	--	--	---------------------------

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- Lưu Ngọc Hoạt (2016). Nghiên cứu khoa học, Tập 1, Phương pháp viết đề cương nghiên cứu, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội
- Lưu Ngọc Hoạt (2016). Nghiên cứu khoa học, Tập 2, Phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

5.2. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thy Khuê (2011). *Phương pháp nghiên cứu khoa học cơ bản dành cho bác sĩ lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học, TP Hồ Chí Minh
- Peter Manson, Pamela Wright, Lưu Ngọc Hoạt (2017). *Viết và xuất bản bài báo khoa học quốc tế*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY.

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Phạm Minh Khuê	Khoa Y tế công cộng	pmkhue@hpmu.edu.vn
2	Đương Thị Hương	Khoa Y tế công cộng	dthuong@hpmu.edu.vn
3	Nguyễn Thị Thu Thảo	Khoa Y tế công cộng Trung tâm GDYH-NCKH	ntthao@hpmu.edu.vn
4	Nguyễn Thanh Hải	Khoa Y tế công cộng Trung tâm GDYH-NCKH	nthanhhai@hpmu.edu.vn
5	Phạm Thanh Hải	Khoa Răng Hàm Mặt Trung tâm GDYH-NCKH	pthai@hpmu.edu.vn
6	Hoàng Đức Hạ	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh Trung tâm GDYH-NCKH	hdha@hpmu.edu.vn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thanh Bình

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS.BS. Đinh Dương Bình Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỐNG KÊ Y SINH

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Thống kê Y sinh

Mã học phần:

Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Nhi khoa

Loại học phần: Bắt buộc Tự chọn

Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương	<input type="checkbox"/> Chuyên ngành
	<input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở ngành.	<input type="checkbox"/> Tự chọn
	<input type="checkbox"/> Ngành	

Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Khoa Y tế công cộng

Email liên hệ: nthanhhai@hpmu.edu.vn

Điện thoại liên hệ: 0913 513 654

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	1	2	0	
Số tiết	45	15	60	0	60
Số buổi	15	3	12	0	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết:
- Học phần học trước: PPNCKH
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

(Mô tả vị trí của học phần đối với chương trình đào tạo, những nội dung chính yếu của học phần).

Thống kê y sinh là một môn khoa học ứng dụng. Ứng dụng của nó có thể từ sinh học phân tử, sinh lý học, giải phẫu, tế bào học đến nghiên cứu lâm sàng và sức khoẻ cộng đồng và từ đó cung cấp bằng chứng cho thực hành y khoa. Thống kê do đó ngày càng đóng vai trò quan trọng trong thực hành y khoa và là phần không thể thiếu trong nghiên cứu y học. Cùng với xu hướng phát triển ngày càng phức tạp của thống kê và sự chú trọng vào “y học dựa vào bằng chứng”, chất lượng thống kê ứng dụng trong các nghiên cứu y học ngày càng được quan tâm.

Môn học này sẽ cung cấp cho học viên những cơ sở thiết yếu để hiểu và ứng dụng thống kê trong khoa học y sinh và chăm sóc sức khoẻ cộng đồng, ứng dụng các loại kiểm định thống kê khác nhau vào bộ số liệu thực. Điểm chính của môn

học này là phát triển kỹ năng thống kê thực hành. Học viên sẽ được học cách phân tích số liệu bằng phần mềm Stata cũng như cách phiên giải đúng đắn những kết quả của nghiên cứu và áp dụng phương thức lý luận có khả năng giúp đưa ra quyết định trong thực hành y học.

- Các khái niệm then chốt (nếu có) (*các khái niệm chính yếu, then chốt bắt buộc sinh viên phải nhớ sau khi học xong module/học phần*)
 - Quản lý và xử lý số liệu
 - Thống kê mô tả
 - Thống kê suy luận
 - Ước lượng điểm, ước lượng khoảng
 - Độ tin cậy của một nghiên cứu
 - Khoảng tin cậy
 - Nguồn ý nghĩa thống kê α
 - Giá trị p
 - Kiểm định giả thuyết thống kê
 - Nhiều
 - Cỡ mẫu
- Sơ đồ khái niệm then chốt (nếu có)

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Phân biệt được các loại thiết kế nghiên cứu định lượng cơ bản (các loại nghiên cứu quan sát, thực nghiệm)	
CLO2	Mô tả được quá trình chuẩn bị bộ số liệu, các nguyên tắc mã hoá số liệu	
CLO3	Giải thích được các loại hình thống kê mô tả thích hợp với các loại biến số, lập luận được lý do lựa chọn các thống kê mô tả phù hợp.	
CLO4	Giải thích được lý do cơ bản của việc dùng các phép tính toán của mỗi kiểm định thống kê suy luận.	
CLO5	Phân biệt được nhiều và việc	

	sai lệch kết quả khi có nhiễu.	
CLO6	Mô tả được cách tiếp cận thông thường để tính cỡ mẫu cần thiết cho một câu hỏi nghiên cứu.	
CLO7	Xây dựng được kế hoạch chuẩn bị bộ số liệu, làm sạch và quản lý số liệu trên phần mềm máy tính	
CLO8	Tính toán và vẽ biểu đồ thị được các thống kê mô tả qua sử dụng phần mềm thống kê.	
CLO9	Chọn được kiểm định thống kê phù hợp để so sánh các kiểu dữ liệu khác nhau và phiên giải được các kết quả phân tích số liệu cho mỗi loại kiểm định	
CLO10	Thực hiện được việc phân tích phân tầng và xây dựng mô hình đa biến đơn giản cho khử nhiễu.	
CLO11	Thực hiện được tính cỡ mẫu cho một đề cương hoặc báo cáo nghiên cứu.	
CLO12	Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của thống kê trong nghiên cứu y sinh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.	
CLO13	Sẵn sàng áp dụng những nguyên tắc và kỹ thuật thống kê y sinh để đảm bảo tính giá trị của những thông tin y học.	

3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

(- Nêu rõ: chiến lược lượng giá, phương pháp, công cụ, tiêu chí và thời điểm lượng giá;

- Công thức tính điểm tổng kết học phần theo quy chế đào tạo).

3.1. Lượng giá học phần gồm: lượng giá quá trình (chuyên cần) và lượng giá kết thúc.

a) Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: Điểm danh, học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lý thuyết

và phải tham gia toàn bộ số buổi thực hành.

- Thời gian: Trong suốt quá trình học học phần
- Học viên đủ điều kiện tham gia thi kết thúc học phần khi đạt lượng giá chuyên cần.

b) Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức: Lý thuyết và thực hành

+ Lý thuyết: MCQ, 42 câu / 60 phút, cấu trúc theo ma trận sau:

Mục tiêu	Nhớ (%)	Hiểu (%)	Áp dụng (%)	Phân tích (%)	Tổng (Số câu)
CLO1 (16,6%)	3	3	1		7
CLO2 (16,6%)	3	3	1		7
CLO3 (16,6%)	3	3	1		7
CLO4 (16,6%)	3	3	1		7
CLO5 (16,6%)	3	3	1		7
CLO6 (16,6%)	3	3	1		7
Tổng (số câu)	18	18	6	0	42

+ Thực hành: học viên thi thực hành trên máy tính, cấu trúc đề thi theo ma trận sau :

Mục tiêu	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CĐRHP7 (20%)	-	-	x	-
CĐRHP8 (20%)	-	-	x	-
CĐRHP9 (25%)	-	-	x	-
CDRHP10 (25%)	-	-	x	-
CĐRHP11 (10%)			x	
Tổng (100%)	-	-	5	-

+ Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm (*quy đổi thành các hành vi được làm và không được làm*):

- Tham gia đầy đủ và đúng giờ các buổi học lý thuyết và thực hành.
- Tự hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng thời gian quy định.
- Nghiêm túc trong các buổi học lý thuyết và thực hành.

3.2. Đánh giá học phần

Điểm TKHP = TH x 0.5 + LTCK x 0.5

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1. Lý thuyết

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học		
Bài 1: Thống kê và vai trò trong nghiên cứu và thực hành y sinh	2	0	4	CLO1	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 2: Sơ lược các phương pháp nghiên cứu định lượng	2	0	4	CLO1	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 3: Cố mẫu trong nghiên cứu định lượng	2	0	4	CLO6	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 4: Quản lý số liệu bằng stata	2	0	4	CLO3	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 5: Phân tích thống kê mô tả	2	0	4	CLO3	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 6: Phân tích thống kê suy luận	3	0	6	CLO4	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 7: Nhiều và khống chế nhiều	2	0	4	CLO5	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Tổng	15	0	30		

4.2. Thực hành

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học		

Bài 1: Cố mẫu trong nghiên cứu định lượng: Tính cố mẫu dựa trên ước lượng đo lường vấn đề nghiên cứu với độ chính xác nhất định	0	4	2	CLO11	Quan sát/Thực hành
Bài 2: Cố mẫu trong nghiên cứu định lượng: Tính cố mẫu cho một số nghiên cứu dựa trên kiểm định giả thuyết hoặc chứng minh sự khác biệt có ý nghĩa	0	4	2	CLO11	Quan sát/Thực hành
Bài 3: Quản lý số liệu	0	12	6	CLO7	Quan sát/Thực hành
Bài 4: Phân tích thống kê mô tả- Phân tích và phiên giải thống kê mô tả biến định lượng trong STATA	0	4	2	CLO8	Quan sát/Thực hành
Bài 5: Phân tích thống kê mô tả- Phân tích và phiên giải thống kê mô tả biến định tính trong STATA	0	4	2	CLO8	Quan sát/Thực hành
Bài 6: Phân tích thống kê mô tả- Vẽ đồ thị thống kê mô tả trong STATA	0	4	2	CLO8	Quan sát/Thực hành
Bài 7: Phân tích thống kê mô tả- Trình bày kết quả phân tích thống kê mô tả	0	4	2	CLO8	Quan sát/Thực hành
Bài 8: Phân tích thống kê suy luận – Phân tích và và phiên giải kết quả các kiểm định trung bình	0	4	2	CLO9	Quan sát/Thực hành
Bài 9: Phân tích thống kê suy luận – Phân tích và phiên giải kết quả các kiểm định tỷ lệ	0	4	2	CLO9	Quan sát/Thực hành
Bài 10: Phân tích thống kê suy luận – Phân tích và phiên giải kết quả hồi quy logistic nhị phân	0	4	2	CLO9	Quan sát/Thực hành

Bài 11: Phân tích thống kê suy luận – Phân tích và phiên giải kết quả hồi quy đa biến	0	4	2	CLO9	Quan sát/Thực hành
Bài 12: Nhiều và không chép nhiễu: Lập bảng 2x2 thô, xác định yếu tố nhiễu tiềm ẩn và phân tầng theo yếu tố nhiễu.	0	4	2	CLO10	Quan sát/Thực hành
Bài 13: Nhiều và không chép nhiễu: Các tính toán hiệu chỉnh và phiên giải.	0	4	2	CLO10	Quan sát/Thực hành
Tổng	0	60	30		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.3. Tài liệu học tập

[1]. Phạm Minh Khuê (2021). Giáo trình thống kê y sinh ứng dụng, NXB Y học, Hà Nội.

5.4. Tài liệu tham khảo

[1]. Phạm Việt Cường (2004). Thống kê Y tế công cộng, Phần II – Phân tích số liệu định lượng, NXB Y học, Hà Nội.

Công trình NCKH đã công bố có liên quan:

[1] Thanh Hai Nguyen, Duc Luan Hoang, Thi Giang Hoang, Minh Khue Pham, Julie Bodin, Jean Dominique Dewitte, Yves Roquelaure, "Prevalence and Characteristics of Multisite Musculoskeletal Symptoms among District Hospital Nurses in Haiphong, Vietnam", BioMed Research International, vol. 2020, Article ID 3254605, 11 pages, 2020. <https://doi.org/10.1155/2020/3254605>

[2] Nguyen TH, Hoang DL, Hoang TG, et al. Quality of life among district hospital nurses with multisite musculoskeletal symptoms in Vietnam. J Occup Health. 2020;62:e12161. <https://doi.org/10.1002/1348-9585.12161>.

[3] Thi Tham Nguyen, Thanh Hai Nguyen, Duc Luan Hoang, Thi Giang Hoang, Minh Khue Pham, "Effectiveness of Interventions to Prevent Musculoskeletal Disorders among District Hospital Nurses in Vietnam", BioMed Research International, vol. 2022, Article ID 1539063, 10 pages, 2022. <https://doi.org/10.1155/2022/1539063>

[4] Hoang Duc Luan, Nguyen Thanh Hai, Pham Thu Xanh, et al., "Musculoskeletal Disorders: Prevalence and Associated Factors among District Hospital Nurses in Haiphong, Vietnam," BioMed Research International, vol. 2018, Article ID 3162564, 9 pages, 2018.

<https://doi.org/10.1155/2018/3162564>

[5] Hoand Duc Luan, Nguyen Thanh Hai, Nguyen Thuy Ngan, Pham Thanh Hai, Pham Minh Khue (2019). “Prevalence of musculoskeletal disorders and its impact on quality of life among district hospitals nurses in Hai Phong, Vietnam”, Journal of Preventive Medicine, Volume XXIX, No 9 (35). (Article in Vietnamese).

[6] Hoand Duc Luan, Nguyen Thanh Hai, Nguyen Thi Ha Thu, Pham Thanh Hai, Pham Minh Khue (2019). “Current situation and related factors of musculoskeletal disorders among nurses at 7 district hospitals in Hai Phong, 2019”, Journal of Preventive Medicine, Volume XXIX, No 9 (27). (Article in Vietnamese).

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (*phụ lục*).

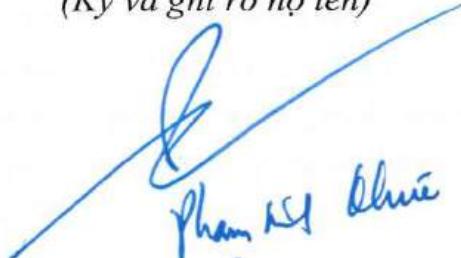
7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu
- Giảng đường, phấn, bảng, bút viết bảng...
- Phòng thực hành (phòng máy tính)

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



Pham Minh Khue

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS.BS. *Trần Dinh Dương* *Sáng Anh*

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên	Đơn vị	Email
	PGS.TS Phạm Minh Khuê	Khoa YTCC- Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	pmkhue@hpmu.edu.vn
	TS Hoàng Thị Giang	Khoa YTCC- Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	hoanggiang0708@gmail.com
	TS Nguyễn Thanh Hải	Khoa YTCC- Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	nthanhhai@hpmu.edu.vn
	TS Nguyễn Hải Tuấn	Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương	nguyenhaituan@gmail.com

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

TT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
	ThS. Nguyễn Quang Đức	Khoa YTCC- Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	Trợ giảng thực hành
	TS. Nguyễn Thanh Bình	Khoa YTCC- Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	Trợ giảng thực hành

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC										
Mã học phần: YHPP.513										
Đối tượng áp dụng: học viên Thạc sĩ Nhi khoa										
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> x Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn										
Thuộc khối kiến thức:	<input checked="" type="checkbox"/> x Giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành									
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Ban Phát triển Giảng viên - Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học - Phòng 512, tầng 5 nhà A - Trường ĐHYD Hải Phòng										
Email liên hệ: giaoducyhoc@hpmu.edu.vn										
Điện thoại liên hệ: 0983731209										

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ/ĐVHT	2	1	1	0	
Số tiết	45	15	30	0	60
Số buổi	10	4	6	0	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Giảng dạy là một nhiệm vụ tất yếu của các Thạc sĩ tại các cơ sở đào tạo Y tế như các Trường Đại học, Cao đẳng Y và các bệnh viện thực hành. Học phần “Phương pháp dạy học” đào tạo cho học viên khả năng thiết kế bài dạy học và thực hiện dạy học dựa trên năng lực Y khoa một cách hiệu quả, đáp ứng với nhu cầu xã hội.

- Các khái niệm then chốt (nếu có):

- Giáo dục Y khoa dựa trên năng lực
- Nguyên lý constructive alignment
- Mục tiêu đạt ABCD và SMART
- Thang Bloom, Dave, Krathword
- Chiến lược lượng giá

- Tính tin cậy, tính giá trị của phương pháp lượng giá
- MCQ hiệu quả
- 5 nguyên tắc thuyết trình hiệu quả
- Tương tác hệ thống
- CBL
- Hoạt động dạy học tích cực

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần (CLO)	CĐR của CTĐT (PLO)
CLO1	Giải thích được tính ưu việt của Giáo dục Y khoa dựa trên năng lực	
CLO2	Vận dụng được kiến thức về 4 thành phần và 5 tiêu chí của mục tiêu học tập để nhận diện được mục tiêu học tập tốt	
CLO3	Vận dụng được kiến thức về vai trò, ý nghĩa của phương pháp lượng giá, chiến lược lượng giá và tiêu chí của câu hỏi MCQ tốt để nhận diện được chiến lược lượng giá phù hợp và bộ công cụ lượng giá tốt	
CLO4	Vận dụng kiến thức về 7 nguyên tắc dạy học người lớn, 5 nguyên tắc thuyết trình hiệu quả, 7 nguyên tắc của 10 hoạt động dạy học tích cực, nguyên tắc thiết kế kế hoạch bài dạy học để nhận diện được hoạt động dạy học phù hợp với mục tiêu và lượng giá	
CLO5	Viết được mục tiêu học tập tốt không giám sát	
CLO6	Xây dựng được chiến lược lượng giá và bộ công cụ lượng giá phù hợp với MTHT không giám sát	
CLO7	Lựa chọn được phương pháp dạy học và thực hiện được hoạt động dạy học tích cực không giám sát	
CLO8	Xây dựng được kế hoạch dạy học phù hợp không giám sát	
CLO9	Tuân thủ nội qui lớp học	
CLO10	Tôn trọng bạn đồng môn, thày cô	
CLO11	Hoàn thành các bài tập đúng thời hạn	

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1 Lượng giá chuyên cần: điểm trình bày bài tập của học viên trên lớp

3.2 Lương giá lý thuyết - lượng giá kiến thức

- Điều kiện dự thi lý thuyết : tham dự >85% số tiết học trên lớp
- Phương pháp : thi trắc nghiệm
- Công cụ: 30 câu MCQ/ 20'
- Chiến lược lượng giá

CDR	Trọng số	Mức độ			Tổng số câu
		Nhỏ (20%)	Hiểu (30%)	Áp dụng (50%)	
CLO1. Giải thích được tính ưu việt của Giáo dục Y khoa dựa trên năng lực	13%	2	2	0	4
CLO2. Vận dụng được kiến thức về các thành phần và tiêu chí của mục tiêu học tập để nhận diện được mục tiêu học tập tốt	13%	1	1	2	4
CLO3 Vận dụng được kiến thức về vai trò, ý nghĩa của phương pháp lượng giá, chiến lược lượng giá và tiêu chí của câu hỏi MCQ tốt để nhận diện được chiến lược lượng giá phù hợp và bộ công cụ lượng giá tốt.	34%	1	3	6	10
CLO4 Vận dụng kiến thức về 7 nguyên tắc dạy học người lớn, 5 nguyên tắc thuyết trình hiệu quả, 7 nguyên tắc của 10 hoạt động dạy học tích cực, kế hoạch bài giảng để nhận diện được hoạt động dạy học phù hợp với mục tiêu, lượng giá	40%	2	3	7	12
Tổng số		6	9	15	30

3.3 Lượng giá thực hành – lượng giá kỹ năng thiết kế và tổ chức dạy học:

- o Phương pháp : thi thực hành đóng vai
- o Công cụ : Rubric cho 1 bài giảng trong 20'
- o Điều kiện đạt : 5/10 điểm
- o Chiến lược lượng giá :

Mục tiêu	%	Bắt chước	Thành thạo có giám sát	Thành thạo không giám sát	Dạy được người khác
LO5 Viết được mục tiêu học tập tốt	10%			x	
LO6 Xây dựng được chiến	6%			x	

lược lượng giá và bộ công cụ lượng giá phù hợp với MTHT					
LO7 Lựa chọn được phương pháp dạy học và thực hiện được hoạt động dạy học tích cực	81%			x	
LO8 Xây dựng được kế hoạch dạy học phù hợp	3%			x	

3.4 Lượng giá thái độ:

- Phương pháp lượng giá 360⁰, đánh giá qua hành vi được làm và không được làm
- Công cụ : điểm danh, trình bày bài tập, thảo luận nhóm
- Điều kiện :
 - o Đi học đúng giờ, tham gia số buổi học lý thuyết > 85%, thực hành 100%
 - o Làm đủ bài tập
 - o Tham gia thảo luận nhóm
- Điểm tổng kết học phần (TKHP) = CCx0.1 + TH x0.4 + LTCKx0.5
- Điều kiện đạt ; điểm TKHP ≥ 4/10 điểm

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

STT	Nội dung	Số tiết			CLO	PPDH
		LT	T H	Tự học		
1.	Chương 1: Giới thiệu môn học Bài 1. Giáo dục Y khoa dựa trên năng lực. <ol style="list-style-type: none"> 1. Giải thích được lý do chuyển đổi sang GDYK dựa trên năng lực. 2. Giải thích 4 đặc điểm của GDYK dựa trên năng lực. 3. Giải thích sự khác biệt giữa GDYK dựa trên năng lực với dựa trên cấu trúc-quí trình. 4. Giải thích 3 yếu tố quyết định để đạt được GDYK dựa trên năng lực 5. Giải thích trình tự 6 bước xây 	2	0	3	CLO1	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)

	lực theo nguyên lý “constructive alignment”.					
2.	Chương 2: Mục tiêu học tập Bài 2: Mục tiêu học tập 1. Giải thích được vai trò của viết mục tiêu học tập tốt trong giáo dục Y khoa 2. Vận dụng được 6 mức độ của thang nhận thức, 5 mức độ của thang kỹ năng và thái độ để nhận diện được mức độ của mục tiêu học tập. 3. Vận dụng được kiến thức về 4 thành phần A.B.C.D và 5 tiêu chí S.M.A.R.T để nhận diện được mục tiêu học tập tốt 4. Viết được 3 mục tiêu cụ thể trong một bài giảng chuyên ngành	2	4	9	CLO2 CLO2 CLO2 CLO5 9,10, 11	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Động não/ Thảo luận)
3	Chương 3. Lượng giá dựa trên năng lực Bài 3 Chiến lược lượng giá. 1. Định nghĩa được chiến lược lượng giá 2. Xác định các thành phần, các bước xây dựng chiến lược lượng giá 3. Thiết kế được chiến lược lượng giá module, môn học.	5	8	20		
	Bài 4 : Phương pháp và công cụ lượng giá. 1. Phân biệt lượng giá với đánh giá (khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa & mục đích). 2. Giải thích 2 tiêu chí của lượng giá dựa trên năng lực. 3. Xây dựng nội dung lượng giá theo test blue print. 4. Giải thích ưu-nhược điểm của các phương pháp lượng giá & biện pháp khắc phục.	1	2	4.5	CLO3 CLO3 CLO6, 9,10, 11	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)

	5. Giải thích nguyên tắc chọn lựa phương pháp & công cụ lượng giá.				CLO3	
	Bài 5 : MCQ hiệu quả 1. Giải thích được tiêu chí của 3 thành phần trong câu hỏi MCQ 2. Áp dụng 10 nguyên tắc viết câu hỏi tốt, 11 lỗi thường gặp để nhận diện được câu hỏi MCQ tốt 3. Viết được 03 câu MCQ tốt phù hợp thang Bloom	2	4	9	CLO3 CLO3 CLO6, 9,10, 11	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
4.	Chương 4: Một số phương pháp/ hoạt động dạy học tích cực	5	14	28		
	Bài 6: Thuyết trình hiệu quả 1. Giải thích được ý nghĩa của 5 yếu tố thiết yếu giúp thuyết trình hiệu quả 2. Áp dụng 5 nguyên tắc thiết kế slide tốt và cải thiện kỹ năng thuyết trình để nhận diện một bài thuyết trình hiệu quả	1		2	CLO4 CLO4 CLO7, 9,10, 11	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
	Bài 7: Hệ thống tương tác 1. Giải thích được ưu điểm của AIRS 2. Áp dụng AIRS để tạo bài giảng	0	4	6	CLO4 CLO7, 9,10, 11	Dạy 1 kỹ năng
	Bài 8: Các phương pháp dạy học tích cực 1. Định nghĩa khái niệm dạy-học tích cực 2. Giải thích lý do phải dạy-học tích cực 3. Giải thích được ý nghĩa của 7 nguyên tắc dạy-học tích cực 4. Tổ chức được bài dạy học tích cực	4	10	21	CLO4 CLO4 CLO4 CLO7	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
5.	Chương 5: Kế hoạch bài dạy học 1. Vận dụng được kiến thức về thiết kế kế hoạch bài dạy học, để nhận diện được một kế hoạch bài dạy học 2. Xây dựng được một kế hoạch bài	1	4	7.5	CLO4	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi

	dạy học tốt				CLO8, 9,10, 11	(Thuyết trình + Thảo luận)
Tổng số		15	30	77		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.2. Tài liệu học tập

- 1) Sư phạm y học thực hành : Dùng cho đào tạo giáo viên các trường đại học, cao đẳng, trung học y tế và các cơ sở đào tạo liên tục. Nxb. Giáo dục, 2020.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

- 1) GS.TS Nguyễn Ngọc Sáng - Cố vấn chuyên môn Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học.
- 2) TS.BS Nguyễn Thị Phương Mai - Bộ môn Hoá sinh; Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học - Phụ trách học phần.
- 3) TS.BS Đào Thu Hồng – Bộ môn Sinh lý; Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học.
- 4) TS.BS Vũ Mạnh Tân - Bộ môn Nội; Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học.
- 5) TS.BS Kê Thị Lan Anh - Bộ môn Nội; Giảng viên Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere, Menti

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

TS.BS. Nguyễn Thị Phương Mai

Phụ trách CTĐT
(Ký và ghi rõ họ tên)

TS.BS. Đinh Dương Tùng Anh

PHỤ LỤC

2. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Nguyễn Thị Phương Mai	Bộ môn Hoá sinh, TT GDYH&NCKH	ntpmai@hpmu.edu.vn
2	Đào Thu Hồng	Bộ môn Sinh lý, TT GDYH&NCKH	dthong@hpmu.edu.vn
3	Vũ Mạnh Tân	Bộ môn Nội, TT GDYH&NCKH	vmtan@hpmu.edu.vn
4	Kê Lan Anh	Bộ môn Nội, TT GDYH&NCKH	<u>kelananh1980@gmail.com</u>
5	Nguyễn Ngọc Sáng	Bộ môn Nhi, TT GDYH&NCKH	nnsang@hpmu.edu.vn

3. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	Lê Thị Yến	BM Giải Phẫu, TT GDYH&NCKH	Giáo vụ Trợ giảng
2	Nguyễn Thị Chinh	TT GDYH&NCKH	Cán bộ hành chính
3	Đặng Văn Minh	TT GDYH&NCKH	Trợ giảng

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
SINH LÝ HỌC NÂNG CAO**

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Sinh lý học nâng cao					
Mã học phần:					
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Nhi khoa					
Loại học phần:	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn			
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương	<input type="checkbox"/> Chuyên ngành			
	<input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở ngành.	<input type="checkbox"/> Tự chọn			
	<input type="checkbox"/> Ngành				
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Sinh lý – Khoa Y					
Email liên hệ: dthong@hpmu.edu.vn					
Điện thoại liên hệ: 0948376439					

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	2	2			
Số tiết	30	30			60
Số buổi	6	6			

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết:
- Học phần học trước:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Sinh lý học nâng cao cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản, cập nhật về sinh lý học nhi khoa, bổ sung nền tảng kiến thức giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và tiên lượng bệnh trong thực hành nhi khoa.

Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Vận dụng kiến thức sinh lý học tế bào, cơ quan, hệ thống cơ quan, sinh lý phát triển cơ thể để nhận biết, giải thích được các biểu hiện chức năng, điều	PLO4-Biện luận lâm sàng: Tích hợp các dữ kiện lâm sàng vào (các) chẩn đoán thống nhất; đánh giá lại ngay để tránh lỗi chẩn đoán. PLO6-Kiến thức lâm sàng: Tích hợp một lượng lớn kiến thức y

	hòa chức năng trong điều kiện bình thường và trong thực hành nhi khoa	tế bao gồm các tình trạng bệnh phức tạp và không điển hình để hướng dẫn chăm sóc bệnh nhân. PLO7- Đánh giá chẩn đoán: Ưu tiên và tối ưu hóa việc đánh giá dựa trên rủi ro, lợi ích, chỉ định và các lựa chọn thay thế để làm rõ (các) chẩn đoán. Diễn giải được sự quan trọng về mặt lâm sàng của các kết quả nghiên cứu liên quan đến chẩn đoán và cân nhắc đến những hạn chế của nghiên cứu.
--	---	---

3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá chuyên cần (CC)

Học viên tham dự đủ số buổi theo quy chế, mỗi buổi vắng học viên bị trừ 10% điểm chuyên cần, 2 buổi đi muộn, về sớm tương đương 1 buổi vắng.

Tuân thủ nội quy lớp học, làm bài tập, tham gia thảo luận nhóm đầy đủ.

Học viên nghỉ quá 15% số buổi học không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần.

3.2. Lượng giá cuối kỳ (CK)

Sau khi hoàn thành môn học và đủ điều kiện dự thi, học viên làm bài thi cuối kỳ trong thời gian 30 phút với 30 câu hỏi ở mức độ áp dụng theo khung lượng giá sau:

CLO	Bài	Áp dụng –Số câu
	1. Sinh lý tế bào nâng cao và ứng dụng.	4
	2. Huyết học nâng cao và ứng dụng.	4
	3. Sinh lý hệ tiết niệu nâng cao và ứng dụng.	2
	4. Sinh lý tuần hoàn nâng cao và ứng dụng.	4
	5. Sinh lý hô hấp nâng cao và ứng dụng.	4
	6. Sinh lý tiêu hóa nâng cao và ứng dụng.	2

CLO1. Vận dụng kiến thức sinh lý học tế bào, cơ quan, hệ thống cơ quan, sinh lý phát triển cơ thể để nhận biết, giải thích được các biểu hiện chức năng, điều hòa chức

năng trong điều kiện bình thường và trong thực hành nhi khoa	7. Sinh lý nội tiết-chuyển hóa nâng cao và ứng dụng.	4
	8. Sinh lý sinh dục-sinh sản nâng cao và ứng dụng.	2
	9. Sinh lý thần kinh nâng cao và ứng dụng.	4
Tổng		30 câu (100%)

Công thức tính điểm tổng kết học phần:

$$\text{Điểm học phần} = \text{CC} \times 0,1 + \text{CK} \times 0,9$$

4. NỘI DUNG GIÁNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học		
Bài 1: Sinh lý tế bào nâng cao và ứng dụng. LLO1. Giải thích sự vận chuyển của nước và các chất qua màng tế bào và vận dụng trong thực hành nhi khoa.	4		8	CLO1	Thuyết trình, Thảo luận nhóm
Bài 2: Huyết học nâng cao và ứng dụng. LLO1. Giải thích quá trình sinh máu, các yếu tố ảnh hưởng và vận dụng trong thực hành nhi khoa. LLO2. Giải thích quá trình cầm máu, các yếu tố ảnh hưởng và vận dụng trong thực hành nhi khoa. LLO3. Giải thích cơ sở của các bất đồng nhóm máu và vận dụng trong thực hành nhi khoa. LLO4. Nhận định được các thông số thăm dò tế bào máu, đồng cầm máu cơ bản và vận dụng trong thực	4		8	CLO1	Thuyết trình, Thảo luận nhóm

hành nhi khoa.					
Bài 3: Sinh lý hệ tiết niệu nâng cao và ứng dụng. LLO1. Giải thích vai trò của thận trong cân bằng nội môi và vận dụng trong thực hành nhi khoa. LLO2. Giải thích chức năng nội tiết của thận và vận dụng trong thực hành nhi khoa.	2	4	CLO1	Thuyết trình, Thảo luận nhóm	
Bài 4: Sinh lý tuần hoàn nâng cao và ứng dụng. LLO1. Giải thích cơ sở của các tiếng tim bình thường, bất thường và vận dụng trong thực hành nhi khoa. LLO2. Giải thích các cơ chế điều hòa hoạt động tim, mạch máu và vận dụng trong thực hành nhi khoa. LLO3. Nhận định được các thông số chức năng tim, mạch máu cơ bản và vận dụng trong thực hành nhi khoa.	4	8	CLO1	Thuyết trình, Thảo luận nhóm	
Bài 5: Sinh lý hô hấp nâng cao và ứng dụng. LLO1. Giải thích các giai đoạn của quá trình hô hấp, các yếu tố điều hòa và vận dụng trong thực hành nhi khoa. LLO2. Nhận định được các thông số chức năng hô hấp cơ bản và vận dụng trong thực hành nhi khoa.	4	8	CLO1	Thuyết trình, Thảo luận nhóm	
Bài 6: Sinh lý tiêu hóa nâng cao và ứng dụng. LLO1. Giải thích cơ chế điều hòa bài tiết dịch vị và vận dụng trong	2	4	CLO1	Thuyết trình, Thảo luận nhóm	

thực hành nhi khoa. LLO2. Giải thích cơ chế hấp thu các chất ở ruột non và vận dụng trong thực hành nhi khoa.					
Bài 7: Sinh lý nội tiết-chuyển hóa nâng cao và ứng dụng. LLO1. Giải thích cơ sở sinh lý của các rối loạn chức năng tuyến yên, tuyến giáp, tuyến cận giáp, tuyến thượng thận và vận dụng trong thực hành nhi khoa.	4	8	CLO1	Thuyết trình, Thảo luận nhóm	
Bài 8: Sinh lý sinh dục-sinh sản nâng cao và ứng dụng. LLO1. Giải thích vai trò của trực hạ đồi-tuyến yên-buồng trứng trong chức năng sinh dục-sinh sản nữ và vận dụng trong thực hành nhi khoa. LLO2. Giải thích vai trò của trực hạ đồi-tuyến yên-tinh hoàn trong chức năng sinh dục-sinh sản nam và vận dụng trong thực hành nhi khoa.	2	4	CLO1	Thuyết trình, Thảo luận nhóm	
Bài 9: Sinh lý thần kinh nâng cao và ứng dụng. LLO1. Giải thích cơ chế dẫn truyền thần kinh-cơ và vận dụng trong thực hành nhi khoa. LLO2. Giải thích cơ sở sinh lý học cảm giác đau và vận dụng trong thực hành nhi khoa. LLO3. Giải thích cơ sở sinh lý học của hoạt động nhận thức và vận dụng trong thực hành nhi khoa.	4	8	CLO1	Thuyết trình, Thảo luận nhóm	

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.5. Tài liệu học tập

- Bộ Y tế (2019). Sinh lý học. Chủ biên Phạm Thị Minh Đức, NXB Y học.
- Bộ môn Sinh lý học Đại học Y Hà Nội (1996). Chuyên đề sinh lý học Tập 1, NXB Y học.
- Trịnh Bình Di (2001). Chuyên đề sinh lý học Tập 2, NXB Y học.

5.6. Tài liệu tham khảo

- Stuart Fox (2013). Human physiology, 13th ed., McGrawHill, New York.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (*phụ lục*).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, phán, bảng, bút dạ, flipchart, phòng học cho thảo luận nhóm
- Phòng thực hành: Lab Sinh lý học
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất,...để sinh viên thực hành (*phụ lục*).

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS.BS. Đào Thu Hồng

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS.BS. Đinh Dương Xứng Anh

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi	Bộ môn Sinh lý	nvmui@hpmu.edu.vn
2	TS.BS. Đào Thu Hồng	Bộ môn Sinh lý	dthong@hpmu.edu.vn

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

TT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS.BS. Phạm Thị Nguyên	Bộ môn Sinh lý	pthinguyen@hpmu.edu.vn
2	ThS.BS. Trần Thị Quỳnh Trang	Bộ môn Sinh lý	ttqtrang@hpmu.edu.vn

3. Vật tư tiêu hao

Bài	Tên dụng cụ/vật tư	Minh họa LT	Thực hành	Đơn vị	Số lượng/nhóm	Định mức SV/nhóm
2	Phiếu xét nghiệm huyết học	x		cái	10	10
2	Phiếu xét nghiệm đông máu	x		cái	10	10
4	Phiếu kết quả điện tâm đồ	x		cái	10	10
4	Phiếu kết quả siêu âm tim	x		cái	10	10
5	Phiếu kết quả chức năng hô hấp	x		cái	10	10

4. Danh mục các trang thiết bị/mô hình sử dụng

STT	Bài	Tên thiết bị/mô hình	Minh họa LT	Thực hành	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	4	Máy điện tim	x		Cái	1	

2	4	Máy siêu âm tim	x		Cái	1	
3	5	Máy đo chức năng hô hấp	x		Cái	1	
4	9	Máy đo cơ lực	x		Cái	1	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN MÔN TRUYỀN NHIỄM

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Truyền Nhiễm
Mã học phần:
Đối tượng áp dụng: Học viên cao học Nhi
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn
Thuộc khối kiến thức: <input type="checkbox"/> Kiến thức chung, đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Kiến thức hỗ trợ <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Bộ môn Truyền Nhiễm
Email liên hệ: ttlien@hpmu.edu.vn
Điện thoại liên hệ:0912926983

	Tổng	Lý thuyết	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	03	02	01	
Số tiết học	75	30	45	75
Số buổi học	15	6	9	15

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Kiến thức cơ sở
- Học phần học trước:
- Điều kiện khác:

2.MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.2. Mô tả chung

- Học phần Truyền nhiễm là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức hỗ trợ, cung cấp cho học viên cao học Nhi các kiến thức cơ bản về: dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm, nguyên tắc điều trị và phòng bệnh các bệnh truyền nhiễm thường gặp tại cộng đồng; từ đó đưa ra chẩn đoán và phương pháp xử trí ban đầu, điều trị bệnh nhân mắc các bệnh truyền nhiễm, thực hiện các quy trình an toàn trong chăm sóc người bệnh và phòng chống lây nhiễm, có kiến thức để phát hiện sớm trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm nặng để chuyển kịp thời lên tuyến trên. Học viên được thực hành trực tiếp khám, chẩn đoán và điều trị các bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm tại các cơ sở thực hành.

2.3. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

a. Về kiến thức:

- Phân tích, áp dụng được một số kiến thức về dịch tễ học cơ bản (mầm bệnh, nguồn lây, đường lây, cơ thể cảm thụ, tính chất dịch) vào trong việc chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh cho cá nhân, gia đình và cộng đồng khi mắc một số bệnh Truyền nhiễm thường gặp.

- Áp dụng được các kiến thức về các quy định về pháp luật trong công tác khám chữa bệnh Truyền nhiễm như: luật khám chữa bệnh, luật Phòng chống bệnh Truyền nhiễm

CLO1: Phân tích được các kiến thức về dịch tễ học của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp.

CLO2: Vận dụng được các kiến thức về lâm sàng, xét nghiệm để chẩn đoán một số bệnh truyền nhiễm thường gặp.

CLO3: Vận dụng được các kiến thức về điều trị để áp dụng xử trí và điều trị một số bệnh truyền nhiễm thường gặp ở trẻ em, phát hiện được trường hợp mắc bệnh Truyền nhiễm nặng kịp thời

CLO4: Áp dụng nguyên tắc phòng bệnh để tư vấn phòng chống các bệnh truyền nhiễm.

b. Về kỹ năng:

Kỹ năng cứng

CLO5: Thực hiện thuần thục các kỹ năng khai thác bệnh sử, tiền sử và thăm khám lâm sàng bệnh nhân Truyền nhiễm

CLO6: Chỉ định và phân tích kết quả các xét nghiệm và tổng hợp dữ kiện đã có để chẩn đoán, tiên lượng bệnh nhân truyền nhiễm

CLO7: Có khả năng phát hiện sớm các dấu hiệu nặng và xử trí cấp cứu được của một số bệnh Truyền nhiễm. Vận dụng y học bằng chứng để điều trị các bệnh truyền nhiễm cụ thể ở bệnh nhi, Phát hiện sớm dịch bệnh tại địa phương và tích cực tham gia phòng chống dịch bệnh.

CLO8: Thực hành được kỹ năng tập huấn, tư vấn các biện pháp phòng bệnh Truyền nhiễm và các vấn đề có liên quan đến dịch bệnh

CLO9: Thực hiện được các nghiên cứu khoa học có liên quan đến lĩnh vực bệnh truyền nhiễm ở các cấp.

Kỹ năng mềm:

CL10: Kỹ năng giao tiếp, ứng xử: Thực hiện đúng qui định ứng xử trong các cơ sở khám chữa bệnh (Theo thông tư 07/2014/TT-BYT) như:

✓ Khi làm việc tại các cơ sở y tế:

+ Thực hiện nghiêm túc quy định tại các cơ sở y tế.

+ Có đạo đức và lối sống lành mạnh.

- + Có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, ứng xử tốt.
 - + Chịu trách nhiệm trong công việc.
- ✓ Khi ứng xử giao tiếp:

- + Lịch sự, hòa nhã và ứng xử văn minh
- + Giữ gìn bí mật thông tin của người bệnh.

CLO11: Kỹ năng làm việc nhóm:

Phối hợp với các thành viên trong nhóm có hiệu quả. Kỹ năng tổ chức học tập và nghiên cứu ca bệnh.

c. Về mức tự chủ/chịu trách nhiệm:

CLO11: Thực hiện đầy đủ 12 điều y đức và các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp

CLO12: Có khả năng tự học, tự nghiên cứu

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức		
CLO1	Áp dụng được các kiến thức cơ bản về dịch tễ, lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa một số bệnh truyền nhiễm và nhiệt đới thường gặp, cũng như bệnh có khả năng gây thành dịch lớn tại Việt Nam và một số vùng dịch tễ khác trên thế giới.	PLO1 PLO3
CLO2	Vận dụng được các kiến thức về an toàn và phòng chống lây nhiễm trong thực hành quản lý và điều trị bệnh nhân tại bệnh viện.	PLO1 PLO3
CLO3	Áp dụng các kiến thức về truyền nhiễm để phát hiện sớm và tham gia kiểm soát các dịch bệnh truyền nhiễm tại địa phương.	PLO1 PLO3
CLO4	Áp dụng nguyên tắc phòng bệnh để tư vấn phòng chống các bệnh truyền nhiễm.	PLO5
Kỹ năng		
CLO5	Thực hiện được kỹ thuật khai thác bệnh sử một cách chính xác, hiệu quả liên quan đến các bệnh truyền nhiễm. Thực hiện được kỹ năng khai thác bệnh sử, thăm khám BN truyền nhiễm, chỉ định xét nghiệm, biện luận chẩn đoán, xây dựng kế hoạch điều trị, phòng một số bệnh Truyền nhiễm thường gặp.	PLO1 PLO2 PLO4
CLO6	Chỉ định và giải thích được kết quả các xét nghiệm cần thiết để chẩn đoán một số bệnh truyền nhiễm thường gặp	PLO2 PLO3

		PLO4
CLO7	Có khả năng phát hiện sớm các dấu hiệu nặng và xử trí cấp cứu ban đầu được của một số bệnh Truyền nhiễm hay gặp ở cộng đồng, chuyển kịp thời và an toàn. Phát hiện sớm dịch bệnh tại địa phương và tích cực tham gia phòng chống dịch bệnh.	PLO2 PLO3 PLO4
CLO8	Thực hành được kỹ năng giảng dạy, tư vấn về các vấn đề có liên quan đến dịch bệnh.	PLO2 PLO3
CLO9	Thực hiện được các nghiên cứu khoa học có liên quan đến lĩnh vực bệnh truyền nhiễm ở các cấp.	PLO5
Thái độ		
CLO10	Thực hiện đúng qui định ứng xử trong các cơ sở khám chữa bệnh	PLO6 PLO7
CLO11	Kỹ năng làm việc nhóm: Phối hợp với các thành viên trong nhóm có hiệu quả. Kỹ năng tổ chức học tập và nghiên cứu ca bệnh.	PLO6 PLO7
CLO12	Thực hiện đầy đủ 12 điều y đức và các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp	PLO6 PLO7

3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1 Lượng giá học phần gồm:

c) Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: Điểm danh, trình bày ca bệnh, thực hành thăm khám, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân điều trị tại khoa.
- Thời gian: trong suốt quá trình học tại bộ môn.

d) Lượng giá kết thúc học phần

- Hình thức:

+ Lý thuyết: Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn (MCQ) / Báo cáo chuyên đề

+ Lâm sàng: Khám lâm sàng, trình bày lập luận chẩn đoán và điều trị trường hợp bệnh nhân thực tế.

- Thời gian: Ngày cuối cùng của thời gian đi học tại bộ môn

- Chiến lược lượng giá cuối kỳ:

+ Kiến thức

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Sáng tạo	Tổng
CLO1	...%	...%	10%	10%	10%	5%	35%

CLO2	...%	...%	10%	10%	5%	5%	30%
CLO3	...%	...%	10%	10%	5%	5%	30%
CLO4	...%	...%	2.5%	2.5%	...%	...%	5%
Tổng	...%	...%	32.5%	32.5%	20%	15%	100%

+ Kỹ năng: Đánh giá theo bảng kiểm: Khám lâm sàng, lập luận chẩn đoán và điều trị trên 1 bệnh nhân cụ thể.

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO5	-	-	x	x
CLO6	-	-	x	x
CLO7	-	-	x	-
CLO8	-	-	x	-
CLO9	-	-	x	-
Tổng		1	2	2

+ Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm: quy đổi thành các hành vi được làm và không được làm.

• Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LSCK} * 0.4 + \text{LTCK} * 0.6$$

TKHP: Tổng kết học phần

LS: Lâm sàng

LTCK: Lý thuyết cuối kỳ

Học viên có điểm TKHP $\geq 4,0$: ĐẠT; nếu điểm TKHP $< 4,0$: học lại theo quy chế.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy- học
		LT	LS		
1.	Bệnh sốt xuất huyết Dengue	4	6	CLO1-12	Thuyết trình Thảo luận ca bệnh
2.	Bệnh cúm	2	3	CLO1-12	Thuyết trình Thảo luận ca bệnh
3.	Viêm não-màng não	4	6	CLO1-12	Thuyết trình Thảo luận ca bệnh
4.	Uốn ván	4	6	CLO1-12	Thuyết trình Thảo luận ca bệnh
5.	Bệnh Đại	2	3	CLO1-12	Thuyết trình Thảo luận ca bệnh
6.	Nhiễm khuẩn huyết	4	6	CLO1-12	Thuyết trình Thảo luận ca bệnh
7.	Nguyên tắc sử dụng kháng sinh	2	3	CLO1-12	Thuyết trình Thảo luận ca bệnh
8.	Viêm gan do virus	4	6	CLO1-12	Thuyết trình Thảo luận ca bệnh
9.	Bệnh Sởi	4	6	CLO1-12	Thuyết trình Thảo luận ca bệnh
Tổng số tiết giảng		30	45		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.7. Tài liệu học tập

- Tài liệu phát tay - Bộ môn Truyền Nhiễm, trường đại học Y Dược Hải Phòng.

5.8. Tài liệu tham khảo

1. Học Viện Quân Y (2020). Bệnh học Truyền Nhiễm. Bài giảng dành cho đối tượng sau đại học.
2. Bộ môn Truyền Nhiễm trường Đại Học Y Hà Nội. 2011. Bài giảng Bệnh Truyền Nhiễm. Nhà xuất bản y học.
3. Bộ môn Truyền Nhiễm trường Đại Học Y dược TP Hồ Chí Minh. 2020. Bài giảng Bệnh Truyền Nhiễm. Nhà xuất bản y học
4. Mandell, Douglas and Bennett's Principles and Practice of Infectious Diseases: 2-Volume Set, 8E 8th edition.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường trường Đại học Y Dược Hải Phòng
- Khoa điều trị: Bệnh nhiệt đới, bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp Hải Phòng; Khoa Bệnh nhiệt đới, bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp Hải Phòng cơ sở An Đồng.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS.BS. Trần Thị Liên

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS.BS. Đinh Dương Bình Anh

PHỤ LỤC

5. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên	Đơn vị	Email	SĐT
1	PGS.TS. Vũ Hải Vinh	Khoa Bệnh nhiệt đới CS2	vinhvuhai@gmail.com	0984777003
2	TS.BS. Trần Thị Liên	Bộ môn Truyền nhiễm	ttlien@hpmu.edu.vn	0912926983
3	TS. Nghiêm Xuân Hoàn	BV TUQĐ 108	nghiemxuanhoan@mail.com	0984986158
4	TS. Ngô Anh Thé	Khoa Bệnh nhiệt đới CS1	anhthe07@gmail.com	0902210218
5	ThS. Nguyễn Văn Hoàn	Bộ môn Truyền nhiễm	nvhoan@hpmu.edu.vn	0918129285
6	ThS. Hoàng Thị Thί亞	Bộ môn Truyền nhiễm	htthia@hpmu.edu.vn	0799238885

6. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

TT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Bs. Nguyễn Thị Kim Duyên	Bộ môn Truyền nhiễm	ntkduyen@hpmu.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Văn Hoàn	Bộ môn Truyền nhiễm	nvhoan@hpmu.edu.vn
3	ThS. Hoàng Thị Thί亞	Bộ môn Truyền nhiễm	htthia@hpmu.edu.vn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN SƠ SINH – HỒI SỨC CẤP CỨU

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: SƠ SINH – HỒI SỨC CẤP CỨU	
Mã học phần: YHSH.553	
Đối tượng áp dụng: học viên Thạc sĩ Nhi khoa	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nhi - Trường ĐHYD Hải Phòng	
Email liên hệ: bmnhhi@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 094.111.6179 (KTV. Nguyễn Đăng Đông – Thư ký BM Nhi)	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ/DVHT	6	3	0	3	
Số tiết	180	45	0	135	90
Số buổi	36	9	0	27	0

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Sơ sinh – Hồi sức cấp cứu cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và nâng cao về bệnh lý Sơ sinh – Hồi sức cấp cứu ở trẻ em; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc các bệnh lý Sơ sinh – Hồi sức cấp cứu ở trẻ em. Học viên có khả năng tự học dựa trên cơ sở dữ liệu y khoa và làm việc hợp tác với các bác sĩ thuộc chuyên ngành khác có liên quan.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CDR học phần (CLO)	Mô tả CDR học phần (CLO)	CDR của CTĐT (PLO)
CLO1	Hiểu và áp dụng được các kiến thức về dịch tễ học, sinh lý bệnh, cơ chế bệnh học và tiền sử tự nhiên của bệnh lý Sơ sinh – Hồi sức cấp cứu vào việc chăm sóc bệnh nhân	PLO1, PLO6,
CLO2	Diễn dịch và áp dụng được các kết quả nghiên cứu cơ bản và lâm sàng để chăm sóc bệnh nhi có bệnh lý Sơ sinh – Hồi sức cấp cứu; áp dụng y học dựa trên bằng chứng vào việc chăm sóc bệnh nhân	PLO4, PLO 7, PLO11, PLO13, PLO18
CLO3	Nhận biết và chẩn đoán được trẻ nghi ngờ bệnh lý Sơ sinh – Hồi sức cấp cứu với các biểu hiện lâm sàng đa dạng.	PLO2, PLO4, PLO6, PLO7,
CLO4	Quản lý, điều trị trẻ nhỏ và thanh thiếu niên có bệnh lý Sơ sinh – Hồi sức cấp cứu, bao gồm các tình trạng cấp cứu, cấp tính cũng như quản lý lâu dài bệnh mạn tính thường gặp ở trẻ sơ sinh	PLO3, PLO4, PLO5, PLO7
CLO5	Giáo dục cha mẹ và trẻ về các bệnh lý Sơ sinh – Hồi sức cấp cứu, bao gồm nguyên nhân, cách điều trị, theo dõi diễn biến lâm sàng và điều trị.	PLO1, PLO8, PLO13, PLO14, PLO15
CLO6	Chủ trì và phối hợp chăm sóc trẻ em mắc bệnh lý Sơ sinh – Hồi sức cấp cứu, trong hệ thống y tế và cộng đồng	PLO9, PLO10, PLO17

3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Lượng giá học phần gồm: lượng giá quá trình (chuyên cần), và lượng giá kết thúc học phần (lý thuyết và lượng giá lâm sàng)

3.1. Lượng giá chuyên cần:

- Hình thức: Điểm danh/làm bài tập cá nhân/ thảo luận nhóm...
- Thời gian: trong suốt quá trình học tại bộ môn

3.2. Lượng giá giữa kỳ

- Hình thức: Báo cáo chuyên đề
- Thời gian: sau 1/2 thời gian học lý thuyết.

3.2. Lượng giá cuối kỳ

3.2.1. Lượng giá lý thuyết:

- Học viên có đủ điều kiện thi lý thuyết là phải tham dự > 85% số tiết học lý thuyết và đạt điểm cuối kỳ học phần lâm sàng (điểm lượng giá kỹ năng) đạt 5,5 trở lên.
- Thi MCQs trong thời gian 60 phút, vào tuần cuối cùng của học phần
- Trọng số điểm

$$\text{Điểm lý thuyết (LT)} = 0.1 \text{ CC} + 0.3 \text{ CD} + 0.6 \text{ MCQ}$$

Điễn giải: LT: Điểm lý thuyết

CD: Điểm chuyên đề

MCQ: Điểm MCQ cuối kỳ

Chuẩn đầu ra	Trọng số	Hiểu (10%)	Áp dụng trở lên (90%)	Tổng
CLO 1 (12%)	5%	1	1	2
CLO 2 (8%)	7.5%	2	1	3
CLO 3 (20%)	25%		10	10
CLO 4 (20%)	25%		10	10
CLO 5 (20%)	12.5%		5	5
CLO 6 (20%)	25%		10	10
Tổng	100%	3	37	40

3.2.2. Lượng giá kỹ năng:

- Học viên chỉ được thi kỹ năng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Học viên được kiểm tra kỹ năng vào tuần cuối cùng trước khi kết thúc học phần bằng hình thức hỏi thi lâm sàng
- Công cụ lượng giá: Bảng kiểm lượng giá kỹ năng (Mini-cex cải tiến) (Phụ lục 2).
- Trọng số điểm

$$\text{Điểm LS} = 100\% \text{ LSCK}$$

Điễn giải : Điểm LS : Điểm lâm sàng

LSCK : Điểm lâm sàng cuối kỳ

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm thành thạo có sự giám sát	Làm thành thạo độc lập, không giám sát	Dạy được người khác làm
CLO 2 (10%)	-	-	x	-

CLO 3 (30%)	-	-	X	-
CLO 4 (30%)	-	-	X	-
CLO 5 (20%)	-	X		-
CLO 6 (10%)	-	X		-

3.2.3. Lượng giá thái độ:

- Phương pháp lượng giá 360^0 , đánh giá qua hành vi được làm và không được làm
- Công cụ : điểm danh, trình bày báo cáo chuyên đề, thảo luận nhóm
- Điều kiện :
 - o Đi học đúng giờ, tham gia số buổi học lý thuyết $> 85\%$, thực hành 100%
 - o Làm đủ bài tập báo cáo chuyên đề
 - o Tham gia thảo luận nhóm
- Điều kiện đạt : Điểm LS $\geq 5.5/10$ điểm
Điểm LT $\geq 5.5/10$ điểm

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/dồng giảng*)	Số lượng trợ giảng*
		LT	LS				
1	Đè non	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
2	Hạ glucose máu ở trẻ sơ sinh	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
3	Bệnh đa hồng cầu ở trẻ sơ sinh	2	6	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2

4	Co giật ở trẻ sơ sinh	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
5	Suy hô hấp sơ sinh	2	6	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
6	Vàng da tăng bilirubin tự do ở trẻ sơ sinh	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
7	Nhiễm khuẩn sơ sinh do mẹ truyền	2	6	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
8	Cấp cứu ngừng thở, ngừng tuần hoàn	3	9		Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
9	Hội chứng suy hô hấp cấp	3	9		Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
10	Sốc phản vệ	3	9		Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
11	Sốc nhiễm khuẩn	3	9		Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
12	Sốc giảm thể tích tuần hoàn	3	9		Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2

13	Suy thận cấp ở trẻ em	3	9		Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
14	Suy tim cấp ở trẻ em	3	9		Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
15	Rối loạn thăng bằng kiềm toan	3	9		Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
16	Cấp cứu bỏng	3	9		Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
	Tổng	45	135				

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1 Tài liệu học tập

1. Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà, Nguyễn Thu Nhạn, Hoàng Trọng Kim (2016): Phần V: Hồi sức cấp cứu, Sách giáo khoa Nhi khoa, tr.307-444. Nhà xuất bản Y học.
2. Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà, Nguyễn Thu Nhạn, Hoàng Trọng Kim (2016): Phần IV: Sơ sinh, Sách giáo khoa Nhi khoa, tr.177-306. Nhà xuất bản Y học.
3. Lê Thanh Hải, Nguyễn Ngọc Sáng (2020). Chương 1: Chăm sóc sức khỏe ban đầu – Sơ sinh, Giáo trình Nhi khoa Sau đại học, tr.9-82. Nhà xuất bản Y học.
4. Lê Thanh Hải, Nguyễn Ngọc Sáng (2020). Chương 2: Cấp cứu – Hồi sức, Giáo trình Nhi khoa Sau đại học, tr.83-136. Nhà xuất bản Y học.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Phùng Nguyễn Thế Nguyên (2022). Chương 6: Sơ sinh, Nhi khoa sau đại học

tập IV, tr1-106. Nhà xuất bản đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

2. Phùng Nguyễn Thê Nguyên (2022). Chương 8: Hồi sức cấp cứu, Nhi khoa sau đại học tập IV, tr219-472. Nhà xuất bản đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (*phụ lục*)

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Các khoa lâm sàng và phòng khám Sơ sinh - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng
- Khoa Nhi, Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng
- Khoa Nhi, Bệnh viện Quốc tế Green Hải Phòng
- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS.BS. *Đặng Văn Chức*

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS.BS. *Đinh Dương Bằng Anh*

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	PGS. TS. Đặng Văn Chức	Bộ môn Nhi	dvchuc@hpmu.edu.vn
2	PGS. TS. Đinh Văn Thúc	Bộ môn Nhi	dvthuc@hpmu.edu.vn
3	PGS. TS. Vũ Văn Quang	Bộ môn Nhi	vvquang@hpmu.edu.vn
4	TS. Đinh Dương Tùng Anh	Bộ môn Nhi	ddtanh@hpmu.edu.vn
5	BSCK II Dương Văn Đoàn	Khoa Tim mạch - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	doanbsnhi@gmail.com
6	BSCKII Vũ Hữu Quyền	Khoa Hồi sức cấp cứu - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	
7	BSCKII Lê Thị Minh Luyến	Khoa Sơ sinh - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS. Chu Thị Hà	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
2	ThS. BSNT. Nguyễn Thị Thúy Hường	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
4	ThS. Nguyễn Việt Hà	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
5	ThS. BSNT. Vũ Thị Yên	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
6	ThS. BSNT. Trần Thị Hải Yến	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
7	ThS. Phạm Thị Ngọc	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
8	ThS. BSNT. Trần Đức Tâm	Bộ môn Nhi	Trợ giảng

Phụ lục 2: BẢNG LUỢNG GIÁ LÂM SÀNG (MINI-CEX) – NHI KHOA

Học viên:.....

Lớp:.....

Chẩn đoán:.....

Người đánh giá:.....

Ngày:...../...../.....

STT	Yêu cầu	Không đạt (F)	Mức đạt	Mức trên đạt	Hoàn thành
1	Hỏi bệnh	Không thu thập thông tin quan trọng Hoặc Khai thác các thông tin không phục vụ mục đích lâm sàng. Hoặc Giao tiếp 1 chiều.	50% Và 0,5 Giao tiếp lấy bệnh nhân làm trung tâm.	75% Thu thập được một số thông tin quan trọng Và xác và tập trung.	100% yêu cầu Mức đạt yêu cầu Và Thể hiện được sự đồng cảm, thấu cảm với BN.
2	Khám lâm sàng	Thực hiện không chính xác Hoặc Thực hiện không đủ các bước	Thực hiện đủ các bước khám nhung chưa thuần thực	Thực hiện thuận thuần nhưng chưa phát hiện bất thường	Thực hiện thuần và 2,0 phát hiện các triệu chứng bất thường
3	Đề xuất Hoặc phiên giải cặn lâm sàng	Phiên giải kết quả sai Hoặc Không đề xuất cặn lâm sàng quan trọng	Phân tích chính xác kết quả một số cặn lâm sàng Hoặc đề xuất một số cặn lâm sàng cần làm	Không chấm điểm ô này	Phân tích chính xác kết quả quan trọng hỗ trợ chẩn đoán Và Đề xuất cặn lâm sàng cần làm
4	Báo cáo ca bệnh	Báo cáo ca bệnh chưa đầy đủ Hoặc không chính xác và thiếu trình tự logic	Báo cáo trình bệnh đầy đủ, chính xác Nhung Không phân tích được yếu tố quan trọng	Mức đạt Báo cáo có logic. Và Phân biệt được yếu tố quan trọng	Mức trên đạt và Trình bày lưu loát, có chủ đích các thông tin Và Chỉ định các xét nghiệm có giá trị cao để thu gọn chẩn đoán và lý giải phù hợp
5	Biện luận chẩn đoán	Không đưa ra được chẩn đoán tiềm năng Hoặc Đưa ra chẩn đoán sai	Đưa ra được 1-2 chẩn đoán tiềm năng đúng Và Lý giải phù hợp	Đưa ra được 1-2 chẩn đoán có tiềm năng Và Các chẩn đoán phân biệt	Mức trên đạt và Chỉ định các xét nghiệm có giá trị cao để thu gọn chẩn đoán và lý giải phù hợp Và Đề xuất 2,0 Tiên lượng, điều trị cụ thể, theo dõi
6	Đề xuất hướng xử trí	Không đề xuất được hướng xử trí Hoặc Đề xuất hướng xử trí sai	Đề xuất được nguyên tắc điều trị chung Và Ra y lệnh điều trị đúng (bao gồm cả các đáp ứng phù hợp kịp thời)	Mức đạt Và Ra y lệnh điều trị đúng (bao gồm cả các đáp ứng phù hợp kịp thời)	Mức trên đạt và Đề xuất 2,0 Tiên lượng, điều trị cụ thể, theo dõi

TỔNG ĐIỂM :/10

NHẬN XÉT:

Người chấm thi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

THẬN – HUYẾT HỌC – NỘI TIẾT – CHUYÊN HÓA – DI TRUYỀN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: THẬN – HUYẾT HỌC – NỘI TIẾT – CHUYÊN HÓA – DI TRUYỀN										
Mã học phần: YHTN.554										
Đối tượng áp dụng: học viên Thạc sĩ Nhi khoa										
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn										
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương		<input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành							
	<input type="checkbox"/> Cơ sở ngành		<input type="checkbox"/> Tự chọn							
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nhi - Trường ĐHYD Hải Phòng										
Email liên hệ: bmnhi@hpmu.edu.vn										
Điện thoại liên hệ: 094.111.6179 (KTV. Nguyễn Đăng Đông – Thư ký BM Nhi)										

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ/ĐVHT	6	3	0	3	
Số tiết	180	45	0	135	90
Số buổi	36	9	0	27	0

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Thận – Huyết học – Nội tiết – Chuyển hóa – Di truyền cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và nâng cao về bệnh lý Thận – Huyết học – Nội tiết – Chuyển hóa – Di truyền ở trẻ em; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc các bệnh lý Thận – Huyết học – Nội tiết – Chuyển hóa – Di truyền ở trẻ em. Học viên có khả năng tự học dựa trên cơ sở dữ liệu y khoa và làm việc hợp tác với các bác sĩ thuộc chuyên ngành khác có liên quan.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR	Mô tả CĐR học phần (CLO)	CĐR của CTĐT (PLO)
học phần (CLO)		
CLO1	Hiểu và áp dụng được các kiến thức về dịch tễ học, sinh lý bệnh, cơ chế bệnh học và tiền sử tự nhiên của bệnh lý Thận – Huyết học – Nội tiết – Chuyển hóa – Di truyền vào việc chăm sóc bệnh nhân	PLO1, PLO6,
CLO2	Diễn dịch và áp dụng được các kết quả nghiên cứu cơ bản và lâm sàng để chăm sóc bệnh nhi có bệnh lý Thận – Huyết học – Nội tiết – Chuyển hóa – Di truyền; áp dụng y học dựa trên bằng chứng vào việc chăm sóc bệnh nhân	PLO4, PLO 7, PLO11, PLO13, PLO18
CLO3	Nhận biết và chẩn đoán được trẻ nghi ngờ bệnh lý Thận – Huyết học – Nội tiết – Chuyển hóa – Di truyền với các biểu hiện lâm sàng đa dạng.	PLO2, PLO4, PLO6, PLO7,
CLO4	Quản lý, điều trị trẻ nhỏ và thanh thiếu niên có bệnh lý Thận – Huyết học – Nội tiết – Chuyển hóa – Di truyền, bao gồm các tình trạng cấp cứu, cấp tính cũng như quản lý lâu dài bệnh mạn tính thường gặp ở trẻ sơ sinh	PLO3, PLO4, PLO5, PLO7
CLO5	Giáo dục cha mẹ và trẻ về các bệnh lý Thận – Huyết học – Nội tiết – Chuyển hóa – Di truyền, bao gồm nguyên nhân, cách điều trị, theo dõi diễn biến lâm sàng và điều trị.	PLO1, PLO8, PLO13, PLO14, PLO15
CLO6	Chủ trì và phối hợp chăm sóc trẻ em mắc bệnh lý Thận – Huyết học – Nội tiết – Chuyển hóa – Di truyền trong hệ thống y tế và cộng đồng	PLO9, PLO10, PLO17

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Lượng giá học phần gồm: lượng giá quá trình (chuyên cần), và lượng giá kết thúc học phần (lý thuyết và lượng giá lâm sàng)

3.1. Lượng giá chuyên cần:

- Hình thức: Điểm danh/làm bài tập cá nhân/ thảo luận nhóm...
- Thời gian: trong suốt quá trình học tại bộ môn

3.2. Lượng giá giữa kỳ

- Hình thức: Báo cáo chuyên đề

- Thời gian: sau 1/2 thời gian học lý thuyết.

3.2. Lượng giá cuối kỳ

3.2.1. Lượng giá lý thuyết:

- Học viên có đủ điều kiện thi lý thuyết là phải tham dự > 85% số tiết học lý thuyết và đạt điểm cuối kỳ học phần lâm sàng (điểm lượng giá kỹ năng) đạt 5,5 trở lên.
- Thi MCQs trong thời gian 60 phút, vào tuần cuối cùng của học phần
- Trọng số điểm

$$\text{Điểm lý thuyết (LT)} = 0.1 \text{ CC} + 0.3 \text{ CD} + 0.6 \text{ MCQ}$$

Điễn giải: LT: Điểm lý thuyết

CD: Điểm chuyên đề

MCQ: Điểm MCQ cuối kỳ

Chuẩn đầu ra	Trọng số	Hiểu (10%)	Áp dụng trở lên (90%)	Tổng
CLO 1 (12%)	5%	1	1	2
CLO 2 (8%)	7.5%	2	1	3
CLO 3 (20%)	25%		10	10
CLO 4 (20%)	25%		10	10
CLO 5 (20%)	12.5%		5	5
CLO 6 (20%)	25%		10	10
Tổng	100%	3	37	40

3.2.2. Lượng giá kỹ năng:

- Học viên chỉ được thi kỹ năng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Học viên được kiểm tra kỹ năng vào tuần cuối cùng trước khi kết thúc học phần bằng hình thức hỏi thi lâm sàng
- Công cụ lượng giá: Bảng kiểm lượng giá kỹ năng (Mini-cex cải tiến) (Phụ lục 2).
- Trọng số điểm

$$\text{Điểm LS} = 100\% \text{ LSCK}$$

Điễn giải : Điểm LS : Điểm lâm sàng

LSCK : Điểm lâm sàng cuối kỳ

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm thành thạo có sự giám sát	Làm thành thạo độc lập, không giám sát	Dạy được người khác làm
CLO 2 (10%)	-	-	X	-
CLO 3 (30%)	-	-	X	-
CLO 4 (30%)	-	-	X	-
CLO 5 (20%)	-	X		-
CLO 6 (10%)	-	X		-

3.2.3. Lượng giá thái độ:

- Phương pháp lượng giá 360^0 , đánh giá qua hành vi được làm và không được làm
- Công cụ : điểm danh, trình bày báo cáo chuyên đề, thảo luận nhóm
- Điều kiện :
 - o Đi học đúng giờ, tham gia số buổi học lý thuyết > 85%, thực hành 100%
 - o Làm đủ bài tập báo cáo chuyên đề
 - o Tham gia thảo luận nhóm
- Điều kiện đạt : Điểm LS $\geq 5.5/10$ điểm
Điểm LT $\geq 5.5/10$ điểm

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy- học	Số lượng giảng viên (phụ)	Số lượng trợ giảng* *
		LT	LS				
1	Thăm dò chức năng nội tiết	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
2	Chẩn đoán và điều trị một số một số rối loạn chuyển hoá bẩm sinh	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2

3	Suy thượng thận trẻ em	2	6	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
4	Dây thì sóm trung ương	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
5	Một số rối loạn nhiễm sắc thể thường gặp	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
6	Cường giáp ở trẻ em	2	6	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
7	Bệnh lý tuyến yên	3	9	CLO1	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng	2	2
8	Bệnh Cushing	3	9	CLO1	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng	2	2
9	Phát triển hệ thống tạo máu	2	6	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
10	Thiếu máu ở trẻ em	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
11	Thalassemia	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
12	Tăng, giảm bạch cầu	2	6	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2

13	Rối loạn chức năng tiêu cầu	2	6	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
15	Suy tủy xương	2	6	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
16	Các rối loạn đông - cầm máu	2	6	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
17	Hội chứng viêm cầu thận cấp	2	6	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
18	Hội chứng thận hư tiên phát	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
19	Bệnh thận IgA	2	6	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
	Tổng	45	135				

5. Tài liệu dạy học

5.1 Tài liệu học tập

5. Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà, Nguyễn Thu Nhạn, Hoàng Trọng Kim (2016): Phần V: Hồi sức cấp cứu, Sách giáo khoa Nhi khoa, tr.307-444. Nhà xuất bản Y học.

6. Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà, Nguyễn Thu Nhạn, Hoàng Trọng Kim (2016): Phần IV: Sơ sinh, Sách giáo khoa Nhi khoa, tr.177-306. Nhà xuất bản Y học.

7. Lê Thanh Hải, Nguyễn Ngọc Sáng (2020). Chương 1: Chăm sóc sức khỏe ban đầu – Sơ sinh, Giáo trình Nhi khoa Sau đại học, tr.9-82. Nhà xuất bản Y học.
8. Lê Thanh Hải, Nguyễn Ngọc Sáng (2020). Chương 2: Cấp cứu – Hồi sức, Giáo trình Nhi khoa Sau đại học, tr.83-136. Nhà xuất bản Y học.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Phùng Nguyễn Thế Nguyên (2022). Chương 6: Sơ sinh, Nhi khoa sau đại học tập IV, tr1-106. Nhà xuất bản đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
2. Phùng Nguyễn Thế Nguyên (2022). Chương 8: Hồi sức cấp cứu, Nhi khoa sau đại học tập IV, tr219-472. Nhà xuất bản đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

9. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (*phụ lục*)

10. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Các khoa lâm sàng và phòng khám Sơ sinh - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng
- Khoa Nhi, Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng
- Khoa Nhi, Bệnh viện Quốc tế Green Hải Phòng
- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere

11. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



GS.TS.BS. Nguyễn Ngọc Sáng

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS.BS. Đinh Dương Lực

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	GS. TS. Nguyễn Ngọc Sáng	Bộ môn Nhi	nnsang@hpmu.edu.vn
2	PGS. TS. Vũ Văn Quang	Bộ môn Nhi	vvquang@hpmu.edu.vn
3	PGS. TS. Đinh Văn Thúc	Bộ môn Nhi	dvthuc@hpmu.edu.vn
4	TS. Đinh Dương Tùng Anh	Bộ môn Nhi	ddtanh@hpmu.edu.vn
5	BSCK II Dương Văn Đoàn	Khoa Tim mạch - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	doanbsnhi@gmail.com
6	BSCKII Trần Thị Ngọc Hòa	Khoa Nội tổng hợp - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS. Chu Thị Hà	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
2	ThS. BSNT. Nguyễn Thị Thúy Hường	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
3	ThS. BSNT. Nguyễn Thành Trung	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
4	ThS. Nguyễn Việt Hà	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
5	ThS. BSNT. Vũ Thị Yến	Bộ môn Nhi	Trợ giảng

Phụ lục 2: BẢNG LUỢNG GIÁ LÂM SÀNG (MINI-CEX) – NHI KHOA

Học viên:.....

Lớp:.....

Chẩn đoán:.....

Người đánh giá:.....

Ngày:...../...../.....

STT	Yêu cầu	Không đạt (F)	Mức đạt 50%	Mức trên đạt 75%	Hoàn thành 100% yêu cầu
1	Hỏi bệnh	Không thu thập thông tin quan trọng Hoặc Khai thác các thông tin không phục vụ mục đích lâm sàng. Hoặc Giao tiếp 1 chiều.	Thu thập được một số thông tin quan trọng Và 0,5 Giao tiếp lấy bệnh nhân làm trung tâm.	Thu thông tin có định hướng, đầy đủ, chính xác và tập trung. Và 0,75	Mức đạt yêu cầu 75% Và 1,0 Thể hiện được sự đồng cảm, thấu cảm với BN.
2	Khám lâm sàng	Thực hiện không chính xác Hoặc Thực hiện không đủ các bước	Thực hiện đủ các bước khám nhưng chưa thuần thực F 1,0	Thực hiện thuần thực nhưng chưa phát hiện bất thường Và 1,5	Thực hiện thuần thực và 2,0 hiện các triệu chứng bất thường
3	Đề xuất Hoặc phiên giải cận lâm sàng	Phiên giải kết quả sai Hoặc Không đề xuất cận lâm sàng quan trọng	Phân tích chính xác kết quả một số cận lâm sàng F 0,5 Hoặc đề xuất một số cận lâm sàng cần làm	Không chấm điểm ô này Và	Phân tích chính xác kết quả quan trọng hỗ trợ chẩn đoán 1,0 Đề xuất cận lâm sàng cần làm
4	Báo cáo ca bệnh	Báo cáo ca bệnh chưa đầy đủ Hoặc không chính xác và thiếu trình tự logic	Báo cáo trình bệnh đầy đủ, chính xác F 1,0 Nhung Không phân tích được yếu tố quan trọng	Mức đạt Báo cáo có logic. Và 1,5	Mức trên đạt và 2,0 Trình bày lưu loát, có chủ đích các thông tin
5	Biện luận chẩn đoán	Không đưa ra được chẩn đoán tiềm năng Hoặc Đưa ra chẩn đoán sai	Đưa ra được 1-2 chẩn đoán tiềm năng đúng F 1,0 Và Lý giải phù hợp	Mức trên đạt Đưa ra được 1-2 chẩn đoán có tiềm năng Và 1,5 Các chẩn đoán phân biệt	Mức trên đạt và 2,0 Chi định các xét nghiệm có giá trị cao để thu gọn chẩn đoán và lý giải phù hợp
6	Đề xuất hướng xử trí	Không đề xuất được hướng xử trí Hoặc Đề xuất hướng xử trí sai	Đề xuất được nguyên tắc điều trị chung F 1,0	Mức đạt Và Ra y lệnh điều trị đúng (bao gồm cả các đáp ứng phù hợp kịp thời) Và 1,5	Mức trên đạt và 2,0 Đề xuất Tiên lượng, điều trị cụ thể, theo dõi

TỔNG ĐIỂM :/10

NHẬN XÉT:

Người chấm thi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIÊU HÓA – DINH DƯỠNG

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: TIÊU HÓA- DINH DƯỠNG						
Mã học phần: YHTD.555						
Đối tượng áp dụng: học viên Thạc sĩ Nhi khoa						
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn						
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Tự chọn					
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nhi - Trường ĐHYD Hải Phòng						
Email liên hệ: bmnhi@hpmu.edu.vn						
Điện thoại liên hệ: 094.111.6179 (KTV. Nguyễn Đăng Đông – Thư ký BM Nhi)						

	Tổng	Lý thuyết	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	4	2	2	
Số tiết	120	30	90	30
Số buổi	24	6	18	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: Sinh lý học nâng cao
- Điều kiện khác: không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Tiêu hóa – Dinh dưỡng cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và nâng cao về bệnh lý tiêu hóa – dinh dưỡng ở trẻ em; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh tiêu hóa – dinh dưỡng ở trẻ em. Học viên có khả năng tự học dựa trên cơ sở dữ liệu y khoa và làm việc hợp tác với các bác sĩ thuộc chuyên ngành khác có liên quan.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR	Mô tả CĐR học phần (CLO)	CĐR của CTĐT (PLO)
học phần (CLO)		
CLO1	Hiểu và áp dụng được các kiến thức về dịch tễ học, sinh lý bệnh, cơ chế bệnh học và tiền sử tự nhiên của bệnh lý tiêu hóa – dinh dưỡng cấp/mạn tính hoặc bẩm sinh vào việc chăm sóc bệnh nhân	PLO1, PLO6,
CLO2	Diễn dịch và áp dụng được các kết quả nghiên cứu cơ bản và lâm sàng để chăm sóc bệnh nhi có bệnh lý tiêu hóa – dinh dưỡng; áp dụng y học dựa trên bằng chứng vào việc chăm sóc bệnh nhân	PLO4, PLO 7, PLO11, PLO13, PLO18
CLO3	Nhận biết và chẩn đoán được trẻ nghi ngờ bệnh lý tiêu hóa – dinh dưỡng với các biểu hiện lâm sàng đa dạng.	PLO2, PLO4, PLO6, PLO7,
CLO4	Quản lý, điều trị trẻ nhỏ và thanh thiếu niên có bệnh lý tiêu hóa – dinh dưỡng, bao gồm các tình trạng cấp cứu, cấp tính cũng như quản lý lâu dài bệnh mạn tính thường gặp	PLO3, PLO4, PLO5, PLO7
CLO5	Giáo dục cha mẹ và trẻ về các bệnh lý tiêu hóa – dinh dưỡng, bao gồm nguyên nhân, cách điều trị, theo dõi diễn biến lâm sàng và điều trị.	PLO1, PLO8, PLO13, PLO14, PLO15
CLO6	Chủ trì và phối hợp chăm sóc trẻ em mắc bệnh lý tiêu hóa – dinh dưỡng, trong hệ thống y tế và cộng đồng	PLO9, PLO10, PLO17

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Lượng giá học phần gồm: lượng giá quá trình (chuyên cần), và lượng giá kết thúc học phần (lý thuyết và lượng giá lâm sàng)

3.1. Lượng giá chuyên cần:

- Hình thức: Điểm danh/làm bài tập cá nhân/ thảo luận nhóm...
- Thời gian: trong suốt quá trình học tại bộ môn

3.2. Lượng giá giữa kỳ

- Hình thức: Báo cáo chuyên đề
- Thời gian: sau 1/2 thời gian học lý thuyết.

3.2. Lượng giá cuối kỳ

3.2.1. Lượng giá lý thuyết:

- Học viên có đủ điều kiện thi lý thuyết là phải tham dự > 85% số tiết học lý thuyết và đạt điểm cuối kỳ học phần lâm sàng (điểm lượng giá kỹ năng) đạt 5,5 trở lên.
- Thi MCQs trong thời gian 60 phút, vào tuần cuối cùng của học phần
- Trọng số điểm

$$\text{Điểm lý thuyết (LT)} = 0.1 \text{ CC} + 0.3 \text{ CD} + 0.6 \text{ MCQ}$$

Điễn giải: LT: Điểm lý thuyết

CD: Điểm chuyên đề

MCQ: Điểm MCQ cuối kỳ

Chuẩn đầu ra	Trọng số	Hiểu (10%)	Áp dụng trở lên (90%)	Tổng
CLO 1 (12%)	5%	1	1	2
CLO 2 (8%)	7.5%	2	1	3
CLO 3 (20%)	25%		10	10
CLO 4 (20%)	25%		10	10
CLO 5 (20%)	12.5%		5	5
CLO 6 (20%)	25%		10	10
Tổng	100%	3	37	40

3.2.2. Lượng giá kỹ năng:

- Học viên chỉ được thi kỹ năng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Học viên được kiểm tra kỹ năng vào tuần cuối cùng trước khi kết thúc học phần bằng hình thức hỏi thi lâm sàng
- Công cụ lượng giá: Bảng kiểm lượng giá kỹ năng (Mini-cex cải tiến) (Phụ lục 2).
- Trọng số điểm

$$\text{Điểm LS} = 100\% \text{ LSCK}$$

Điễn giải : Điểm LS : Điểm lâm sàng

LSCK : Điểm lâm sàng cuối kỳ

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm thành thạo có sự giám sát	Làm thành thạo độc lập, không giám sát	Dạy được người khác làm
CLO 2 (10%)	-	-	X	-

CLO 3 (30%)	-	-	x	-
CLO 4 (30%)	-	-	x	-
CLO 5 (20%)	-	x		-
CLO 6 (10%)	-	x		-

3.2.3. Lượng giá thái độ:

- Phương pháp lượng giá 360⁰, đánh giá qua hành vi được làm và không được làm
- Công cụ : điểm danh, trình bày báo cáo chuyên đề, thảo luận nhóm
- Điều kiện :
 - o Đi học đúng giờ, tham gia số buổi học lý thuyết > 85%, thực hành 100%
 - o Làm đủ bài tập báo cáo chuyên đề
 - o Tham gia thảo luận nhóm
- Điều kiện đạt : Điểm LS $\geq 5.5/10$ điểm
Điểm LT $\geq 5.5/10$ điểm

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/dồng giảng*)	Số lượng trợ giảng**
		LT	LS				
1	Bệnh viêm loét dạ dày-tá tràng ở trẻ em	4	12	CLO1-CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
2	Tiêu chảy kéo dài	3	9	CLO1-CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
3	Xuất huyết tiêu hoá trẻ em	4	12	CLO1-CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2

4	Viêm tuy cấp trẻ em	3	9	CLO1-CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
5	Các xét nghiệm thăm dò chức năng tiêu hoá	3	9	CLO1-CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
6	Dinh dưỡng trong điều trị rối loạn hấp thu	3	9	CLO1-CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
7	Béo phì ở trẻ em	4	12	CLO1-CLO6	Dựa trên ca bệnh,	2	2
					dựa trên bằng chứng TBL/ CBL		
8	Các bệnh thiếu vitamin và khoáng chất thường gặp ở trẻ em	3	9	CLO1-CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
9	Nuôi dưỡng đường tĩnh mạch	3	9	CLO1-CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
	Tổng	30	90				

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập:

1. Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà, Nguyễn Thu Nhàn, Hoàng Trọng Kim (2016): Phần IX: Hệ tiêu hóa, Sách giáo khoa Nhi khoa, tr.785-932. Nhà xuất bản

Y học.

2. Lê Thanh Hải, Nguyễn Ngọc Sáng (2020). Chương 8: Tiêu hóa – Dinh dưỡng, Giáo trình Nhi khoa Sau đại học, tr.475-630. Nhà xuất bản Y học.

5.2. Tài liệu tham khảo:

1. Phùng Nguyễn Thé Nguyễn (2022). Chương 2: Tiêu hóa – Gan mật, Nhi khoa sau đại học tập III, tr145-206. Nhà xuất bản đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nguyễn Công Khanh, Nguyễn Hoàng Nam (2017). Bệnh tiêu hoá- dinh dưỡng.Tiếp cận chẩn đoán và điều trị Nhi khoa. Nhà xuất bản Y học

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (*phụ lục*)

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Các khoa lâm sàng và phòng khám Tiêu hóa, Dinh dưỡng - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng
- Khoa Nhi, Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng
- Khoa Nhi, Bệnh viện Quốc tế Green Hải Phòng
- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thị Văn Quý

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đinh Dương Giang Anh

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	PGS. TS. Vũ Văn Quang	Bộ môn Nhi	vvquang@hpmu.edu.vn
2	PGS. TS. Đinh Văn Thúc	Bộ môn Nhi	dvthuc@hpmu.edu.vn
3	PGS. TS. Đặng Văn Chức	Bộ môn Nhi	dvchuc@hpmu.edu.vn
4	BSCKII Nguyễn Thị Thu Thủy	Bộ môn Nhi	
5	BSCKII Lê Quang Quỳnh	Khoa Tiêu hóa - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS. Phạm Thị Ngọc	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
2	ThS. Nguyễn Việt Hà	Bộ môn Nhi	Trợ giảng

Phụ lục 2: BẢNG LUỢNG GIÁ LÂM SÀNG (MINI-CEX) – NHI KHOA

Học viên:.....

Lớp:.....

Chẩn đoán:.....

Người đánh giá:.....

Ngày:...../...../.....

STT	Yêu cầu	Không đạt (F)	Mức đạt	Mức trên đạt	Hoàn thành
1	Hỏi bệnh	Không thu thập thông tin quan trọng Hoặc Khai thác các thông tin không phục vụ mục đích lâm sàng. Hoặc Giao tiếp 1 chiều.	50% <i>Và</i> 0,5 Giao tiếp lấy bệnh nhân làm trung tâm.	75% Thu thập được một số thông tin quan trọng <i>Và</i> 0,75	100% yêu cầu Mức đạt yêu cầu 75% Và Thể hiện được sự đồng cảm, thấu cảm với BN.
2	Khám lâm sàng	Thực hiện không chính xác Hoặc Thực hiện không đủ các bước	Thực hiện đủ các bước khám nhưng chưa thuần thực	Thực hiện thuần thực nhưng chưa phát hiện bất thường	Thực hiện thuần thực và 2,0 phát hiện các triệu chứng bất thường
3	Đè xuất Hoặc phiên giải cận lâm sàng	Phiên giải kết quả sai Hoặc Không đè xuất cận lâm sàng quan trọng	Phân tích chính xác kết quả một số cận lâm sàng Hoặc đè xuất một số cận lâm sàng cần làm	0,5 Không chấm điểm ô này	Phân tích 1,0 chính xác kết quả quan trọng hỗ trợ chẩn đoán Và Đè xuất cận lâm sàng cần làm
4	Báo cáo ca bệnh	Báo cáo ca bệnh chưa đầy đủ Hoặc không chính xác và thiếu trình tự logic	Báo cáo trình bệnh đầy đủ, chính xác Nhưng Không phân tích được yếu tố quan trọng	1,0 Mức đạt Báo cáo có logic. Và Phân biệt được yếu tố quan trọng	Mức trên đạt và 2,0 Trình bày lưu loát, có chủ đích các thông tin
5	Biện luận chẩn đoán	Không đưa ra được chẩn đoán tiềm năng Hoặc Đưa ra chẩn đoán sai	Đưa ra được 1-2 chẩn đoán tiềm năng đúng Và Lý giải phù hợp	1,0 Đưa ra được 1-2 chẩn đoán tiềm năng Và Các chẩn đoán phân biệt	Mức trên đạt và 2,0 Chỉ định các xét nghiệm có giá trị cao để thu gọn chẩn đoán và lý giải phù hợp
6	Đè xuất hướng xử trí	Không đè xuất được hướng xử trí Hoặc Đè xuất hướng xử trí sai	Đè xuất được nguyên tắc điều trị chung	1,0 Mức đạt Và Ra y lệnh điều trị đúng (bao gồm cả các đáp ứng phù hợp kịp thời)	Mức trên đạt và 2,0 Đè xuất Tiên lượng, điều trị cụ thể, theo dõi

TỔNG ĐIỂM :/10

NHẬN XÉT:

Người chấm thi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÔ HẤP – TIM MẠCH

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: HÔ HẤP – TIM MẠCH		
Mã học phần: YHHT.556		
Đối tượng áp dụng: học viên Thạc sĩ Nhi khoa		
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương	<input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành
	<input type="checkbox"/> Cơ sở ngành	<input type="checkbox"/> Tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nhi - Trường ĐHYD Hải Phòng		
Email liên hệ: bmnhi@hpmu.edu.vn		
Điện thoại liên hệ: 094.111.6179 (KTV. Nguyễn Đăng Đông – Thư ký BM Nhi)		

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ/ĐVHT	5	2,5	0	2,5	
Số tiết	150	37,5	0	112,5	75
Số buổi	31	8	0	23	0

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Hô hấp cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và nâng cao về bệnh lý hô hấp ở trẻ em; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh hô hấp ở trẻ em. Học viên có khả năng tự học dựa trên cơ sở dữ liệu y khoa và làm việc hợp tác với các bác sĩ thuộc chuyên ngành khác có liên quan.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần (CLO)	CĐR của CTĐT (PLO)

CLO1	Hiểu và áp dụng được các kiến thức về dịch tễ học, sinh lý bệnh, cơ chế bệnh học và tiền sử tự nhiên của bệnh lý hô hấp, tim mạch cấp/mạn tính hoặc bẩm sinh vào việc chăm sóc bệnh nhân	PLO1, PLO6,
CLO2	Diễn dịch và áp dụng được các kết quả nghiên cứu cơ bản và lâm sàng để chăm sóc bệnh nhi có bệnh lý hô hấp, tim mạch cấp/mạn tính hoặc bẩm sinh; áp dụng y học dựa trên bằng chứng vào việc chăm sóc bệnh nhân	PLO4, PLO 7, PLO11, PLO13, PLO18
CLO3	Nhận biết và chẩn đoán được trẻ nghi ngờ bệnh lý hô hấp, tim mạch cấp/mạn tính hoặc bẩm sinh với các biểu hiện lâm sàng đa dạng.	PLO2, PLO4, PLO6, PLO7,
CLO4	Quản lý, điều trị trẻ nhỏ và thanh thiếu niên có bệnh lý hô hấp, tim mạch cấp/mạn tính hoặc bẩm sinh, bao gồm các tình trạng cấp cứu, cấp tính cũng như quản lý lâu dài bệnh mạn tính thường gặp	PLO3, PLO4, PLO5, PLO7
CLO5	Giáo dục cha mẹ và trẻ về các bệnh lý hô hấp, tim mạch cấp/mạn tính hoặc bẩm sinh, bao gồm nguyên nhân, cách điều trị, theo dõi diễn biến lâm sàng và điều trị.	PLO1, PLO8, PLO13, PLO14, , PLO15
CLO6	Chủ trì và phối hợp chăm sóc trẻ em mắc bệnh lý hô hấp, tim mạch cấp/mạn tính hoặc bẩm sinh, trong hệ thống y tế và cộng đồng	PLO9, PLO10, PLO17

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Lượng giá học phần gồm: lượng giá quá trình (chuyên cần), và lượng giá kết thúc học phần (lý thuyết và lượng giá lâm sàng)

3.1. Lượng giá chuyên cần:

- Hình thức: Điểm danh/làm bài tập cá nhân/ thảo luận nhóm...
- Thời gian: trong suốt quá trình học tại bộ môn

3.2. Lượng giá giữa kỳ

- Hình thức: Báo cáo chuyên đề
- Thời gian: sau 1/2 thời gian học lý thuyết.

3.2. Lượng giá cuối kỳ

3.2.1. Lượng giá lý thuyết:

- Học viên có đủ điều kiện thi lý thuyết là phải tham dự > 85% số tiết học lý thuyết và đạt điểm cuối kỳ học phần lâm sàng (điểm lượng giá kỹ năng) đạt 5,5 trở lên.
- Thi MCQs trong thời gian 60 phút, vào tuần cuối cùng của học phần
- Trọng số điểm

$$\text{Điểm lý thuyết (LT)} = 0.1 \text{ CC} + 0.3 \text{ CD} + 0.6 \text{ MCQ}$$

Điễn giải: LT: Điểm lý thuyết

CD: Điểm chuyên đề

MCQ: Điểm MCQ cuối kỳ

Chuẩn đầu ra	Trọng số	Hiểu (10%)	Áp dụng trở lên (90%)	Tổng
CLO 1 (12%)	5%	1	1	2
CLO 2 (8%)	7.5%	2	1	3
CLO 3 (20%)	25%		10	10
CLO 4 (20%)	25%		10	10
CLO 5 (20%)	12.5%		5	5
CLO 6 (20%)	25%		10	10
Tổng	100%	3	37	40

3.2.2. Lượng giá kỹ năng:

- Học viên chỉ được thi kỹ năng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Học viên được kiểm tra kỹ năng vào tuần cuối cùng trước khi kết thúc học phần bằng hình thức hỏi thi lâm sàng
- Công cụ lượng giá: Bảng kiểm lượng giá kỹ năng (Mini-cex cải tiến) (Phụ lục 2).
- Trọng số điểm

$$\text{Điểm LS} = 100\% \text{ LSCK}$$

Điễn giải : Điểm LS : Điểm lâm sàng

LSCK : Điểm lâm sàng cuối kỳ

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm thành thạo có sự giám sát	Làm thành thạo độc lập, không giám sát	Dạy được người khác làm
CLO 2 (10%)	-	-	x	-
CLO 3 (30%)	-	-	x	-

CLO 4 (30%)	-	-	x	-
CLO 5 (20%)	-	x		-
CLO 6 (10%)	-	x		-

3.2.3. Lượng giá thái độ:

- Phương pháp lượng giá 360° , đánh giá qua hành vi được làm và không được làm
- Công cụ : điểm danh, trình bày báo cáo chuyên đề, thảo luận nhóm
- Điều kiện :
 - o Đi học đúng giờ, tham gia số buổi học lý thuyết $> 85\%$, thực hành 100%
 - o Làm đủ bài tập báo cáo chuyên đề
 - o Tham gia thảo luận nhóm
- Điều kiện đạt : Điểm LS $\geq 5.5/10$ điểm
Điểm LT $\geq 5.5/10$ điểm

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/dồng giảng*)	Số lượng trợ giảng* *
		LT	LS				
1	Viêm phổi do COVID-19 ở trẻ em	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
2	Viêm tiêu phế quản tắc nghẽn hậu nhiễm trùng	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
3	Viêm thanh quản cấp ở trẻ em	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
4	Viêm phổi do vi khuẩn không điển hình	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2

5	Hen phế quản ở trẻ em	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
6	Hội chứng suy hô hấp cấp ở trẻ em	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
7	Bệnh cơ tim ở trẻ em	4,5	13,5	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
8	Các bệnh van tim do thấp ở trẻ em	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
9	Bệnh tim bẩm sinh có tím	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
10	Bệnh tim bẩm sinh không tím	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
11	Rối loạn nhịp tim ở trẻ em	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
12	Bệnh Kawasaki	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
	Tổng	37,5	112,5				

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

1. Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà, Nguyễn Thu Nhàn, Hoàng Trọng Kim (2016): Phần VI: Hệ tuần hoàn, Sách giáo khoa Nhi khoa, tr.445-686. Nhà xuất bản Y học.
2. Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà, Nguyễn Thu Nhàn, Hoàng Trọng Kim (2016): Phần VII: Hệ hô hấp, Sách giáo khoa Nhi khoa, tr.687-762. Nhà xuất bản Y học.
3. Lê Thanh Hải, Nguyễn Ngọc Sáng (2020). Chương Tuần hoàn – Hô hấp, Giáo trình Nhi khoa Sau đại học, tr.137-194. Nhà xuất bản Y học.

5.2. Tài liệu tham khảo:

1. Phùng Nguyễn Thế Nguyên (2022). Chương 9: Tim mạch, Nhi khoa sau đại học tập IV, tr473-843. Nhà xuất bản đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
2. Phùng Nguyễn Thế Nguyên (2022). Chương 1: Hô hấp, Nhi khoa sau đại học tập IV, tr1-144. Nhà xuất bản đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục)

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Các khoa lâm sàng và phòng khám Hô hấp, Tim mạch - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng
- Khoa Nhi, Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng
- Khoa Nhi, Bệnh viện Quốc tế Green Hải Phòng
- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS.BS. Đinh Dương Tùng Anh

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS.BS. Đinh Dương Tùng Anh

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	PGS. TS. Đinh Văn Thúc	Bộ môn Nhi	dvthuc@hpmu.edu.vn
2	TS. Đinh Dương Tùng Anh	Bộ môn Nhi	ddtanh@hpmu.edu.vn
3	PGS. TS. Đặng Văn Chúc	Bộ môn Nhi	dvchuc@hpmu.edu.vn
4	GS. TS. Nguyễn Ngọc Sáng	Bộ môn Nhi	nnsang@hpmu.edu.vn
5	PGS. TS. Vũ Văn Quang	Bộ môn Nhi	vvquang@hpmu.edu.vn
6	BSCK II Dương Văn Đoàn	Khoa Tim mạch - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	doanbsnhi@gmail.com
7	ThS. BSCK II Hoàng Ngọc Anh	Khoa Hô hấp - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	hoangngocanhqn@gmail.com

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS. BSNT. Nguyễn Thị Thúy Hường	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
2	ThS. Nguyễn Việt Hà	Bộ môn Nhi	Trợ giảng

Phụ lục 2: BẢNG LƯỢNG GIÁ LÂM SÀNG (MINI-CEX) – NHI KHOA

Học viên:.....

Lớp:.....

Chẩn đoán:.....

Người đánh giá:.....

Ngày:...../...../.....

STT	Yêu cầu	Không đạt (F)	Mức đạt	Mức trên đạt	Hoàn thành 100% yêu cầu
1	Hỏi bệnh	Không thu thập thông tin quan trọng Hoặc Khai thác các thông tin không phục vụ mục đích lâm sàng. Hoặc Giao tiếp 1 chiều.	50% <i>Và</i> 0,5 Giao tiếp lấy bệnh nhân làm trung tâm.	75% Thu thập được một số thông tin quan trọng <i>Và</i> Thứ tự rõ ràng, đầy đủ, chính xác và tập trung.	Mức đạt yêu cầu 75% Và 1,0 Thể hiện được sự đồng cảm, thấu cảm với BN.
2	Khám lâm sàng	Thực hiện không chính xác Hoặc Thực hiện không đủ các bước	Thực hiện đủ các bước khám Nhưng chưa thuần túc	Thái độ tôn trọng. Thực hiện thuần túc Nhưng chưa phát hiện bất thường	Thực hiện thuần túc và phát hiện các triệu chứng bất thường
3	Đề xuất Hoặc phiên giải cận lâm sàng	Phiên giải kết quả sai Hoặc Không đề xuất cận lâm sàng quan trọng	Phân tích chính xác kết quả một số cận lâm sàng Hoặc đề xuất một số cận lâm sàng cần làm	0,5 Không chấm điểm ô này	Phân tích chính xác kết quả quan trọng hỗ trợ chẩn đoán Và Đề xuất cận lâm sàng cần làm
4	Báo cáo ca bệnh	Báo cáo ca bệnh chưa đầy đủ Hoặc không chính xác và thiếu trình tự logic	Báo cáo trình bệnh đầy đủ, chính xác Nhưng Không phân tích được yếu tố quan trọng	Mức đạt Báo cáo có logic. Và Phân biệt được yếu tố quan trọng	Mức trên đạt và Trình bày lưu loát, có chủ đích các thông tin
5	Biên luận chẩn đoán	Không đưa ra được chẩn đoán tiềm năng Hoặc Đưa ra chẩn đoán sai	Đưa ra được 1-2 chẩn đoán tiềm năng đúng Và Lý giải phù hợp	Đưa ra được 1-2 chẩn đoán có tiềm năng Và Các chẩn đoán phân biệt	Mức trên đạt và Chỉ định các xét nghiệm có giá trị cao để thu gọn chẩn đoán và lý giải phù hợp
6	Đề xuất hướng xử trí	Không đề xuất được hướng xử trí Hoặc Đề xuất hướng xử trí sai	Đề xuất được nguyên tắc điều trị chung Và Ra y lệnh điều trị đúng (bao gồm cả các đáp ứng phù hợp kịp thời)	Mức đạt Ra y lệnh điều trị đúng Và Đề xuất Tiên lượng, điều trị cụ thể, theo dõi	Mức trên đạt và Đề xuất 2,0 Tiên lượng, điều trị cụ thể, theo dõi

TỔNG ĐIỂM :/10

NHẬN XÉT:

Người chấm thi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

THẦN KINH – TÂM BỆNH – NHI KHOA XÃ HỘI – ĐIỀU TRỊ HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: THẦN KINH – TÂM BỆNH – NHI KHOA XÃ HỘI – ĐIỀU TRỊ HỌC
Mã học phần: YHTX.559
Đối tượng áp dụng: học viên Thạc sĩ Nhi khoa
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn
Thuộc khối kiến thức: <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nhi - Trường ĐHYD Hải Phòng
Email liên hệ: bmnhi@hpmu.edu.vn
Điện thoại liên hệ: 094.111.6179 (KTV. Nguyễn Đăng Đông – Thư ký BM Nhi)

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ/DVHT	6	3	0	3	
Số tiết	180	45	0	135	90
Số buổi	36	9	0	27	0

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Thần kinh – Tâm bệnh – Nhi khoa xã hội – Điều trị học cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và nâng cao về bệnh lý Thần kinh – Tâm bệnh – Nhi khoa xã hội ở trẻ em; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc các bệnh lý Thần kinh – Tâm bệnh – Nhi khoa xã hội và các vấn đề Điều trị học ở trẻ em. Học viên có khả năng tự học dựa trên cơ sở dữ liệu y khoa và làm việc hợp tác với các bác sĩ thuộc chuyên ngành khác có liên quan.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần (CLO)	CĐR của CTĐT (PLO)
CLO1	Hiểu và áp dụng được các kiến thức về dịch tễ học, sinh lý bệnh, cơ chế bệnh học và tiền sử tự nhiên của bệnh lý Thần kinh – Tâm bệnh – Nhi khoa xã hội vào việc chăm sóc bệnh nhân	PLO1, PLO6,
CLO2	Diễn dịch và áp dụng được các kết quả nghiên cứu cơ bản và lâm sàng để chăm sóc bệnh nhi có bệnh lý Thần kinh – Tâm bệnh – Nhi khoa xã hội; áp dụng y học dựa trên bằng chứng vào việc chăm sóc bệnh nhân	PLO4, PLO 7, PLO11, PLO13, PLO18
CLO3	Nhận biết và chẩn đoán được trẻ nghi ngờ bệnh lý Thần kinh – Tâm bệnh – Nhi khoa xã hội với các biểu hiện lâm sàng đa dạng.	PLO2, PLO4, PLO6, PLO7,
CLO4	Quản lý, điều trị trẻ nhỏ và thanh thiếu niên có bệnh lý Thần kinh – Tâm bệnh – Nhi khoa xã hội, bao gồm các tình trạng cấp cứu, cấp tính cũng như quản lý lâu dài bệnh mạn tính thường gặp ở trẻ em	PLO3, PLO4, PLO5, PLO7
CLO5	Giáo dục cha mẹ và trẻ về các bệnh lý Thần kinh – Tâm bệnh – Nhi khoa xã hội, bao gồm nguyên nhân, cách điều trị, theo dõi diễn biến lâm sàng và điều trị.	PLO1, PLO8, PLO13, PLO14, PLO15
CLO6	Chủ trì và phối hợp chăm sóc trẻ em mắc bệnh lý Thần kinh – Tâm bệnh – Nhi khoa xã hội trong hệ thống y tế và cộng đồng	PLO9, PLO10, PLO17

3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Lượng giá học phần gồm: lượng giá quá trình (chuyên cần), và lượng giá kết thúc học phần (lý thuyết và lượng giá lâm sàng)

3.1. Lượng giá chuyên cần:

- Hình thức: Điểm danh/làm bài tập cá nhân/ thảo luận nhóm...
- Thời gian: trong suốt quá trình học tại bộ môn

3.2. Lượng giá giữa kỳ

- Hình thức: Báo cáo chuyên đề
- Thời gian: sau 1/2 thời gian học lý thuyết.

3.2. Lượng giá cuối kỳ

3.2.1. Lượng giá lý thuyết:

- Học viên có đủ điều kiện thi lý thuyết là phải tham dự > 85% số tiết học lý thuyết và đạt điểm cuối kỳ học phần lâm sàng (điểm lượng giá kỹ năng) đạt 5,5 trở lên.
- Thi MCQs trong thời gian 60 phút, vào tuần cuối cùng của học phần
- Trọng số điểm

$$\text{Điểm lý thuyết (LT)} = 0.1 \text{ CC} + 0.3 \text{ CD} + 0.6 \text{ MCQ}$$

Diễn giải: LT: Điểm lý thuyết

CD: Điểm chuyên đề

MCQ: Điểm MCQ cuối kỳ

Chuẩn đầu ra	Trọng số	Hiệu (10%)	Áp dụng trở lên (90%)	Tổng
CLO 1 (12%)	5%	1	1	2
CLO 2 (8%)	7.5%	2	1	3
CLO 3 (20%)	25%		10	10
CLO 4 (20%)	25%		10	10
CLO 5 (20%)	12.5%		5	5
CLO 6 (20%)	25%		10	10
Tổng	100%	3	37	40

3.2.2. Lượng giá kỹ năng:

- Học viên chỉ được thi kỹ năng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Học viên được kiểm tra kỹ năng vào tuần cuối cùng trước khi kết thúc học phần bằng hình thức hỏi thi lâm sàng
- Công cụ lượng giá: Bảng kiểm lượng giá kỹ năng (Mini-cex cải tiến) (Phụ lục 2).
- Trọng số điểm

$$\text{Điểm LS} = 100\% \text{ LSCK}$$

Diễn giải : Điểm LS : Điểm lâm sàng

LSCK : Điểm lâm sàng cuối kỳ

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm thành thạo có sự giám sát	Làm thành thạo độc lập, không giám sát	Dạy được người khác làm
CLO 2 (10%)	-	-	x	-
CLO 3 (30%)	-	-	x	-

CLO 4 (30%)	-	-	x	-
CLO 5 (20%)	-	x		-
CLO 6 (10%)	-	x		-

3.2.3. Lượng giá thái độ:

- Phương pháp lượng giá 360°, đánh giá qua hành vi được làm và không được làm
- Công cụ : điểm danh, trình bày báo cáo chuyên đề, thảo luận nhóm
- Điều kiện :
 - o Đi học đúng giờ, tham gia số buổi học lý thuyết > 85%, thực hành 100%
 - o Làm đủ bài tập báo cáo chuyên đề
 - o Tham gia thảo luận nhóm
- Điều kiện đạt : Điểm LS $\geq 5.5/10$ điểm
Điểm LT $\geq 5.5/10$ điểm

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/dồng giảng*)	Số lượng trợ giảng*
		LT	LS				
1	Bệnh động kinh ở trẻ em	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
2	Áp xe não	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
3	U não ở trẻ em	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
4	Hội chứng tăng áp lực nội sọ ở trẻ em	2	6	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2

5	Bại não ở trẻ em	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
6	Bệnh lý mạch máu não ở trẻ em	2	6	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
7	Đặc điểm phát triển tâm lý trẻ em	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
8	Phương pháp đánh giá sức khỏe tâm thần trẻ em	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
					TBL/ CBL		
9	Rối loạn tâm căn, lo âu trẻ em	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
10	Rối loạn Tic và hội chứng Tourette	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
11	Rối loạn tăng động giảm chú ý	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
12	Tổ chức dịch vụ chăm sóc sức khoẻ trẻ em	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2

13	Các phương pháp nghiên cứu nhi khoa xã hội học	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
14	Các chỉ số đánh giá trong chương trình chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ trẻ em.	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
15	Sử dụng thuốc trong nhi khoa	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
	Tổng	45	135				

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

1. Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà, Nguyễn Thu Nhàn, Hoàng Trọng Kim (2016): Phần XIV: Hệ thần kinh trung ương. Sách giáo khoa Nhi khoa, tr.1353- 1400. Nhà xuất bản Y học.
2. Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà, Nguyễn Thu Nhàn, Hoàng Trọng Kim (2016): Phần XXI: Sức khỏe tâm thần. Sách giáo khoa Nhi khoa, tr.1873- 1944. Nhà xuất bản Y học.
3. Lê Thanh Hải, Nguyễn Ngọc Sáng (2020). Chương 6: Tâm thần – thần kinh, Giáo trình Nhi khoa Sau đại học, tr.354-424. Nhà xuất bản Y học.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục)

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Các khoa lâm sàng và phòng khám Thận – Huyết học – Nội tiết - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng
- Khoa Nhi, Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng
- Khoa Nhi, Bệnh viện Quốc tế Green Hải Phòng
- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot,

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

THẦY THUỐC UU TÚ

PGS.TS. *Đinh Văn Thảo*

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS.BS. *Đinh Đường Tùng Anh*

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	PGS. TS. Đặng Văn Chúc	Bộ môn Nhi	dvchuc@hpmu.edu.vn
2	PGS. TS. Đinh Văn Thúc	Bộ môn Nhi	dvthuc@hpmu.edu.vn
4	PGS. TS. Vũ Văn Quang	Bộ môn Nhi	vvquang@hpmu.edu.vn
5	TS. Đinh Dương Tùng Anh	Bộ môn Nhi	ddtanh@hpmu.edu.vn
6	TS.BS Ngô Anh Vinh	Bệnh viện Nhi Trung ương	vinhinc@yahoo.com
7	BSCKII. Nguyễn Bích Vân	Khoa Thần kinh – Tâm bệnh - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS. Nguyễn Mai Phương	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
2	ThS. Nguyễn Việt Hà	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
3	ThS. BSNT. Trần Đức Tâm	Bộ môn Nhi	Trợ giảng

Phụ lục 2: BẢNG LƯỢNG GIÁ LÂM SÀNG (MINI-CEX) – NHI KHOA

Học viên:.....

Lớp:.....

Chẩn đoán:.....

Người đánh giá:.....

Ngày:...../...../.....

STT	Yêu cầu	Không đạt (F)	Mức đạt 50%	Mức trên đạt 75%	Hoàn thành 100% yêu cầu
1	Hỏi bệnh	Không thu thập thông tin quan trọng Hoặc Khai thác các thông tin không phục vụ mục đích lâm sàng. Hoặc Giao tiếp 1 chiều.	F Và 0,5	Thu thập được một số thông tin quan trọng Giao tiếp lấy bệnh nhân làm trung tâm. Và	Thu thông tin có định hướng, đầy đủ, chính xác và tập trung. Thứ trung. Và
2	Khám lâm sàng	Thực hiện không chính xác Hoặc Thực hiện không đủ các bước	F nhưng chưa thuần	Thực hiện đủ các bước khám nhưng chưa phát hiện bất thường	Thực hiện thuần thực và phát hiện các triệu chứng bất thường Thực hiện thuần thực và 2,0
3	Đè xuất Hoặc phiên giải cận lâm sàng	Phiên giải kết quả sai Hoặc Không đè xuất cận lâm sàng quan trọng	F 0,5	Phân tích chính xác kết quả một số cận lâm sàng Hoặc đè xuất một số cận lâm sàng cần làm	Không chấm điểm ô này Phân tích chính xác kết quả quan trọng hỗ trợ chẩn đoán Và Đè xuất cận lâm sàng cần làm
4	Báo cáo ca bệnh	Báo cáo ca bệnh chưa đầy đủ Hoặc không chính xác và thiếu trình tự logic	F Nhưng Không phân tích được yếu tố quan trọng	Báo cáo trình bệnh đầy đủ, chính xác Báo cáo có logic. Và Phân biệt được yếu tố quan trọng	Mức đạt Mức trên đạt và Trình bày lưu loát, có chủ đích các thông tin Mức trên đạt và Chi định 2,0 các xét nghiệm có giá trị cao để thu gọn chẩn đoán và lý giải phù hợp
5	Biện luận chẩn đoán	Không đưa ra được chẩn đoán tiềm năng Hoặc Đưa ra chẩn đoán sai	F 1,0 Và Lý giải phù hợp	Đưa ra được 1-2 chẩn đoán tiềm năng đúng Và Các chẩn đoán phân biệt	Mức trên đạt và Đè xuất 2,0 Tiền lượng, điều trị cụ thể, theo dõi
6	Đè xuất hướng xù trí	Không đè xuất được hướng xù trí Hoặc Đè xuất hướng xù trí sai	F 1,0	Đè xuất được nguyên tắc điều trị chung Và Ra lệnh điều trị đúng (bao gồm cả các đáp ứng phù hợp kịp thời)	Mức đạt Mức trên đạt và Đè xuất 2,0

TỔNG ĐIỂM :/10

NHẬN XÉT:

Người chấm thi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHẨN ĐOÀN HÌNH ẢNH

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Chẩn đoán hình ảnh				
Mã học phần: YHCD.560				
Đối tượng áp dụng: học viên Thạc sĩ Nhi khoa				
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn				
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Môn chung	<input type="checkbox"/> Chuyên ngành bắt buộc	<input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở và hỗ trợ	<input type="checkbox"/> Chuyên ngành tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh Email liên hệ: nvlong@hpmu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0904580590				

	Tổng	Lý thuyết	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	1	2	
Số tiết	75	15	60	10
Số buổi	18	3	15	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Điều kiện khác: không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần chẩn đoán hình ảnh cung cấp kiến thức cơ bản cho học viên cao học Nhi khoa về một số vấn đề thường gặp của chuyên ngành chẩn đoán hình ảnh. Học phần này cũng cung cấp kiến thức nền tảng và là điều kiện bắt buộc để các học viên có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu các kiến thức chuyên sâu trong chuyên ngành chẩn đoán hình ảnh tại các trình độ học tiếp theo.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Nắm được chỉ định của các phương pháp X Quang, CLVT trong chẩn đoán bệnh lý bộ máy hô hấp	PLO16
CLO2	Phân tích được hình ảnh bình thường, hình ảnh bất thường của bộ máy hô hấp.	PLO1, PLO4, PLO6, PLO7
CLO3	Chẩn đoán được các bệnh lý cơ bản của bộ máy hô hấp bằng hình ảnh X quang quy ước	

3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Lượng giá học phần gồm: lượng giá lý thuyết và lượng giá lâm sàng

Yêu cầu tiên quyết: Học viên học đủ 100% số buổi thực hành. Vắng 1 buổi trở lên sẽ bị cấm thi.

2.1 Lượng giá lý thuyết:

- Thi MCQs trong thời gian 60 phút liên quan đến các vấn đề cơ bản Chẩn đoán hình ảnh hệ thần kinh và tiêu hóa.
- Thời gian: vào tuần cuối cùng của học phần
- Trọng số điểm là: 100% tổng điểm lý thuyết

Mục tiêu	Nhớ (0%)	Hiểu (30%)	Áp dụng (70%)	Tổng
CLO 1 (20%)	0	3	7	10
CLO 2 (30%)	0	5	10	15
CLO 3 (50%)	0	7	18	25
Tổng	0	15	25	50

2.2. Lượng giá kỹ năng:

- Học viên chỉ được thi kỹ năng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Học viên được kiểm tra kỹ năng vào tuần cuối cùng trước khi kết thúc học phần bằng hình thức hỏi thi vấn đáp đọc phim theo bộ phim tài liệu của bộ môn.
- Công cụ lượng giá: Bảng kiểm lượng giá kỹ năng
- Trọng số điểm: 100% tổng điểm lâm sàng

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm có sự giám sát	Làm độc lập, không giám sát	Dạy người khác làm
CLO 3 (70%)	-	-	x	-
CLO 4 (30%)	-	-	x	-
Tổng			100%	

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

T T	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/dồn g giảng*)	Số lượng trợ giảng**
		LT	LS				
1	Bài 1: Hướng dẫn đọc phim X-quang ngực	05	20	CLO1, CLO2	Thuyết trình	ThS. Long	01
2	Bài 2: Dấu hiệu X-quang ngực	05	20	CLO2, CL03	Thuyết trình	ThS. Cường	01
3	Bài 3: Hội chứng X-quang ngực	05	20	CLO2, CL03	Thuyết trình	ThS. Tú	01
	Tổng	15	60				

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

- Bài giảng chẩn đoán hình ảnh - Trường Đại học Y Hà Nội. - H. : Y học, 2001
- Siêu âm tổng quát. Nhà xuất bản Đại học Huế 2011
- Siêu âm bụng tổng quát / Nguyễn Phước Bảo Quân. - H. : Y học, 2002

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục)

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu
- Giảng đường
- Các phương tiện chẩn đoán hình ảnh: máy X quang, CLVT.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

hàm Anh Trí

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS.BS. Đinh Dương Cửng Anh

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1.	ThS. Bùi Hoàng Tú	Bộ môn CĐHA	bhtu@hpmu.edu.vn
2.	PGS.TS Hoàng Đức Hạ	Bộ môn CĐHA	hdha@hpmu.edu.vn
3.	ThS. Nguyễn Văn Long	Bộ môn CĐHA	nvlong@hpmu.edu.vn

2. Danh sách giảng viên tham gia trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1.	Phan Xuân Cường	Bộ môn CĐHA	pxcuong@hpmu.edu.vn
2.	Nguyễn Hồng Phúc	Bộ môn CĐHA	nhongphuc@hpmu.edu.vn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN BỆNH LAO TRẺ EM

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: BỆNH LAO TRẺ EM
Mã học phần:
Đối tượng áp dụng: Học viên Cao học Nhi khoa
Loại học phần: Tự chọn
Thuộc khối kiến thức: chuyên ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Lao và bệnh phổi
Email liên hệ: bmlao@hpmu.edu.vn
Điện thoại liên hệ: 0942763131

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	2	1		1	0
Số tiết	60	15		45	15
Số buổi	12	3		9	3

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Nhi cơ sở
- Học phần học trước: không
- Điều kiện khác: không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Bệnh học lao trẻ em nhằm cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản, cập nhật về bệnh lao ở trẻ em, giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và tiên lượng bệnh nhi mắc bệnh lao.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
--------------------	--------------------	-----------------

CLO 1	Vận dụng kiến thức y học cơ sở để giải thích đặc điểm của vi khuẩn lao, sinh bệnh học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng bệnh lao trẻ em	PLO2, PLO6
CLO 2	Vận dụng kiến thức y học chứng cứ để đưa ra chẩn đoán, điều trị bệnh lao trẻ em	PLO2, PLO7
CLO 3	Phân tích được các biện pháp phòng bệnh lao tại cộng đồng	PLO2
CLO 4	Thực hành hồi bệnh, khám bệnh phát hiện triệu chứng, đề xuất các xét nghiệm trong chẩn đoán và theo dõi điều trị bệnh lao trẻ em	PLO1, PLO3, PLO7
CLO 5	Thực hành lập luận chẩn đoán, lập kế hoạch điều trị và theo dõi điều trị bệnh lao trẻ em	PLO4, PLO5, PLO6
CLO 6	Tư vấn các biện pháp phòng bệnh lao trẻ em; theo dõi điều trị lao theo từng tuyến của chương trình chống lao quốc gia	PLO3, PLO8
CLO 7	Thể hiện sự đồng cảm, lắng nghe, chia sẻ với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân	PLO8, PLO13
CLO 8	Thể hiện tinh thần cầu thị và hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp liên ngành	PLO12, PLO13

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Lượng giá học phần gồm: lượng giá quá trình (chuyên cần) và lượng giá kết thúc học phần (lâm sàng và lý thuyết).

3.1. Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: Điểm danh tại các buổi lý thuyết và học tập lâm sàng.
- Thời gian: Trong suốt quá trình học phần.

3.2. Lượng giá cuối kỳ

3.2.1. Lâm sàng

- Học viên đủ điều kiện tham gia thi kết thúc học phần lâm sàng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Hình thức: thi vấn đáp có cấu trúc trên bệnh nhân thật.

Học viên được bốc 01 bệnh nhân có bệnh lý trong chương trình học, chuẩn bị bệnh án theo mẫu.

02 giảng viên đánh giá kỹ năng lâm sàng của 01 học viên theo bảng kiểm (hỏi bệnh, khám lâm sàng, biện luận lâm sàng trên bệnh nhân thật tại buồng bệnh).

- Thời điểm: khi kết thúc học phần.
- Điểm thi lâm sàng tính theo thang điểm 10.

3.2.2. Lý thuyết

- Học viên đủ điều kiện thi lý thuyết khi tham dự > 85% số tiết học lý thuyết và khi đạt điểm thi cuối kỳ học phần lâm sàng >5.0
- Hình thức: câu hỏi trắc nghiệm (MCQ) 30 câu/30 phút, cấu trúc theo ma trận sau:

Mục tiêu	Nhỏ (0%)	Hiểu (0%)	Áp dụng (100%)	Tổng
CLO1	0	0	12	12
CLO2	0	0	10	10
CLO3	0	0	8	8
TỔNG	0	0	30	30

Điểm thi lý thuyết = số câu trả lời đúng / tổng số MCQs x 10.

- Thời điểm: Khi kết thúc học phần

3.2.3. Đánh giá học phần

Học viên được coi là ĐẠT học phần lâm sàng nếu điểm thi lâm sàng cuối kỳ ≥ 5.0 . Ngược lại, học viên bị đánh giá là TRUỢT và phải học lại, thi lại theo quy chế của Nhà trường.

Học viên được coi là ĐẠT học phần lý thuyết nếu điểm thi lý thuyết cuối kỳ ≥ 5.0 . Ngược lại, học viên bị đánh giá là TRUỢT và phải học lại, thi lại theo quy chế của Nhà trường.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Lâm sàng	Tự học		
Chương 1: Đặc điểm dịch tễ học bệnh lao ở trẻ em				CLO1	Thảo luận nhóm, thuyết trình
Tình hình bệnh lao trẻ em trên thế giới	1		1		
Tình hình bệnh lao trẻ em ở Việt Nam					
Yếu tố nguy cơ mắc bệnh lao ở trẻ em					
Chương 2: Đặc điểm lâm sàng bệnh lao trẻ em				CLO1, CLO4, CLO7, CLO8	Thảo luận nhóm, thuyết trình, ca lâm sàng, dạy học bên giường bệnh, giảng dạy 1 kỹ năng
Triệu chứng toàn thân					
Triệu chứng hô hấp					
Triệu chứng tiêu hóa	3	10	3		
Triệu chứng thần kinh					
Triệu chứng thận – tiết niệu					
Triệu chứng xương khớp					
Chương 3: Các thể lao thường gặp ở trẻ em				CLO2, CLO4, CLO 5, CLO7, CLO8	Thảo luận nhóm, thuyết trình, ca lâm sàng, dạy học bên giường bệnh, giảng dạy 1 kỹ năng
Chẩn đoán và điều trị thể lao phổi					
Chẩn đoán và điều trị thể lao ngoài phổi					
Chẩn đoán và điều trị thể lao					

phổi hợp với HIV ở trẻ em				
Chương 4: Các xét nghiệm chẩn đoán bệnh lao ở trẻ em				
Xquang				
Xét nghiệm máu	3	10	3	CLO1, CLO4, CLO7, CLO8
Xét nghiệm đờm				Thảo luận nhóm, thuyết trình, ca lâm sàng, dạy học bên giường bệnh, giảng dạy 1 kỹ năng
Xét nghiệm sinh học phân tử				
Xét nghiệm các dịch: dạ dày, nước tiểu				
Chương 5: Biện pháp điều trị bệnh lao ở trẻ em				
5.1 Phác đồ điều trị lao trẻ em thể nhạy cảm với các thuốc chống lao	3	10	3	CLO2, CLO5, CLO7, CLO8
5.2 Phác đồ điều trị lao trẻ em thể kháng thuốc				Thảo luận nhóm, thuyết trình, ca lâm sàng, dạy học bên giường bệnh, giảng dạy 1 kỹ năng
Chương 6: Chương trình phòng lao cho trẻ em tại cộng đồng				
6.1 Chương trình tiêm chủng mở rộng phòng bệnh lao	2	5	2	CLO3, CLO6, CLO7, CLO8
6.2 Phối hợp các ngành, các cấp trong công tác phòng chống lao trẻ em ở cộng đồng				Thảo luận nhóm, thuyết trình, ca lâm sàng

5. TÀI LIỆU DAY-HỌC

Tài liệu học tập

- Bệnh học lao và bệnh phổi, tập 1, NXBYH, 1994
- Bệnh học lao và bệnh phổi, tập 2, NXBYH, 1996

- Bệnh lao trẻ em / Trần Văn Sáng. - H. : Y học, 1998
- Tài liệu phát tay

Tài liệu tham khảo

- Bệnh hô hấp – Ngô Quý Châu, NXB Y Học, 2011.
- Cập nhật chẩn đoán và điều trị bệnh lý hô hấp – PGS. TS Phạm Thắng, NXB Y học, Hà Nội, 2011.
- Hướng dẫn quản lý bệnh lao kháng đa thuốc – Chương trình chống lao quốc gia, NXB Y học, Hà Nội 2015.
- Hướng dẫn quản lý bệnh lao, Bộ Y tế, Chương trình chống lao quốc gia 2022.
- Bệnh học lao – Trần Văn Sáng, NXB Y học, Hà Nội 2014.
- Bệnh lao và nhiễm HIV/AIDS / Hoàng Minh. - HN: Y học, 1998. - 267 tr.;
- Quyết định 1314/QĐ-BYT về hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh lao.
- Hướng dẫn phối hợp quản lý lao trẻ em giữa chương trình chống lao với cơ sở y tế nhi khoa : PPM lao nhi / Nguyễn Việt Nhung
- Các kỹ thuật xâm nhập trong chẩn đoán và điều trị bệnh hô hấp : Sách chuyên khảo / Đỗ Quyết. - HN: Y học, 2014

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục 1).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng, phấn và vật liệu dạy học khác.
- Phòng thực hành có máy tính kết nối mạng
- Bệnh viện thực hành: Bệnh viện Phổi Hải Phòng

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách học phần

(ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS.BS. Đinh Đường Bằng Anh

PHỤ LỤC 1

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	PGS.TS Nguyễn Huy Điện	BM Lao và Bệnh phổi	
2	PGS.TS Trần Quang Phục	BM Lao và Bệnh phổi	
3	TS.BS Nguyễn Đức Thọ	BM Lao và Bệnh phổi	

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Ths. BS Nguyễn Thị Trang	BM Lao và Bệnh phổi	
2	Ths. BS Trương Thành Kiên	BM Lao và Bệnh phổi	
3	BSCKII Đàm Quang Sơn	BV Phổi Hải Phòng	
4	BSCKII Vũ Ngọc Trường	BV Phổi Hải Phòng	
5	BSCKII Lê Đức Nguyên	BV Phổi Hải Phòng	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TAI NẠN THƯƠNG TÍCH – PHỤC HỒI CHỨC NĂNG Ở TRẺ EM

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: TAI NẠN THƯƠNG TÍCH – PHỤC HỒI CHỨC NĂNG Ở TRẺ EM					
Mã học phần: YHTP.560					
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ chuyên ngành Nhi khoa định hướng ứng dụng					
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn					
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương	<input type="checkbox"/> Chuyên ngành	<input type="checkbox"/> Cơ sở ngành.	<input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Phục hồi chức năng, trường ĐH Y Dược Hải Phòng Email liên hệ: bmphcn@hpmu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0936735588					

	T đ	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	1.5	0	1.5	0
Số tiết	9 0	22.5	0	67.5	15
Số buổi	2 1	6	0	15	3

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: các học phần thuộc khối cơ sở
- Điều kiện khác: không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Tai nạn thương tích – Phục hồi chức năng cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và nâng cao về các trường hợp tai nạn thương tích và phục hồi chức năng ở trẻ em; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong

thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc các bệnh lý do tai nạn thương tích và các vấn đề PHCN trong một số bệnh lý thường gặp ở trẻ em, nguyên lý thực hiện một số kỹ thuật can thiệp PHCN ở trẻ em, góp phần giúp người khuyết tật có thể hòa nhập- tái hòa nhập cộng đồng. Học viên có khả năng tự học dựa trên cơ sở dữ liệu y khoa và làm việc hợp tác với các bác sĩ thuộc chuyên ngành khác có liên quan.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Thực hành thành thạo kỹ năng khai thác tiền sử, bệnh sử ở trẻ em	PLO1
CLO2	Thực hành thành thạo lập luận chẩn đoán, điều trị Tai nạn thương tích – Phục hồi chức năng cho các trường hợp bệnh lý thường gặp ở trẻ em	PL01, PL02, PL03,PL04, PL05
CLO3	Có thái độ cảm thông, chia sẻ, tôn trọng người bệnh, góp phần giúp người khuyết tật có thể hòa nhập- tái hòa nhập cộng động.	PLO17

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Lượng giá học phần gồm: lượng giá quá trình (chuyên cần), và lượng giá kết thúc học phần (lý thuyết và lượng giá lâm sàng)

3.1. Lượng giá chuyên cần: Thông qua kiểm tra việc đi thường trú tại khoa lâm sàng

3.2. Lượng giá cuối kỳ

3.2.1. Lượng giá lý thuyết:

- Học viên có đủ điều kiện thi lý thuyết là phải tham dự > 85% số tiết học lý thuyết và đạt điểm cuối kỳ học phần lâm sàng (điểm lượng giá kỹ năng) đạt 5,0 trở lên.
- Thi MCQs trong thời gian 60 phút, vào tuần cuối cùng của học phần
- Trọng số điểm

Điểm LT = 100% MCQ

Chuẩn đầu ra	Trọng số	Hiểu (10%)	Áp dụng trở lên (90%)	Tổng

CLO 1 (12%)	5%	1	1	2
CLO 2 (8%)	7.5%	2	1	3
CLO 3 (20%)	25%		10	10
CLO 4 (20%)	25%		10	10
CLO 5 (20%)	12.5%		5	5
CLO 6 (20%)	25%		10	10
Tổng	100%	3	37	40

3.2.2. Lượng giá kỹ năng:

- Học viên chỉ được thi kỹ năng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Học viên được kiểm tra kỹ năng vào tuần cuối cùng trước khi kết thúc học phần bằng hình thức hỏi thi lâm sàng
- Công cụ lượng giá: Bảng kiểm lượng giá kỹ năng (Mini-cex cải tiến) (Phụ lục 2).
- Trọng số điểm

$$\text{Điểm LS} = 100\% \text{ LSCK}$$

Điễn giải : Điểm LS : điểm lâm sàng

LSCK : Điểm lâm sàng cuối kỳ

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm thành thạo có sự giám sát	Làm thành thạo độc lập, không giám sát	Dạy được người khác làm
CLO 2 (10%)	-	-	x	-
CLO 3 (30%)	-	-	x	-
CLO 4 (30%)	-	-	x	-
CLO 5 (20%)	-	x		-
CLO 6 (10%)	-	x		-

3.2.3. Lượng giá thái độ:

- Phương pháp lượng giá 360^0 , đánh giá qua hành vi được làm và không được làm
- Công cụ : điểm danh, trình bày báo cáo chuyên đề, thảo luận nhóm
- Điều kiện :
 - o Di học đúng giờ, tham gia số buổi học lý thuyết $> 85\%$, thực hành 100%
 - o Làm đủ bài tập báo cáo chuyên đề
 - o Tham gia thảo luận nhóm
- Điều kiện đạt : Điểm LS $\geq 5.5/10$ điểm

Điểm LT ≥ 5.5/10 điểm

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Bài giảng	Số tiết				Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học	Chuẩn đầu ra học phần	
Bài 1: Dịch tễ học tai nạn thương tích ở trẻ	3	9	2	CL01, CL02, CL03	Thuyết trình/ thảo luận nhóm

em					
Bài 2: Biện pháp sơ, cấp cứu một số tai nạn ở trẻ em	3	9	2	CL01,CL02, CL03	Thuyết trình/ thảo luận nhóm, case study
Bài 3: Biện pháp đề phòng tai nạn thương tích ở trẻ em	3	9	2	CL01,CL02, CL03	Thuyết trình/ thảo luận nhóm, case study
Bài 4. Sự phát triển bình thường và những khuyết tật thường gặp ở trẻ từ 0-15 tuổi	4.5	13.5	2	CL01	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 5. Phục hồi chức năng trẻ vẹo cột sống	3	9	2	CL01,CL02, CL03	Thuyết trình/ thảo luận nhóm, case study
Bài 6. Phục hồi chức năng trẻ bại não	3	9	2	CL01, CL02, CL03	Thuyết trình/ thảo luận nhóm, case study
Bài 7. Phục hồi chức năng trẻ chậm phát	3	9	2	CL01, CL02,CL03	Thuyết trình/ thảo luận nhóm,

triển tinh thần					case study
Tổng	22.5	67.5	15		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

- Phục hồi chức năng : Dùng cho bs định hướng chuyên khoa / Cao Minh Châu. - Tái bản lần thứ nhất. - NXB Y học, 2019.
- Vật lý trị liệu phục hồi chức năng: sách chuyên khảo dùng cho cán bộ ngành phục hồi chức năng.. - NXB Y học, 2010.
- Nguyễn Thị Thanh Bình, Lê Quang Khanh (2010), Vận động trị liệu, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: học tại Giảng đường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
- Lâm sàng: học viên được chia làm các nhóm nhỏ đi học lâm sàng tại cơ sở sau:
Khoa Phục hồi chức năng - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng
Khoa Thần kinh – Tâm bệnh - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

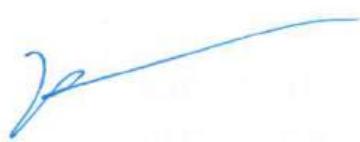


THẦY THUỐC UU TÚ

PGS.TS. *Đinh Văn Thủ*

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS.BS. *Đinh Dương Bình*

PHỤ LỤC

3. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	PGS. TS. Đinh Văn Thức	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	dvthuc@hpmu.edu.vn
2	PGS. TS. Đặng Văn Chúc	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	dvchuc@hpmu.edu.vn
3	PGS. TS. Vũ Văn Quang	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	vvquang@hpmu.edu.vn
4	BSCK II. Dương Văn Đoàn	Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	doanbsnhi@gmail.com
5	Ths Bùi Thị Bích Ngọc	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	bichngoc.rehab@gmail.com
6	Ths Nguyễn Thị Thanh Nga	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	nttnga@hpmu.edu.vn
7	Ths Nguyễn Thị Huệ	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	huenguyen201291@gmail.com

Phụ lục 2: BẢNG LƯỢNG GIÁ LÂM SÀNG (MINI-CEX) – NHI KHOA

Học viên:.....

Lớp:.....

Chẩn đoán:.....

Người đánh giá:.....

Ngày:...../...../.....

STT	Yêu cầu	Không đạt (F)	Mức đạt	Mức trên đạt	Hoàn thành
1	Hỏi bệnh	Không thu thập thông tin quan trọng Hoặc Khai thác các thông tin không phục vụ mục đích lâm sàng. Hoặc Giao tiếp 1 chiều.	50% <i>Và</i> 0,5	75% Thu thông tin có định hướng, đầy đủ, chính xác và tập trung. <i>Và</i>	100% yêu cầu Mức đạt yêu cầu 75% <i>Và</i> 1,0 Thể hiện được sự đồng cảm, thấu cảm với BN.
2	Khám lâm sàng	Thực hiện không chính xác Hoặc Thực hiện không đủ các bước	Thực hiện đủ các bước khám nhung chưa thuận thực	Thực hiện thuần thực nhung chưa phát hiện bất thường	Thực hiện thuần thực và 2,0 phát hiện các triệu chứng bất thường
3	Đề xuất Hoặc phiên giải cận lâm sàng	Phiên giải kết quả sai Hoặc Không đề xuất cận lâm sàng quan trọng	Phân tích chính xác kết quả một số cận lâm sàng Hoặc đề xuất một số cận lâm sàng cần làm	0,5 Không chấm điểm ô này	Phân tích 1,0 chính xác kết quả quan trọng hỗ trợ chẩn đoán <i>Và</i> Đề xuất cận lâm sàng cần làm
4	Báo cáo ca bệnh	Báo cáo ca bệnh chưa đầy đủ Hoặc không chính xác và thiếu trình tự logic	Báo cáo trình bệnh đầy đủ, chính xác Nhung Không phân tích được yếu tố quan trọng	Mức đạt Báo cáo có logic. <i>Và</i> Phân biệt được yếu tố quan trọng	Mức trên đạt và 2,0 Trình bày lưu loát, có chủ đích các thông tin
5	Biện luận chẩn đoán	Không đưa ra được chẩn đoán tiềm năng Hoặc Đưa ra chẩn đoán sai	Đưa ra được 1-2 chẩn đoán tiềm năng đúng <i>Và</i> Lý giải phù hợp	Đưa ra được 1-2 chẩn đoán có tiềm năng <i>Và</i> Các chẩn đoán phân biệt	Mức trên đạt và 2,0 Chỉ định các xét nghiệm có giá trị cao để thu gọn chẩn đoán và lý giải phù hợp
6	Đề xuất hướng xử trí	Không đề xuất được hướng xử trí Hoặc Đề xuất hướng xử trí sai	Đề xuất được nguyên tắc điều trị chung <i>Và</i> Ra lệnh điều trị đúng (bao gồm cả các đáp ứng phù hợp kịp thời)	Mức đạt Ra lệnh điều trị đúng <i>Và</i> Đề xuất Tiên lượng, điều trị cụ thể, theo dõi	Mức trên đạt và 2,0 Đề xuất 2,0 Tiên lượng, điều trị cụ thể, theo dõi

TỔNG ĐIỂM :/10

NHẬN XÉT:

Người chấm thi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGOẠI NHI

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Ngoại nhi				
Mã học phần:				
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Nhi				
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn				
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Môn chung	<input type="checkbox"/> Chuyên ngành bắt buộc		
	<input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở và hỗ trợ	<input type="checkbox"/> Chuyên ngành tự chọn		
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại và phẫu thuật thực hành				
Email liên hệ: pvthuong@hpmu.edu.vn				
Điện thoại liên hệ: 0904289259				

	Tổng	Lý thuyết	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	2	1	
Số tiết	75	30	45	
Số buổi				

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Bệnh lý ngoại khoa ở trẻ em có những đặc điểm khác với bệnh lý ngoại khoa ở người lớn. Bệnh ngoại khoa ở trẻ em có thể là những dị tật bẩm sinh hoặc các bệnh mắc phải, việc chẩn đoán và điều trị các bệnh ngoại khoa của trẻ em cũng có những điểm riêng biệt. Các bệnh lý ngoại khoa ở trẻ em thường mang tính chất cấp tính, đòi hỏi phải được can thiệp kịp thời.

Trong quá trình học đại học, sinh viên mới chỉ được học một số bệnh lý ngoại khoa thường ở trẻ em nhưng lồng ruột, tắc ruột, viêm ruột thừa cấp. Trong quá trình học bác sĩ chuyên khoa cấp I, học viên sẽ được bổ sung thêm những kiến thức ngoại nhi chưa được học, được nâng cao về mặt lý thuyết và đặc biệt là thực hành lâm sàng những kiến thức ngoại khoa đã được học.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT

phần		
CLO1	Vận dụng kiến thức về giải phẫu và sinh lý, sinh lý bệnh để giải thích các triệu chứng lâm sàng của một vài bệnh ngoại khoa ở trẻ em thường gặp.	PLO1, PLO2, PLO3, PLO4
CLO2	Vận dụng kiến thức về giải phẫu, sinh lý bệnh, quang sinh để giải thích các triệu chứng cận lâm sàng của một vài bệnh ngoại khoa ở trẻ em thường gặp.	
CLO3	Vận dụng kiến thức y học chứng cứ để giải thích sự phù hợp trong chẩn đoán các bệnh ngoại khoa trẻ em thường gặp.	
CLO4	Vận dụng kiến thức về y học chứng cứ để giải thích được sự phù hợp về phương pháp điều trị cho một bệnh ngoại khoa trẻ em thường gặp.	
CLO5	Chẩn đoán và đưa ra được hướng xử trí cho một số bệnh ngoại khoa ở trẻ em thường gặp.	PLO5 PLO7 PLO8 PLO9
CLO6	Thực hiện được một số thủ thuật, phẫu thuật cơ bản trong điều trị một số bệnh ngoại khoa ở trẻ em thường gặp.\	

3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Lượng giá học phần gồm: lượng giá lý thuyết và lượng giá lâm sàng

3.1 Yêu cầu kiên quyết học viên phải đi học lý thuyết và thực hành đầy đủ, chấp hành mọi nội quy giảng đường.

3.2 Lượng giá lý thuyết: Bài báo cáo chuyên đề, tự luận có cấu trúc.

Lượng giá lý thuyết: Báo cáo chuyên đề *0,4+ Thi MCQs *0,6

a) Báo cáo chuyên đề

- - Hình thức: Khi bắt đầu học phần, học viên được lựa chọn ngẫu nhiên một chủ đề lý thuyết và chuẩn bị viết báo cáo dưới dạng báo cáo chuyên đề trong vòng 10 đến 20 trang, trình bày báo cáo bằng Powerpoint

- Thời gian: 2 tuần trước khi kết thúc học phần

- Trọng số điểm là: 0,4 tổng điểm lý thuyết

b) Thi MCQs

- Hình thức thi MCQ 50 câu trong thời gian 60 phút liên quan đến phẫu thuật các bệnh ngoại khoa ở trẻ em hay gặp.

+ Thời gian: vào tuần cuối cùng của học phần

+ Trọng số điểm là: 0,6 tổng điểm lý thuyết

Test Blue Print lý thuyết

Mục tiêu	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Tổng (số câu)
CL0 1 (25%)	0	4	8	12
CLO 2 (25%)	0	3	9	12
CLO 3 (25%)	0	4	9	13
CLO 4 (25%)	0	4	9	13
Tổng	0	15	35	50

3.3 Lượng giá kỹ năng: Biện luận lâm sàng *0,5 + Kiểm tra kỹ năng *0,5

a) Biện luận lâm sàng

- Học viên được tiến hành kiểm tra khả năng biện luận chẩn đoán và điều trị

- Công cụ lượng giá: MINI-CEX (phụ lục)

- Trọng số điểm: 0,5 tổng điểm lâm sàng

b) Kiểm tra kỹ năng

- Học viên chỉ được thi kỹ năng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.

- Học viên được kiểm tra kỹ năng vào tuần cuối cùng trước khi kết thúc học phần bằng hình thức thực hiện phẫu thuật có giám sát hoặc phụ phẫu thuật khi thực hiện một số phẫu thuật trong điều trị các bệnh ngoại khoa ở trẻ em hay gặp.

- Công cụ lượng giá: Bảng kiểm lượng giá kỹ năng

- Trọng số điểm: 0,5 tổng điểm lâm sàng

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm có sự giám sát	Làm độc lập, không giám sát	Dạy người khác làm
CLO5 (50%)	-	x	-	-
CLO6 (50%)	x	-	-	-
Tổng	50%	50%	0%	0%

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/dồng giảng*)	Số lượng trợ giảng**
		LT	LS				
1	Các bệnh lý do còn tồn tại ống phúc tinh mạc	3	5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	CBL thuyết trình, đóng vai/SBL, thảo luận nhóm, kiến tập	PGS Duyệt	02
2	viêm ruột thừa trẻ em	4	5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6		GS Quyết	02
3	Thoát vị bẹn	3	5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6		PGS Dương	02
4	Gãy xương ở trẻ em	4	6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6		PGS Chiến	02
5	Tắc ruột sơ sinh	4	6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6		BSCKII Hùng	02
6	Lòng ruột nhũ nhi	4	6	CLO1 CLO2		GS Quyết	02

				CLO3 CLO4 CLO5 CLO6		
7	Megacolon	4	6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	PGS Chiến	02
8	Dị tật hậu môn trực tràng	4	6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	PGS Duyệt	02
	Tổng	30	135			

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập:

1. Bệnh học ngoại khoa tập 1 – 2, Hà Văn Quyết, Y học , 2006, C19
2. Bài giảng bệnh học ngoại khoa, Phạm Văn Thương, Hải Phòng, (1), C19
3. Neonatal and pediatric respiratory care, Brian K. Walsh, 2015
4. Pediatric traumatic brain injury / Snow, Jeffrey H. - London: Sage, 1994. - 129p.
5. Diagnostic imaging: pediatric neuroradiology / A. James Barkovich, 2015.
6. Pédiatrie : Livre / A.Bourrillon ,/ 2011.
7. Pédiatrie : L'ECN en dossiers. / Anne-Laure Virlouvet : 2013.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu
- Giảng đường
- Các bệnh viện thực hành

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. BS Phạm Văn Thương

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS.BS. Đinh Dương Bùi Anh

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1.	PGS.TS.BS Phạm Văn Duyệt	Bộ môn Ngoại	pvduyet@hpmu.edu.vn
2.	TS.BS. Phạm Văn Thương	Bộ môn Ngoại	pvthuong@hpmu.edu.vn
3.	BSCKII. Nguyễn Ngọc Hùng	Bộ môn Ngoại	nnhung@hpmu.edu.vn
4.	BSCKII. Lê Thế Cường	Bộ môn Ngoại	ltcuong@hpmu.edu.vn
5.	GS.TS.BS Hà Văn Quyết	BV Việt Đức	
6.	PGS.TS.BS Triệu Triều Dương	BVTWQĐ 108	ptsn92@gmail.com
7	BSCKII Đặng Quốc Hùng	BV trẻ em HP	dangquochungnct@gmail.com
8	PGS.TS Bùi Văn Chiến	BV trẻ em HP	

2. Danh sách giảng viên tham gia trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1.	BSNT. Nguyễn Đức Tiến	Bộ môn Ngoại	ndtien@hpmu.edu.vn
2.	Ths. Phạm Quốc Hiệu	Bộ môn Ngoại	pqhieu@hpmu.edu.vn
3.	Ths. Nguyễn Trung Thành	Bộ môn Ngoại	ntthanh@hpmu.edu.vn
4	BSNT. Bùi Văn Dương	Bộ môn Ngoại	bvduong@hpmu.edu.vn
5	BSNT. Trịnh Đình Thành	Bộ môn Ngoại	tdthanh@hpmu.edu.vn
6	BSNT. Hoàng Anh Công	Bộ môn Ngoại	hacong@hpmu.edu.vn

BẢNG LƯỢNG GIÁ LÂM SÀNG (MINI-CEX)

Học viên:.....

Lớp:.....

Chẩn đoán:.....

Người đánh giá:.....

Ngày:...../...../.....

STT	Yêu cầu	Không đạt (F)	Mức đạt 50%	Mức trên đạt 75%	Hoàn thành 100% yêu cầu
1	Khám lâm sàng	Thực hiện không chính xác Hoặc Thực hiện không đủ các bước	Thực hiện đủ các bước F	Thực hiện thuận thục nhưng chưa phát hiện bất thường	Thực hiện thuận thục và phát hiện các triệu chứng bất thường
2	Đề xuất Hoặc phiên giải cặn lâm sàng	Phiên giải kết quả sai F Hoặc Không đề xuất cặn lâm sàng quan trọng	Phân tích chính xác 1,0 kết quả một số cặn lâm sàng	Không chấm điểm ô này	Phân tích chính xác kết quả 2,0 quan trọng hỗ trợ chẩn đoán Và Đề xuất cặn lâm sàng cần làm
3	Báo cáo ca bệnh	Báo cáo ca bệnh chưa đầy đủ Hoặc không chính xác và thiếu trình tự logic	Báo cáo trình F bệnh đầy đủ, chính xác 1,0	Mức đạt 1,5 Báo cáo có logic. Và Phân biệt được yếu tố quan trọng	Mức trên đạt 2,0 và Trình bày lưu loát, có chủ đích các thông tin

4	Biện luận chẩn đoán	<p>Không đưa ra được chẩn đoán tiềm năng</p> <p>Hoặc</p> <p>Đưa ra chẩn đoán sai</p>	<p>F</p> <p>Đưa ra được 1-2 chẩn đoán tiềm năng</p> <p>Và</p> <p>Lý giải phù hợp</p>	<p>Đưa ra 1,0</p> <p>chẩn đoán có tiềm năng</p> <p>Và</p> <p>Các chẩn đoán phân biệt</p>	<p>1,5</p> <p>Mức trên đạt và</p> <p>Chỉ định các xét nghiệm có giá trị cao để thu gọn chẩn đoán và lý giải phù hợp</p>	<p>2,0</p>
5	Đề xuất hướng xử trí	<p>Không đề xuất được hướng xử trí</p> <p>Hoặc</p> <p>Đề xuất hướng xử trí sai</p>	<p>F</p> <p>Đề xuất được nguyên tắc điều trị chung</p>	<p>Đề xuất 1,0</p> <p>được nguyên tắc điều trị chung</p>	<p>Mức đạt</p> <p>Và</p> <p>Ra ý lệnh điều trị đúng (bao gồm cả các đáp ứng phù hợp kịp thời)</p>	<p>1,5</p> <p>Mức trên đạt và</p> <p>Đề xuất Tiên lượng, điều trị cụ thể, theo dõi</p>

TỔNG ĐIỂM :

NHẬN XÉT:

Người chấm thi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Chiến lược xử trí lồng ghép bệnh trẻ em
(Interated Management of Child Illness - IMCI)

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Chiến lược xử trí lồng ghép bệnh trẻ em (IMCI)

Mã học phần: YHIM.562

Đối tượng áp dụng: Học viên Cao học Nhi khoa

Loại học phần: Bắt buộc Tự chọn

Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Môn chung	<input type="checkbox"/> Chuyên ngành bắt buộc
	<input type="checkbox"/> Cơ sở và hỗ trợ	<input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành tự chọn

Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nhi – Trường ĐHYD Hải Phòng

Email liên hệ: bmn@hpmu.edu.vn

Điện thoại liên hệ: 094.111.6179 (KTV. Nguyễn Đăng Đông – Thư ký BM Nhi)

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
Tín chỉ	2	1	1	
Số tiết	45	15	30	25
Số buổi	9	3	6	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Sinh lý học, bệnh học các bệnh liên quan
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần IMCI cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản, cập nhật về chiến lược xử trí lồng ghép và chăm sóc trẻ bệnh, giúp học viên phát triển các kỹ năng quản lý và cải thiện chất lượng chăm sóc sức khỏe tại y tế tuyến cơ sở nhằm làm giảm tỷ lệ mắc bệnh và tỷ lệ tử vong ở trẻ em

Trong các cơ sở y tế, chiến lược IMCI thúc đẩy việc xác định chính xác các bệnh ở trẻ em ở các cơ sở y tế ban đầu, đảm bảo điều trị kết hợp thích hợp tất cả các tình trạng chính ảnh hưởng đến trẻ nhỏ, tăng cường sự tư vấn của người chăm sóc và đẩy nhanh việc chuyển tuyến cho trẻ sơ sinh và trẻ em bị bệnh nặng.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Sau khi hoàn thành học phần IMCI, học viên Cao học Nhi sẽ có khả năng:

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO 1	Hiểu và áp dụng được các kiến thức về dịch tễ học, sinh lý bệnh, cơ chế bệnh học và thực hành thành thạo vào quá trình đánh giá và phân loại trẻ bệnh từ 2 tháng đến 5 tuổi theo IMCI	PLO1, PLO2, PLO4, PLO6, PLO7
CLO 2	Hiểu và áp dụng được các kiến thức về dịch tễ học, sinh lý bệnh, cơ chế bệnh học và thực hành thành thạo vào quá trình đánh giá và phân loại trẻ bệnh từ 0 đến 2 tháng tuổi theo IMCI	PLO1, PLO2, PLO4, PLO6, PLO7
CLO 3	Điều trị trẻ bệnh từ 2 tháng đến 5 tuổi theo IMCI. Bao gồm việc xác định trẻ có bị bệnh nặng hoặc cần chuyển gấp đến bệnh viện hay không, xác định các vấn đề cần xử trí cấp cứu, hướng dẫn bà mẹ cho trẻ uống thuốc và xử trí nhiễm khuẩn tại chỗ, hướng dẫn tiêm chủng theo lịch	PLO3, PLO4, PLO5, PLO8
CLO 4	Xác định điều trị trẻ bệnh từ 0 đến 2 tháng tuổi. Bao gồm việc xác định trẻ có bị bệnh nặng hoặc cần chuyển gấp đến bệnh viện hay không, xác định các vấn đề cần xử trí cấp cứu, và các xác định điều trị phù hợp khác	PLO3, PLO4, PLO5, PLO8
CLO 5	Hiểu và áp dụng được các kiến thức về sinh lý bệnh, cơ chế bệnh học và thực hành thành thạo vào quá trình bù thêm dịch điều trị tiêu chảy theo phác đồ A, B, C	PLO3, PLO4, PLO5, PLO8
CLO6	Chủ trì và phối hợp trong vấn đề đào tạo, kèm cặp và hỗ trợ giám sát cán bộ y tế tại các cơ sở y tế ban đầu trong việc đánh giá tổng hợp, điều trị và tư vấn hiệu quả cho	PLO9, PLO17

	người chăm sóc. Nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc tại các cơ sở này	
--	---	--

3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Lượng giá học phần gồm: lượng giá quá trình (chuyên cần), và lượng giá kết thúc học phần (lý thuyết và lượng giá lâm sàng)

3.1. Lượng giá chuyên cần: Thông qua kiểm tra khoa lâm sàng và điểm danh

3.2. Lượng giá cuối kỳ

3.2.1. Lượng giá lý thuyết:

- Thi MCQs trong thời gian 60 phút
- Thời gian: vào tuần cuối cùng của học phần
- Trọng số điểm là: 100% tổng điểm lý thuyết

Điểm LT = 100% MCQ

	Hiểu	Áp dụng trở lên (100%)	Tổng
CLO 1 (20%)		10	10
CLO 2 (20%)		10	10
CLO 3 (20%)		10	10
CLO 4 (10%)		5	5
CLO 5 (20%)		10	10
CLO 6 (10%)		5	5
Tổng		50	50

3.2.2. Lượng giá kỹ năng:

- Học viên chỉ được thi kỹ năng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Học viên được kiểm tra kỹ năng vào tuần cuối cùng trước khi kết thúc học phần bằng hình thức hỏi thi vấn đáp đọc phim theo bộ phim tài liệu của bộ môn.
- Công cụ lượng giá: Bảng kiểm lượng giá kỹ năng Mini-Cex cải tiến
- Trọng số điểm: 100% tổng điểm lâm sàng

Điểm LS = 100% LSCK

Điễn giải: Điểm LS: điểm lâm sàng

LSCK: lâm sàng cuối kỳ

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm có sự giám sát	Làm độc lập, không giám sát	Dạy người khác làm
CLO 1 (20%)	-	-	x	-

CLO 2 (20%)	-	-	x	-
CLO 3 (20%)	-	-	x	-
CLO 4 (10%)	-	-	x	-
CLO 5 (20%)	-	-	x	-
CLO 6 (10%)	-	-	-	x
Tổng			90%	10%

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

T T	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/dồng giảng*)	Số lượng trợ giảng *
		LT	TH				
1	Đánh giá và phân loại trẻ bệnh từ 2 tháng đến 5 tuổi	3	6	CLO1 – CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng	2	2
2	Đánh giá và phân loại trẻ bệnh từ 0 đến 2 tháng tuổi	3	6	CLO1 – CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng	2	2
3	Hướng dẫn bà mẹ cho trẻ uống thuốc tại nhà	3	6	CLO1 – CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng	2	2
4	Xác định điều trị trẻ nhỏ từ 0 đến 2 tháng tuổi	3	6	CLO1 – CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng	2	2

5	Bù thêm dịch điều trị tiêu chảy	3	6	CLO1 – CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng	2	2
	Tổng	15	90				

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập:

1. Văn phòng IMCI-Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung Ương (2014). Hướng dẫn xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em
2. Bộ môn Nhi trường Đại học Y Hà Nội (2009). Chiến lược lồng ghép và xử trí trẻ bệnh, Bài giảng Nhi khoa tập 1, tr.130-137, Nhà xuất bản Y học.
3. Văn phòng IMCI-Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung Ương (2014). Hướng dẫn xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em: tài liệu dùng cho học viên, quyển 1-7

5.2. Tài liệu tham khảo:

1. Văn phòng IMCI- Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung Ương (2014). Hướng dẫn xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em: tài liệu dành cho hướng dẫn viên.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục)

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Các khoa lâm sàng và phòng khám đa khoa của Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng.
- Khoa Nhi, Bệnh viện đại học Y Hải Phòng
- Khoa Nhi, Bệnh viện Quốc tế Green Hải Phòng

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Điều Ngọc

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS.BS. Đinh Dương Long Anh

PHỤ LỤC

Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1.	PGS.TS. Đặng Văn Chức	Bộ môn Nhi	dvchuc@hpmu.edu.vn
2.	GS. TS. Nguyễn Ngọc Sáng	Bộ môn Nhi	nnsang@hpmu.edu.vn
3.	PGS. TS. Vũ Văn Quang	Bộ môn Nhi	vvquang@hpmu.edu.vn

2. Danh sách giảng viên tham gia trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS.BS. Nguyễn Mai Phương	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
2	ThS.BS. Nguyễn Việt Hà	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
3	ThS. BSNT. Trần Đức Tâm	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
4	ThS. BS Phạm Thị Ngọc	Bộ môn Nhi	Trợ giảng

BẢNG LƯỢNG GIÁ LÂM SÀNG (MINI-CEX)

Học viên: Lớp:

Chẩn đoán:

Người đánh giá: Ngày: / /

STT	Yêu cầu	Không đạt (F)	Mức đạt 50%	Mức trên đạt 75%	Hoàn thành 100% yêu cầu
1	Hỏi bệnh	Không thu thập thông tin quan trọng Hoặc Khai thác các thông tin không phục vụ mục đích lâm sàng.	Thu thập được một số thông tin quan trọng Và Giao tiếp lấy bệnh nhân làm trung tâm. Hoặc Giao tiếp 1 chiều.	Thu thông tin có định hướng, đầy đủ, chính xác và tập trung. Và Thái độ tôn trọng.	Thứ thông tin có định hướng, đầy đủ, chính xác và tập trung. Và Thái độ tôn trọng.
2	Khám lâm sàng	Thực hiện không chính xác Hoặc Thực hiện không đủ các bước	Thực hiện đủ các bước khám F nhưng chưa thuần thực	Thực hiện thuần thực nhưng chưa phát hiện bất thường	Thực hiện thuần thực và phát hiện các triệu chứng bất thường
3	Đề xuất Hoặc phiên giải cận lâm sàng	Phiên giải kết quả sai Hoặc Không đề xuất cận lâm sàng quan trọng	Phân tích chính xác kết quả một số cận lâm sàng F Hoặc đề xuất một số cận lâm sàng cần làm	Không chấm điểm ô này	Phân tích chính xác kết quả quan trọng hỗ trợ chẩn đoán Và Đề xuất cận lâm sàng cần làm
4	Báo cáo ca bệnh	Báo cáo ca bệnh chưa đầy đủ Hoặc không chính xác và thiếu trình tự logic	Báo cáo trình bệnh đầy đủ, chính xác F Nhưng Không phân tích được yếu tố quan trọng	Mức đạt 1,5 Báo cáo có logic. Và Phân biệt được yếu tố quan trọng	Mức trên đạt và Trình bày lưu loát, có chủ đích các thông tin
5	Biện luận chẩn đoán	Không đưa ra được chẩn đoán tiềm năng Hoặc Đưa ra chẩn đoán sai	Đưa ra được 1-2 chẩn đoán tiềm năng đúng F Và Lý giải phù hợp	Mức trên đạt và 1,5 Các chẩn đoán phân biệt	Mức trên đạt và Chỉ định các xét nghiệm có giá trị cao để thu gọn chẩn đoán và lý giải phù hợp
6	Đề xuất hướng xử trí	Không đề xuất được hướng xử trí Hoặc Đề xuất hướng xử trí sai	Đề xuất được nguyên tắc điều trị chung F Và Ra ý lệnh điều trị đúng (bao gồm cả các đáp ứng phù hợp kịp thời)	Mức đạt 1,0 Ra ý lệnh 1,5 Đề xuất Tiêu lượng, điều trị cụ thể, theo dõi	Mức trên đạt và Đề xuất 2,0

TỔNG ĐIỂM :
NHẬN XÉT:

Người chấm thi

